VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ

TUYỂN TẬP THƠ VĂN

SỐ 32, THÁNG 9 NĂM 1988

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY :

*** Văn Học :** *Thư Toà soạn, trang 1* *** Mai Thảo :** *Thơ trang 2* *** Võ Phiến :** *Tiếng Việt và người Việt ở hải ngoại, trang 3* *** Cao Đông Khánh :** *Di tản America, thơ trang 16* *** Diệu Tần :** *Con vịt một chân, truyện trang 23* *** Thụy Khuê:** *Hoạ sĩ Lê thị Lựu, trang 33* *** Luân Hoán :** *Nghe tiếng chim xưa, thơ trang 43* *** Hoàng Xuân Sơn :** *Trưa Sài gòn, thơ trang 43* *** Nguyễn Mạnh Trinh:** *Đất khách đọc thơ Bùi Giáng và Tô Thùy Yên, thơ trang 44* *** Nguyễn Tất Nhiên :** *Tâm hương, thơ trang 46* *** Ngu Yên :** *Siêu vi khuẩn, truyện trang 47* *** Đỗ Kh. :** *Một đêm ở Hamburg, truyện trang 55* *** Hàn Song Tường :** *Như mây, thơ trang 67* *** Đặng Phùng Quân :** *Sinh nhật của T., thơ trang 68* *** Vân Yên :** *Anh theo Tảo về, truyện trang 69* *** Nguyễn Việt Thường :** *Thơ đẹp như kinh, Tình tấn đạo đời, thơ trang 80* *** Nguyễn Hoàng Nam :** *Đánh dấu mùa hè thứ hai, thơ trang 82* *** Lữ Mộc Sinh :** *Sống và Thơ, thơ trang 83* *** Thường Quán :** *Mẹ-Đêm, thơ trang 84* *** Tạ Chí Đại Trường :** *Tiền đúc ở Đàng Trong (kỳ 2), trang 86* *** Bùi Bảo Trúc :** *Đọc "Tiểu Thuyết" Võ Phiến, trang 95* *** Ngô Ngọc Mỹ & Nguyễn Đạt :** *Làm đẹp chữ Việt, trang 98* *** Bùi Ngọc Đường :** *Nhật Tiến : Một khuynh hướng sáng tác mới trong văn học hải ngoại (kỳ 1) trang 104* *****

BAN CHỦ BIÊN VĂN HỌC

Hồ Trường An, Phạm Quốc Bảo, Quyên Di, Võ Đình
Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Đức Lập
Định Nguyên, Vô Ngã, Nguyễn Tất Nhiên, Hoàng Khởi Phong
Bùi Vĩnh Phúc, Vũ Huy Quang, Đặng Phùng Quân
Nguyễn văn Sâm, Nhật Tiến, Tưởng Năng Tiến
Nguyễn Bá Trạc, Kiệt Tấn, Võ Thắng Tiết

Phụ trách bài vở và điều hành chung : Nguyễn Mộng Giác

Phụ trách quản lý trị sự : Võ Thắng Tiết

Đại diện Văn Học ở Âu châu : Mr Lê Tất Luyện
*15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone : **45831912***
Đại diện Văn Học ở Úc châu : Nguyễn Khắc Phú
5/25 George Street, Yagoona, N.S.W. 2199 Australia.
Phone : (02) 7711770

Thư từ tiền bạc xin gửi về : **Văn Học**
10104 Westminster Ave, Garden Grove, CA 92643 USA
Phone : **(714) 832.8445**

Thư Toà soạn

Trên Văn Học số này, Văn Học trân trọng giới thiệu cùng quí bạn đọc một số bài khảo cứu, truyện ngắn và thơ của nhiều tác giả thuộc nhiều thế hệ khác nhau, từ những nhà văn lão thành như Mai Thảo, Võ Phiến cho đến những cây bút trẻ tuổi như Nguyễn Hoàng Nam, Vân Yên, Ngu Yên...

Đặc biệt như bạn đọc sẽ thấy Văn Học số 32 này thu thập được rất nhiều bài thơ hay. Bài thơ dài Dì tản America *của nhà thơ Cao Đông Khánh là tác phẩm công phu nhà thơ này dành cho Văn Học như một món quà tái ngộ. Những bài đoản thi bốn câu của Mai Thảo như khơi một đầu nguồn, và ở miền cuối sông, là những bài thơ mới mẻ cả ý lẫn lời của lớp nhà thơ trẻ như Thường Quán, Nguyễn Việt Thường, Nguyễn Hoàng Nam. Miền trung lưu có tiếng thơ Đặng Phùng Quân, Hàn Song Tường, Luân Hoán, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Tất Nhiên.*

Về hình thức, Văn Học số này cố ý giới tiệu với bạn đọc ba kiểu chữ Việt khác nhau theo cách xếp chữ xếp trang desktop tân tiến hiện nay. Người Việt trên khắp thế giới trong ngành kỹ thuật computer áp dụng ngành ấn loát đang cố gắng thảo chương một hệ thống chữ Việt tiện dụng và hoàn hảo, và những trang xếp chữ theo phương pháp mới trên số báo này là kết quả những cố gắng đáng yêu ấy.

Trân trọng,
Văn Học

Mai Thảo

Ghép cành

Cành đứt lìa mong ngày ghép lại
Vào thân hồng thủy ở rừng xa
Mười ba năm chỉ niềm mong ấy
Cháy bỏng trên từng đốt ngón ta.

Đợi bạn

Nửa khuya đợi bạn từ xa tới
Cửa mở cầu thang để sáng đèn
Bạn tới lúc nào không biết nữa
Phòng tối thui và giấc ngủ đen

Mỗi ngày

Mỗi ngày một gạch mỗi ngày giam
Lên bức tường câm cạnh chỗ nằm
Gạch mãi tới không còn chỗ gạch
Gạch vào trôi giạt tới chung thân.

Mưa khuya

Đêm đêm cặp mắt mở mơ hồ
Ngó trắng vô hình cái ngó khô
Đâu đó tiếng mưa từng tiếng thả
Từ đỉnh vùi chôn xuống đáy mồ.

Tín hiệu

Những hàng dây điện mắc song song
Chở những buồn vui tới khắp cùng
Đường dây ta mắc qua đời lạnh
Chỉ một u u tín hiệu trùng.

Võ Phiến

Tiếng Việt và người Việt ở hải ngoại

Cộng đồng di dân Việt Nam là một cộng đồng tương đối non trẻ. Vì non trẻ, chưa có bao kinh nghiệm, cho nên mỗi một biến cố xảy đến, mỗi diễn biến trong sinh hoạt cộng đồng đều có thể gây cho ta sự ngạc nhiên, lắm khi cả sự bối rối.

Một trong những vấn đề thường được đề cập đến giữa chúng ta là vấn đề ngôn ngữ. Mười ba năm trước, chúng ta mới ra khỏi nước, một trong những mối lo ngại lớn nhất là không nói được tiếng địa phương. Hồi 1976 trên tờ *Đất Mới* ở tiểu bang Washington, tờ báo bằng Việt ngữ ra đời sớm nhất tại Hoa Kỳ sau 1975, nhớ có bài của một nhiếp ảnh gia nói về nỗi cảm động, vui mừng và hảnh diện của ông khi lần đầu tiên ông thấy đứa con trai bé nhỏ của mình chơi đùa và bập bẹ dăm ba câu tiếng Mỹ với những bạn trẻ Mỹ của nó. Thấy con trẻ không đến nỗi lạc loài, ông có cảm tưởng nhẹ nhỏm, an tâm, gần như thoát hiểm.

Thế rồi mười ba năm sau, nhiều gia đình di dân Việt Nam chúng ta gặp những rắc rối gây ra do tệ nạn trẻ con không nói được tiếng Việt. Rồi thì đây đó cất lên tiếng kêu gọi giữ gìn gốc gác, rồi các tổ chức văn học đặt giải thưởng khuyến khích học sinh và sinh viên trau dồi Việt ngữ, thành lập thư viện cộng đồng, để khuyến khích đọc sách Việt ngữ v.v...

Nhu cầu hòa đồng với cuộc sống địa phương, sự cần thiết bảo vệ biệt sắc văn hóa cố hữu, mức độ dung hòa giữa đôi bên v.v..., những vấn đề quan trọng và có tầm lợi ích thực tế ấy không phải là nội dung của câu chuyện được trình bày hôm nay. Ở đây chỉ có những suy nghĩ thu hẹp vào một khía cạnh nhỏ của vấn đề: Thử ghi nhận một số khác

biệt giữa tiếng nói của người Việt Nam và tiếng nói của các dân tộc địa phương nơi họ cư ngụ. Và những nét khác biệt ấy chỉ nhằm một điểm thôi: là cái thiên năng Việt ngữ hướng về những gì *cụ thể*. Đây là một vấn đề hạn hẹp.

Trong số một triệu di dân Việt nam ra đi từ 1975 tới nay, phần lớn đến sinh sống ở những xứ nói tiếng Anh tiếng Pháp. Giữa ngôn ngữ Anh Pháp và Việt nam có nhiều điểm khác nhau. Tôi không có kiến thức về ngữ học, cũng không am tường về hai thứ ngôn ngữ kia đến mức độ có thể đi sâu vào mọi chỗ khác nhau. Như vậy nhận xét sau đây chẳng qua là của một kẻ "tay ngang" không có trình độ chuyên môn nào.

Trước hết hãy nhận rằng cái khuynh hướng về những gì cụ thể ở tiếng Việt không phải chỉ nổi bật lên khi được so sánh với các ngôn ngữ Anh Pháp. Ngay đối với tiếng nói của người Trung Hoa là dân tộc sát cạnh Việt nam và trong quá khứ từng có hàng nghìn năm ảnh hưởng vào văn hóa Việt nam, tiếng Việt nam cũng có sự thật khác biệt ở điểm ấy. Trong kho tiếng Việt có một số từ vay mượn từ tiếng Trung hoa; kiểm điểm lại thì những tiếng vay mượn phần lớn là những tiếng trừu tượng (như *lễ nghi, nhân nghĩa, đạo đức v.v...*), còn những tiếng thuần Việt thường là tiếng chỉ những cụ thể (*tay, chân, cá, lá, cây v.v...*). Khi nhận thấy điều ấy trước tiên, nhà học giả Dương Quảng Hàm cho rằng đó là do trình độ văn hóa đôi bên chênh lệch nhau. Lúc Việt nam mới tiếp xúc với Trung hoa thì văn hóa vốn thấp hơn văn hóa Trung hoa, xã hội Việt nam tổ chức kém xã hội Trung hoa. Người Trung hoa đã đưa vào Việt nam một số kỹ thuật mới, tất nhiên cũng đưa theo cả những từ ngữ mới liên quan đến kỹ thuật ấy. Lúc bấy giờ Việt nam cũng học hỏi được ở Trung hoa nhiều điều về tổ chức chính trị từ cơ sở lên đến trung ương, và đồng thời mượn của Trung hoa những từ ngữ thuộc sinh hoạt chính trị (*xã, thôn, hương, lý, triều đình, quan, dân v.v...*). Việt nam học hỏi được của Trung hoa nhiều kiến thức và đồng thời cũng nhiều từ ngữ về triết học, tôn giáo, nghệ thuật (*âm dương, liêm sỉ, thiện, ác, tạng phủ, hư, thực v.v...*) Trong Việt ngữ đại đa số những tiếng chỉ về tư tưởng, học thuật, về sinh hoạt chính trị, kinh tế v.v... là những tiếng có nguồn gốc Trung hoa, và cũng là những tiếng trừu tượng. Điều ấy không lấy gì làm lạ.

Cái đáng lấy làm lạ, ấy là dần dần chúng ta nghiệm thấy có những chuyện mà trước khi tiếp xúc với bất cứ dân tộc nào khác, người Việt nam vẫn làm, vẫn nói đến, thế mà ở những chuyện ấy nhiều dân tộc khác có những lối nói chứng tỏ một óc trừu tượng, thì lối nói của Việt nam biểu lộ một khuynh hướng về cái cụ thể.

Trường hợp thường được nhiều người viện dẫn là trường hợp tiếng *porter* (Pháp), *carry* (Anh), mà Việt nam có rất nhiều tiếng tương đương: *ẵm, bồng, đội, đeo, mang, xách, vác, gánh, bưng, bế,*

bê, khuân, chở, nách, cõng, địu, quảy, khiêng v.v...

Đó không phải là trường hợp hiếm hoi. Trái lại, chúng ta có thể kể ra thật dễ dàng những thí dụ như thế. Về cái ý "trốn" người Pháp người Anh diễn ra bằng năm ba chữ khác nhau, nhưng người Việt nam thì nhiều hơn: *dọt, rút, lủi, tránh, lẩn, lách, lẻn, cút, xước, de, lặn, dù, xéo v.v...;* về cái ý "la" cũng vậy, Việt nam có bao nhiêu là tiếng: *hét, tru, kêu, thét, quát, gào, réo, rú, reo, rít, ré, gầm v.v...*

Thấy vậy mà bảo rằng tiếng Việt phong phú, các thứ tiếng khác nghèo nàn thì e không ổn, thì gặp rắc rối ngay. Bởi vì có những trường hợp khác người Việt dùng ít tiếng mà người Anh người Pháp lại diễn ra bằng nhiều tiếng khác nhau. Người Việt bảo *nói,* Anh Pháp phân biệt ra: *say, speak, lecture, talk, tell, address, chatter, gossip, converse, discourse...(*Anh), *parler, dire, bavarder, s'addresser, v.v...(*Pháp); Việt chỉ gọi là *thịt,* Anh Pháp lại phân biệt ra *meat* với *flesh (*Anh), *viande* với *chair (*Pháp)v.v...

Khi người khác có ít tiếng mà Việt có nhiều, khi người khác có nhiều mà Việt lại chỉ có ít tiếng, những cái tưởng chừng mâu thuẫn ấy thực ra chỉ do một nguyên nhân: là Anh Pháp sở trường về cái trừu tượng, còn Việt nam thì thiên về cái cụ thể. Người Việt nam nói *đội, vác, cõng...* là vẽ ra nhiều hình ảnh khác nhau: hoặc mang một vật trên đầu, hoặc mang vật ấy trên vai, hoặc mang vật ấy trên lưng v.v...; nhưng người Việt nam không rút ra được từ bao nhiêu động tác khác nhau ấy một khái niệm chung là: nhấc một vật lên. Người Anh người Pháp có cái khả năng trừu tượng mà Việt không có. Người Việt phân biệt ra nhiều dạng thức cụ thể khác nhau, còn Anh Pháp thì từ nhiều dạng thức linh tinh khác họ rút ra một ý niệm chung. Do đó trong những trường hợp này họ dùng ít tiếng mà Việt dùng nhiều. Trái lại, cũng chính vì lý do ấy mà ở trường hợp tiếng *nói,* tiếng *thịt,* Việt với Anh Pháp lại khác. Giữa *talk* với *speak,* với *tell* v.v..., giữa *viande* với *chair,* không có sự khác biệt về những ý niệm trừu tượng ấy là chỗ yếu của Việt nam, cho nên Việt không để ý đến, Việt... bỏ qua!

Một bên chú trọng đến dạng thái nên sử dụng nhiều tiếng để chỉ thị những dạng thái cụ thể khác nhau; một bên chú trọng đến ý niệm nên có nhiều tiếng để chỉ thị những ý niệm trừu tượng khác nhau.

*
* *

Đến đây, xin được rẽ ngang qua cái trường hợp mà Việt nam đã có tiếng trừu tượng nhưng vẫn cứ xài tiếng cụ thể, cứ mỗi lúc một đặt thêm ra nhiều tiếng cụ thể để thay cho cái tiếng trừu tượng kia.

Xin lấy một thí dụ: tiếng *yêu.* Yêu thì chắc chắn người Việt nam không chờ học hỏi ở người Trung hoa hay người Anh người Pháp.

Trong lịch sử chắc chắn người Việt nam đã biết yêu và nói tiếng yêu sớm lắm. Không những thế, họ lại có đến hai tiếng trừu tượng để nói ra cái tình cảm cực kỳ quan trọng trong đời sống ấy: *yêu* và *thương*. Tiếng ấy chắc không thiếu trong bất cứ ngôn ngữ nào của dân tộc nào.

Tuy nhiên, ở người Việt nam, một khi xuất hiện ra rồi, nó cứ bị cái khuynh hướng thiên vị về cái cụ thể lấn áp mãi. Ngày nay, chỉ trong những khi trịnh trọng, nghiêm chỉnh, họ mới nói *yêu, thương*. Còn trong cuộc sống hàng ngày, nhất là ở trong quần chúng bình dân nơi làng mạc, chợ búa, v.v..., người Việt sử dụng những tiếng "màu mè" hơn nhiều: *trai gái, chim chuột, giăng dện, gió trăng, mèo mỡ, ong bướm, trăng hoa v.v...* Có khi lại còn là: *tò tí, tầng tịu v.v...* Ong với bướm, chim với chuột v.v..., tất cả đều là những vật và sinh vật cụ thể, và tất cả đều chỉ thị cái ý yêu đương theo nghĩa tình cảm.

Còn đối với cái động tác yêu đương mà người Anh và người Pháp bảo là *làm ái tình*, người Trung hoa bảo là *ân ái*, thì người Việt nam cũng không chịu những lối ấy. Để diễn tả một động tác mà dùng làm chi các tiếng quá đỗi trừu tượng làm ái tình, là ân ái? Người Việt nói: hoặc *ngủ* với nhau, hoặc *ăn ở, ăn nằm*, hoặc *chung chạ, chăn gối v.v...*

Dùng một tiếng cụ thể để diễn tả một ý trừu tượng là chỗ sở trường của người Việt nam.

Đi thi mà thành công là *succeed*, là *reussir;* thi mà thất bại mà hỏng thi thì là *fail*, là *échouer* theo người Anh Pháp. Nhưng người Việt lại nói *đậu*, nói *đính*, nói *trượt*, nói *rớt*, cũng như *vặn, xỏ, quay* v.v... nguyên dùng để chỉ thị những động tác cụ thể, sự trạng cụ thể, lại được người Việt sử dụng vào một ý niệm trừu tượng. *Ngậm, nuốt, gỡ* v.v... là những động tác cụ thể; người Việt dùng để diễn những ý trừu tượng (*ngậm*, hờn, *nuốt* giận, *gỡ* tội...) *Sắc bén* là tiếng mô tả một trạng thái cụ thể, nhưng khi người Việt nói con người *sắc bén* thì tiếng ấy lại chỉ một tính cách của tâm lý, một cái gì lẽ ra phải trừu tượng. Bao nhiêu là tiếng như *chua chát, đắng cay, ngọt bùi, mặn mà* v.v... đều thường dùng như thế cả. Cũng như lời *ong bướm*, lời *đường mật*, nghĩa *đá vàng* v.v... Thay vì nói một cô gái đẹp người Việt có thể nói cô ấy *thơm*. Thậm chí còn khen trợ cấp xã hội tiểu bang này *thơm* hơn ở tiểu bang kia! Giác quan của người Việt nam, thân xác của người Việt nam xuất hiện quá nhiều trong tiếng nói. Cái đẹp mà cũng có cái đẹp *mặn mà*, cái đẹp *lạt lẽo*. Người có người *phổi bò*, có kẻ *đầu bò*, có người *to gan*, có kẻ *lớn mật*..., những đầu, những phổi, gan, mật đó không phải là của các nhân vật kỳ hình dị tướng đâu; đó là chuyện tính tình, là tâm lý cả đấy.

Người Việt nam thường để cho giác quan xen vào những thẩm định lẽ ra phải là việc của lý trí. Họ "*nghe* trời nắng nặng *nghe* ta buồn buồn", cái nghe liên quan đến một cảm tưởng như thế khả dĩ chấp nhận được. Một lập luận không đúng, người Việt cũng chê: "*Nghe*

bất thông! *Nghe* không vô!"; một hành vi sai quấy, một thái độ bất lịch sự người Việt "*thấy* không ổn", "thấy khó *coi*". Đúng với sai thiên hạ phán đoán bằng lý trí, người Việt nam xem như chuyện của giác quan, chuyện nghe chuyện thấy.

Đến đây, tôi ngại có thể bị chê là lệch lạc, là cố tình khuếch đại sở trường của dân tộc Việt nam. Bởi vì dùng mỹ từ pháp để cụ thể hóa cái trừu tượng thì văn chương nước nào cũng có đâu phải riêng gì Việt nam? Dân tộc nào cũng có thân xác, và cũng biết vận dụng kinh nghiệm của thân xác vào ngôn ngữ, đâu phải chỉ Việt nam mới làm thế?

Tuy nhiên ít ra có hai nhà khảo luận Việt nam, ông Nguyễn Hồng Phong (trong bộ *Sơ thảo văn học lịch sử văn học Việt nam)* và ông Nguyễn văn Trung (trong cuốn *Ngôn ngữ và thân xác),* một vị ở miền Bắc một vị ở miền Nam trước 1975, đã xem xét kỹ lưỡng và cùng cho rằng cái điều mà thiên hạ đều làm thì Việt nam có làm quá thiên hạ, rằng cái thân xác của người Việt nam có lắm lời hơn thân xác của người tứ xứ.

*
* *

Bây giờ xin xét đến một phương diện khác của tiếng Việt: tức cách phát âm.

Nhiếp ảnh gia người Mỹ đưa máy ảnh lên và nhắc: "Cheese!" để khách hàng cười cho tươi. Người khách hàng Việt nam không cần phát âm cái tiếng có ý nghĩa xa lạ với niềm hân hoan như thế: Người Việt nam chỉ cần mở miệng nói: "*Cười!*", thế là nụ cười đã nở ngay trên môi.

Người Việt không thể nói *ngậm* mà hở miệng, nói *nhăn răng* mà khép mồm giấu răng giấu lợi được. Người Việt không nói để *gọi tên* một động tác, mà nói để *biểu diễn* luôn cả cái động tác ấy cho người khác thấy hiển hiện trước mắt. Khi nói *khạc* thì người Việt khạc, nói *nhổ* thì mồm họ nhổ, nói *hút* thì họ hút vào, nói *phun* thì họ phun ra, nói *nhai,* nói *nuốt,* nói *oẹ,* nói *hả v.v.* đều thế cả. Lắm khi thật ngộ nghĩnh: Nói cười *ha hả* thì miệng họ mở toang mà bảo *cười mỉm* thì miệng lại ngậm hàm tiếu! Nói rằng cửa *mở* thì miệng cũng mở theo, mà bảo cửa *khép* thì môi người cũng khép lại. Trong khi người Anh người Pháp lúc phát âm ra các tiếng *rire, sourire, open, close, ouvrir, fermer v.v...,* đâu có thế? Tiếng nói của Việt nam trong nhiều trường hợp không phải chỉ là một ký hiệu âm thanh. Nó mô tả cả một dạng thể.

Người Việt nam khi phát âm thì miệng mồm biểu diễn sự việc mà cái âm của tiếng nói tự nó cũng mô tả sự vật nữa.

Chúng ta thường khen trong *Truyện Kiều* có nhiều câu thơ mà âm thanh có giá trị miêu tả cao. Chẳng hạn: "Vó câu khấp khểnh,

bánh xe gập ghềnh". Hai tiếng *khấp khểnh* và *gập ghềnh* tự nó diễn tả tình trạng con đường rõ ràng hơn bất cứ cách định nghĩa nào tìm thấy trong tự điển.

Tất nhiên một câu thơ như thế chứng tỏ thiên tài rực rỡ của Nguyễn Du, nhưng phải nhận rằng thiên tài ấy đã nương cậy rất nhiều vào thiên năng đặc biệt của dân tộc, tôi muốn nói đến đặc điểm của Việt ngữ. Thật vậy, trong cuộc sống hằng ngày, những kẻ không có năng khiếu về thi ca cũng sử dụng được những tiếng có giá trị mô tả rất tinh. Chẳng hạn:

Thằng nhỏ trông *lí la lí lắc*, khó thương quá.

Ông ấy đi đứng sau mà *ưỡn à ưỡn ẹo*, không nghiêm chỉnh tí nào.

Lạ thật, bà ấy đẻ đà mà sanh ra con cái đứa nào cũng *loắt choắt* v.v...

Không cần ai giải nghĩa những chữ *lí la lí lắc, ưỡn à ưỡn ẹo, loắt choắt;* cứ nghe tiếng nói phát ra chúng ta đã hình dung được những dạng thái ngụ trong ấy rồi.

Nhiều học giả nghĩ rằng phần lớn các âm Việt ngữ có khả năng biểu thị hình dạng. Khi đọc âm *ong* (như quả *bóng*, cái *lọng*, cái *nong*, chiếc *võng*, chạy *lòng vòng*, v.v...) thường ngụ ý cong và phồng. Khi đọc âm *oi* thì phải hất hơi ra; cho nên các tiếng có âm *oi* (như *thòi* ra, *lòi* ra, cái *ngòi*, cái *còi*, *nhoi* lên v.v...) thường ngụ ý ngoi ra. Âm *ăt*, phát ra nghe vắn, nghe vắn, nghe gắt, nó có mặt trong những tiếng như *cắt, chặt, ngắt, xắt, thắt, vặt* v.v... Phụ âm nổ *q* thích hợp với các tiếng hàm ý cứng cỏi (như *quát, quạt, quất, quật, quăng, quẳng* v.v...) Phụ âm lỏng *m* cho ta một cái cảm giác êm diệu; có phải vì thế mà bắt đầu các tiếng *mềm mại, mượt mà, mịn màng, mơn mởn, mở* v.v...

Về trường hợp này, các ông Trương văn Chình và Nguyễn Hiến Lê nghĩ rằng các âm trong tiếng Việt khiến người ta nghĩ đến các bộ chữ Tàu. Chữ viết Trung hoa có 214, mỗi bộ có một ý nghĩa riêng: bộ thảo 艹 dành cho các chữ thuộc về loài cỏ, bộ mộc 木 dành cho các chữ nói về cây, bộ nhân 亻 dành cho các chữ chỉ người v.v... Phải chăng trong tiếng nói của người Việt nam mỗi âm cũng là mối dây liên kết giữa một số tiếng gần nhau về ý nghĩa?

Ở đây có chỗ cần lưu ý: là mối liên hệ giữa các chữ cùng một bộ trong Hoa ngữ được căn cứ trên một sự phân loại theo lý trí, còn mối liên hệ giữa các tiếng cùng âm của Việt ngữ lại căn cứ trên cảm nhận của giác quan. Các chữ ngôn 言, luận 論, ngữ 語, nghị 議, cùng có bộ ngôn; đó là kết quả một suy luận về các ý nghĩa trừu tượng của chúng. Trong khi ấy *tròn, lon, hòn* v.v... mà đồng âm với nhau là kết quả của sự gần nhau về dạng thái những gì cụ thể do cảm quan ghi nhận.

Trong Việt ngữ không phải chỉ có các âm mới diễn tả hình tượng, mà các thanh cũng vậy. Các dấu huyền, dấu sắc, dấu nặng v.v..., mỗi dấu gợi cho ta những điều thật rõ ràng. Chúng ta nói: nện chân *thình*

thịch, nhẹ gót *thênh thênh.* Hai tiếng *thình thịch* mang dấu huyền và dấu nặng, hai tiếng *thênh thênh* không có dấu giọng. Tiếng nào thích dụng vào chỗ nấy không phải chỉ vì cái nghĩa ước định, mà chính do cái cảm giác do các thanh nọ gợi nên. Nói "nện *thình thịch"* được nhưng nói "nhẹ gót *thình thịch"* không thể được; nói "nhẹ gót *thênh thênh"* được mà nói "nện giày *thênh thênh"* thì không được. Đó không cần chờ nhà làm tự điển bắt bẻ chúng ta, mà chính bản thân các thanh nọ nó phản đối ta, nó phản đối kịch liệt. Dấu huyền dấu nặng trong tiếng *thình thịch* diễn tả tiếng giậm chân mà không thể diễn tả được cảm giác phơi phới khi nhẹ bước. Ấy, mỗi cái dấu trong tiếng Việt nó lắm chuyện như thế.

Phan văn Hùm cho rằng: "Vì giọng hỏi là một giọng gãy nhưng còn dịu, nên chỉ những tiếng nào nó đã ghi là có nghĩa nhẹ, hoặc ngắn, hoặc nhỏ, hoặc dễ v.v... Còn giọng ngã, vì gãy mà chìm, nói phải rán đưa hơi từ trong ngực ra, nên chỉ những tiếng nào nó đã ghi có nghĩa nặng, hoặc dài, hoặc lớn, hoặc khó, hoặc bền v.v..." Do lẽ ấy, ông Phan bảo hai tiếng *mỏng mảnh* không thể có dấu ngã được; còn những tiếng *nặng trĩu, dài nhẵng,* phải đánh dấu ngã.

Cũng về các thanh, hai ông Trương văn Chình và Nguyễn Hiến Lê cảm thấy dấu sắc có ý mạnh mẽ, gắng sức; dấu nặng có ý nặng nhọc, chìm hẳn xuống; còn những tiếng không có dấu giọng (như *thênh thênh)* thì hai ông cho rằng nó có ý ngang ngang chưa quyết định!

Tóm lại, âm và thanh của tiếng Việt, chúng cùng nhau đóng góp một phần lớn vào cái nghĩa của mỗi từ ngữ Việt nam. Ông Maurice Durand đã nghiên cứu tỉ mỉ về khả năng gợi tả của tiếng Việt và về các âm cũng như các thanh. Để nói về loại tiếng này tiếng nọ ông Durand dùng một từ ngữ mà chúng ta có kẻ dịch là cảm từ, có người dịch là tiếng biểu cảm (impressif). Thành thử ở các dân tộc khác thì tiếng nói chăng qua là những dấu hiệu ước định để biểu ý, ở Việt nam nó lại có giá trị biểu cảm.

Đành rằng trong các ngôn ngữ khác có loại nghĩ thanh tự (onomatopeé) bắt chước thiên nhiên, nhưng số tiếng ấy chẳng có là bao; vả lại "bắt chước" là chuyện quá thô sơ với lối gợi tả của tiếng biểu cảm trong Việt ngữ. Thiên hạ nói ra là phát ra những tín hiệu bằng âm thanh; còn người Việt nói gì là gợi lại tiếng động, là vẽ ra hình tượng, là truyền cho nhau những cảm giác sống động. Người Việt nam nói, kẻ tiếp nhận không phải chỉ để hiểu ý nghĩa, mà còn cảm được nội dung của điều phát biểu, mường tượng ra hình ảnh những sự vật được đề cập. Nói bằng Việt ngữ là mô tả một cách cụ thể bằng âm thanh. Có lần học giả Granet nhặt trong tiếng Trung hoa được ba trang lớn tiếng đôi (như *quan quan, yêu yêu, hoàng hoàng, âm âm*

v.v...), ông lấy làm thích thú về những điệp ngữ ấy lắm. Ông cho rằng những chữ đôi ấy gợi lại cái gì cụ thể như những bức họa bằng lời (comme de véritables peintures vocales).

Granet lý lý : Khi ta nói *chậm, chậm* có thể mang một nghĩa ước định. Nhưng khi ta nói *chầm chậm,* thì âm thanh của tiếng nói mô tả động tác, khả năng tác động của từ ngữ ấy vượt ra ngoài ý nghĩa ước định. Tiếng điệp ngữ quả là có giá trị minh họa. Và những bức họa tài tình như thế chồng chất đầy nghẹt cả kho ngôn ngữ Việt nam. Nếu sưu tầm, chúng ta không phải chỉ có ba trang giấy mà là trùng trùng điệp điệp, bởi vì gần như mọi tĩnh từ trong Việt ngữ đều có thể biến thành tiếng đôi: Trong *Truyện Kiều* có mấy câu mà chúng ta ai nấy đều biết:

" *Tà tà* bóng ngã về Tây
Chị em *thơ thẩn* dang tay ra về
Bước lần theo ngọn tiểu khê
Nhìn xem phong cảnh có bề *thanh thanh*
Nao nao dòng nước uốn quanh
Nhịp cầu *nho nhỏ* cuối gành bắt ngang
Sè sè nấm đất bên đàng
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh! "

Trong tám câu thơ ta có bảy tiếng điệp ngữ: Thật ra, nếu muốn có thể tăng thêm nữa cũng không khó, vì nửa vàng nửa xanh tức là vàng vàng xanh xanh đấy thôi.

Cụ Nguyễn Du làm thơ, nghe mà ham ! Dám chắc thi sĩ ở mọi nơi đều ao ước sử dụng một thứ tiếng có nhiều điệp ngữ biểu cảm như thế.

Làm thơ mà biểu cảm được là hay; nói lời nói thường mà cũng biểu cảm thì thật là tuyệt vời. Có ai mở miệng nói mà không muốn truyền thẳng cảm xúc của mình cho người nghe; nhưng mấy ai muốn mà được? Từ cái cảm xúc trong lòng, cái hình ảnh trong trí, cho đến những ký hiệu dùng để diễn tả, sự cách biệt quá to. Nói bằng ký hiệu làm nghèo hẳn cảm xúc, nghèo hẳn cái nội dung được nói đến.

Alphonse Daudet có viết đâu đó về tình cảm bất lực thảm thương của người văn sĩ: điều hắn ôm ấp trong lòng thật linh động, phong phú, nhưng tác phẩm hắn viết ra chẳng diễn tả được bao nhiêu; giống như con sứa ngoài khơi Địa trung hải đẹp đẽ chừng ấy mà giạt vào bờ nó teo tóp lại; vớt lên chỉ còn tí xíu trên tay !

Nói bằng tiếng biểu cảm là cách nói lạ lùng nhất, là chộp con sứa ngay giữa biển khơi, là "truyền thần" được những hình ảnh cảm xúc: *lí la lí lắc, loắt choắt, ưỡn à ưỡn ẹo, nao nao, sè sè* v.v...., đó không phải là thực tại, là sự sống được trực tiếp truyền thần lại bằng âm thanh sao?

*
* *

Chúng ta thử tìm hiểu một khía cạnh của tinh thần Việt ngữ qua cái nghĩa của mỗi tiếng nói, rồi qua cách phát âm của tiếng nói. Bây giờ xin đề cập tới một tự loại khá đặc biệt.

Trong Anh ngữ Pháp ngữ, đứng trước danh tự có một thứ tiếng gọi là mạo tự (article). Tiếng ấy, hoặc *the*, hoặc *le* hay *la*, có thể đứng trước mọi danh từ, dù chỉ người chỉ vật, chỉ một ý niệm trừu tượng hay chỉ một vật cụ thể.

Ngành ngữ học Việt nam xuất hiện muộn màng. Các học giả Việt nam đầu tiên khi nghiên cứu Việt ngữ cũng dựa theo ngữ pháp Tây phương mà gọi là mạo tự. Dần dần, sự việc trở nên rắc rối. Việt ngữ không phải chỉ có một, hay hai, hay chín mười tiếng mạo tự; mà rất nhiều, nhiều quá lắm: *con* suối, *cây* gậy, *cái* cây, *ngọn* núi, *tầng* mây, *mặt* trăng, *cơn* ghen, *trận* mưa, v.v... Bấy giờ có kẻ đặt ra tiếng loại tự (spécifique), có ý cho rằng mỗi tiếng như thế đứng trước danh tự dùng để chỉ định một loại. Nhưng có vị nhận thấy vẫn không ổn: loại đâu mà lắm loại quá vậy ? Vả lại vật cùng loại có thể dùng nhiều loại từ: *cục* đá, *hòn* đá, *viên* đá, *tảng* đá, *khối* đá v.v..., cùng một loại đá cả. Các vị ấy bỏ ý định gọi tên căn cứ trên nhiệm vụ của loại tiếng ấy, mà chọn cách giản dị hơn, là căn cứ trên vị trí của nó, gọi nó là *tiền danh tự* cho đỡ rắc rối. Có vị khác gọi nó là *phó tự* v.v...

Tất cả sự bối rối nọ, thiết tưởng là cùng do ở chút thiên năng về cái cụ thể của người Việt mà ra cả. Người Anh chỉ cần một tiếng *the*, người Pháp phân biệt ra hai giống *le* và *la*. Ở Đông dương nhóm thiểu số Bahnar phân biệt ra một bên là người một bên không phải là người: hai người thì " par *nu* drânglo" mà hai con chim thì "par *tở* xem", hai cái nhà thì "par *tở* hnam". Đối với người Việt nam, sự phân biệt giữa nhân-loại với phi-nhân-loại, giữa giống đực với giống cái không thành vấn đề. Tiền danh tự trong Việt ngữ không đặt ra để phân biệt những cái ấy.

Người Việt nam chỉ lấy làm quan trọng những ghi nhận của giác quan, những hình dạng màu sắc v.v... Mũi thì gọi *cái* mũi nhưng mắt lại là *con* mắt; bàn thì là *cái* bàn, nhưng roi thì có thể là *con* roi, *ngọn* roi v.v... Một bên linh động (*con*) một bên không linh động (*cái*), những ghi nhận như thế họ không bỏ qua.

Và không phải chính vì được gọi là *con* thuyền, *con* tàu, *con* sông, *con* bún v.v... mà những vật vô tri đã trở thành sống động, đã "sống" được đó sao ? không phải cái tiếng nói của người Việt đã thổi sinh khí vào những vật vô tri nọ đó sao ?

Dù cho gặp hoàn cảnh éo le bi đát một danh tự trừu tượng, cái tiếng gọi là tiền danh tự trong Việt ngữ cũng cố gắng trao cho ý niệm trừu tượng nọ một dạng thái: *mảnh* tình, *khối* tình v.v...; nếu không được thế thì cũng là một thần sắc riêng : *nỗi* khổ, *niềm* đau, *cơn giận* v.v... Nó không đứng ngẩn ngơ vô tích sự như *le* với *la* chẳng hạn.

Ông Nguyễn Hồng Phong bảo rằng trong Việt ngữ có bao nhiêu

danh tự là có gần bấy nhiêu tiền danh tự. Nói thế e quá đáng. Dù sao, so với các ngôn ngữ Anh Pháp thì tự loại ở Việt nam cũng phong phú quá lắm, khó tưởng tượng được. Như thế chỉ vì bất cứ nói đến sự gì vật gì dù cụ thể dù trừu tượng, người Việt nam không chịu gọi một cái tên suông mà thôi, người Việt nam còn đòi gửi vào đó cả một nhận xét của giác quan, in vào đó một hình tượng. Năm giác quan chúng ta chế ngự cả vũ trụ một cách chặt chẽ.

Mặc dù về các tự ngữ và tự loại Việt nam còn nhiều điều đáng nói nữa, chúng ta cũng không nên nhẩn nha lâu quá, dành nhiều thì giờ quá cho chuyện này. Hãy xem cách người Việt kết cấu ý tứ trong câu nói như thế nào. Ở đây cũng lại có những chỗ khác nhau đối với các dân tộc ở những xứ mà họ đang đến sinh sống.

Nghiên cứu về cú pháp Việt nam, ông Lê văn Lý có đưa ra hai tỉ dụ để chứng minh một qui tắc.

Các tỉ dụ là: "Cậu Hai đi dạo ngoài bờ sông câu cá trượt chân ngã xuống nước chết đuối." và "Khi nói xong, ông đứng dậy, từ giã mọi người rồi ra về." Qui tắc ấy được gọi là "qui tắc liên tục", định nghĩa như sau : "Các tự ngữ trong câu nói được diễn ra theo thứ tự các sự kiện đã xảy ra trong thời gian; cái gì xảy ra trước được diễn ra trước, cái gì xảy ra sau, được diễn ra sau."

Cũng một nhận xét ấy, hình như một nhà ngữ học khác đã so sánh câu Việt ngữ "Nó đi săn về" với câu Pháp ngữ "Il revient de la chasse". Sự so sánh khiến một tỉ dụ rất ngắn làm bật ngay cái đặc điểm của cú pháp Việt.

Quả rằng trong cả hai câu, ý "về" mới là cái ý quan trọng, chủ yếu; còn ý "săn" chỉ là phụ. Người Pháp diễn tả ý "về" trước, ý "săn" sau; câu nói của họ được kết cấu để bày tỏ rõ ràng cái tương quan chính phụ.

Người Việt nam không quan tâm đến điều ấy. Đối với người Việt, cái gì trông thấy trước, nghe thấy trước, được giác quan ghi nhận trước thì diễn tả trước, cái gì ghi nhận sau thì diễn tả sau.

Một bên các yếu tố trong câu nói được xếp theo quan hệ luận lý, một bên liệt kê sự việc theo thứ tự thời gian cảm nhận. Một bên sắp đặt theo lý trí, một bên theo cảm thức. Người Việt không lý luận; người Việt căn cứ theo các giác quan. Và điều đó là một điều rất quan trọng, bởi vì nhận xét chung về cú pháp Việt nam trong một cố gắng hệ thống hóa, ông Lê văn Lý chỉ rút ra có bốn qui tắc: liên tục là một.

Qui tắc quan trọng ấy lại xác nhận điểm sở trường của người Việt đối với cái cụ thể, tức cảm quan. Người Việt tránh cái trừu tượng, tức luận lý.

Người Pháp nói năng hợp lý, người Việt thấy đâu nói đó; cái sở trường của người Việt có phải là một cái yếu, cái kém chăng? Phải có một trình độ trí thức nào đó mới kết cấu câu nói theo luận lý được; e

Việt nam chưa đạt tới trình độ ấy chăng?

Sự thực lời nói của một dân tộc không ăn thua gì đến chuyện trình độ. Ngôn ngữ thành hình trước khi các dân tộc đạt tới trình độ văn hóa cao. Trong trường hợp đang nói đây, người Pháp nói năng giống hệt một số sắc dân tộc thiểu số ở Việt nam. Thật vậy, người Bahnar nói "Nó về từ săn" (Hi uih đŏng loa); người Hré nói "Nó về từ chăn trâu" (Hãq hlài ĩnh ngen capè); người Chru nói "Nó về từ kiếm củi" (Nhũ wõ mỏng duah iuh) v.v... Như thế sự thiết tha với cảm quan không hề là một vấn đề trình độ.

Cùng suy nghĩ về các đặc điểm ngữ pháp Việt nam, các ông Nguyễn Hiến Lê, Trương văn Chình và cả ông Phan Khôi nữa, đều nhận thấy người Pháp thích dùng thể từ (nom, sustantif) trong những trường hợp mà Việt vẫn dùng trạng từ (verbe, adjectif)

Hai ông Trương và Nguyễn đưa ra mấy tỷ dụ:

Pháp: Le sifflement du vent Việt: Tiếng gió thổi
Le chant des oiseaux Tiếng chim hót
Sa sensation exclusive fût Nó chỉ cảm thấy
une terreur épouvatable sợ kinh hồn

Pháp nói "Đề nghị ấy còn đợi sự duyệt y của chính phủ". Cũng cái ý ấy, trước khi tiếp xúc với Pháp, người Việt nam xưa kia chắc chắn phải nói là: "Đề nghị ấy còn chờ đợi chính phủ duyệt y".

Tại sao có sự khác nhau như thế? Hai ông Trương văn Chình và Nguyễn Hiến Lê đưa ra một chữ *đẹp* dùng hai cách:

"Phong cảnh nơi đây *đẹp* lắm,"

và "Cái nết đánh chết cái *đẹp*."

Hai ông nhận xét: "Tiếng *đẹp* ở trên là trạng từ, ở câu dưới là thể từ. *Đẹp*, trạng từ, trỏ một sự trạng thực tại, mắt ta nhìn thấy phong cảnh, cảm xúc mà biết là cảnh đẹp. Vậy, *đẹp*, trạng từ, là một khái niệm cụ thể. Nhưng, *đẹp*, thể từ, là một khái niệm trừu tượng."

Như vậy dùng thể từ phải vận dụng khả năng trừu tượng hoá, khiến *đẹp* thành ra *cái đẹp;* dùng trạng từ lại là một cách mô tả, một cách quan niệm sự vật rất cụ thể. Và người Việt thì bao giờ cũng "chịu" lối mô tả, cũng thích cái cụ thể. Cho nên họ khoái trạng từ.

"Cái đẹp" là gì? đó là một sáng tác của lý trí; nó trừu tượng, nó rắc rối, người Việt nam không muốn biết đến. Họ chỉ muốn phô diễn cái cảm xúc do giác quan ghi nhận.

Cách giải thích vừa rồi tưởng cũng có thể áp dụng cho trường hợp người Việt nam thích dùng cả một câu chủ đề thay vì dùng một danh tự như người Pháp. Pháp nói: "Votre départ me surprend" (Sự ra đi của anh làm tôi ngạc nhiên). Việt nam nói: "Anh ra đi làm tôi ngạc nhiên".

Gần đây trên trang sách Việt ngữ, do ảnh hưởng văn hóa Pháp, dần dần xuất hiện nhiều "sự" như thế: *sự* ra đi, *sự* công bình, *sự* vâng

lời, *sự* cãi cọ v.v..., bao nhiêu cái "sự" làm bối rối những thế hệ người Việt nam trước kia. Những ý niệm trừu tượng ấy đều mới mẻ cả. Chúng ta chỉ cần mở cuốn *Truyện Kiều*, cuốn *Lục Vân Tiên* ra, từ đầu tới cuối không hề bắt gặp lấy một "sự" nào đại loại như thế cả.

*
* *

Ở Trung hoa, Việt nam cũng như nhiều nước Á châu khác, khoa ngữ học bắt đầu rất muộn màng. Cho đến nay học giả Việt nam chưa tìm hiểu được bao nhiêu về tiếng nói dân tộc. Tất nhiên những điều vừa trình bày thật là thô thiển và hạn hẹp, chỉ liên quan đến một khía cạnh nhỏ của Việt ngữ. Dù thế có lẽ khía cạnh nhỏ vẫn gợi cho chúng ta đôi điều đáng quan tâm.

Tiếng nói không phải chỉ là một phương tiện để phô diễn cảm nghĩ, tiếng nói của một dân tộc tự nó đã hàm ngụ lề lối cảm nghĩ đặc thù của dân tộc ấy rồi. Hàng triệu người trong muôn vạn năm đã kế tiếp nhau xây dựng nên một hệ thống ngôn ngữ; hết lớp nọ đến lớp kia, họ đem kinh nghiệm sinh hoạt của mình, đem tình cảm và tư duy của mình vào đó: Làm sao mà một ngôn ngữ không phản ánh nếp sống vật chất và tinh thần của dân tộc được? Phản ảnh trong cấu trúc câu nói, trong từng thành phần của lối nói, cũng có khi trong cách phát âm ra giọng nói nữa. Trong tiếng nói của Việt nam, thấp thoáng phần nào cái cách họ cảm xúc, cách họ nhìn đời, thấp thoáng cái tính tình, cái quan niệm của họ về vũ trụ về nhân sinh. Trong tiếng nói có tâm hồn của dân tộc.

Chúng ta vừa nhận thấy Việt ngữ chứng tỏ một khuynh hướng thiên về cái cụ thể hơn là trừu tượng, về cảm quan hơn là lý trí. Mặt khác chúng ta cũng biết rằng trải qua lịch sử dài hơn bốn nghìn năm, ở Việt nam không có triết gia, nước Việt nam không có một nền triết học thành văn, và vấn đề quốc học đã từng là thắc mắc một thời của giới trí thức Việt nam. Có phải cái vắng thiếu triết học ấy là một hậu quả của sự yếu kém về khả năng trừu tượng và luận lý? Người Việt nam đã để cho trực giác và lương tri hướng dẫn trong cuộc sống, lúc bình thường cũng như khi nguy biến, qua mọi bất trắc gian nan. Họ đã vượt qua các trở ngại, thử thách, và dân tộc Việt nam đã trường tồn. Tất nhiên họ có quan niệm riêng về thiên nhiên và về đời sống, nhưng quan niệm ấy không được trình bày dưới hình thức những hệ thống lý luận trừu tượng. Quan niệm ấy bàng bạc trong nếp sinh hoạt và trong thơ văn.

Thơ văn, nhất là thơ, đó là cái sở trường của dân tộc Việt nam. Tôi không hề dám có ý nghĩ so sánh để tranh giành một ngôi vị cho Việt nam: chắc chắn trên đời còn có nhiều dân tộc khác cũng yêu mến thi ca, có thể yêu hơn dân Việt nam. Washington Irving sang Tây Ban

Nha viếng cung đền Alhambra, và đã có dịp tìm hiểu suy nghĩ về người Maure; ông bảo rằng người Maure rất thích thơ, đến nỗi có những kẻ hành khất cũng ham làm thơ. Ở Việt nam hiếm thấy một hành khất như thế, nhưng ở Việt nam có những tử tội đứng trước máy chém còn ngâm thơ. Ở Việt nam không cần biết chữ mới làm thơ, dù dốt nát đến đâu người ta vẫn làm thơ được. Thơ tràn lan khắp hang cùng ngõ hẻm. Và dĩ nhiên lan tràn khắp sách báo: Không có tờ báo nào, kể cả những nhật báo 8 trang, 6 trang, 4 trang, mà không có chỗ dành cho thơ. Một ngày không có thơ là một ngày không chịu được. Một trang chữ, một mảnh giấy không có thơ liền bị xem là khô khan. Phải chăng đó là thể hiện khuynh hướng về cái cụ thể? Bởi vì - trái với triết lý - ngôn ngữ thi ca là ngôn ngữ đầy hình ảnh, đầy âm điệu gợi tả, thứ ngôn ngữ đầy những "bức họa bằng lời" sống động v.v...

*
* *

Là một dân tộc như thế, sau tháng 4-1975, người Việt nam ra đi hàng triệu người , di dân Việt nam tản mác khắp nơi, chung sống với nhiều dân tộc mới, sử dụng những ngô ngữ mới mẻ. Ở đây tôi không nói đến ảnh hưởng của xã hội, của hoàn cảnh v.v..., chỉ riêng cái ngôn ngữ mới mà hàng ngày người di dân dùng để diễn đạt cảm xúc và suy tưởng của mình chắc chắn cũng dần dần ảnh hưởng đến cách cảm nghĩ của họ, đến tâm hồn của họ.

Phần lớn nhất trong tổng số di dân Việt nam sống ở những xứ nói tiếng Anh và Pháp, sống với những dân tộc từng có thành quả rực rỡ về các ngành triết học, toán học, những ngành đòi hỏi một khả năng trừu tượng cao độ. Hàng ngày các di dân đọc những tờ báo dày hàng trăm trang mà quanh năm không hề gặp một bài thơ nào cả. Không có thơ trên nhật báo, trên tạp chí hàng tuần, hàng tháng nào cả.

Cái mà di dân Việt nam đem đến các xứ này là tinh thần cụ thể, là sự nhận thức thiên về cảm quan, không biết có gây được ít nhiều ảnh hưởng đến văn hóa địa phương chăng. Nhưng cái mà di dân Việt nam tiếp nhận từ địa phương chắc chắn là cải biến nếp cảm suy của họ nhiều lắm, và sâu xa lắm.

Di dân Việt nam sống khắp chân trời góc bể, nếu còn truyền nhau giữ được Việt ngữ là còn giữ được một trong những phương tiện để duy trì một cách cảm nghĩ chung về mặt tinh thần. Nếu họ chỉ nói được tiếng địa phương mà thôi thì năm ba thế hệ sau người Việt xứ này gặp người Việt xứ nọ, kẻ từ Do thái, Nhật bản, người từ Đan Mạch, Na uy, từ Mỹ, từ Pháp... gặp nhau, chắc chắn họ không chỉ bỡ ngỡ vì khác tiếng nói, mà còn bỡ ngỡ vì những xa cách trong tâm hồn.

Võ Phiến

Cao Đông Khánh

Di tản America

Tôi sống đầm ấm với những điều không giải thích được
Thành phố hao mòn như trái tim của ngôi sao quạnh hiu
Bluebonnet nở trong tầm mắt âu yếm
Những mặt trời xanh dương giữa Dallas và Houston.

Ở giữa hết thảy có ngôi nhà vách đất
Con gái da nâu trong thung lũng xương rồng
Những rừng gió lộng trong những rừng cát nóng
Những mắt màu lá cây như những đại dương

Trời đất xa hơn chiều cao tưởng tượng
Mô phỏng đời người duyên nợ truân chuyên
Một hôm đại hãn vượt trùng vây ra biển
Ở biển tôi vào chẳng thấy được bao dung.

Thời tiết chật hơn chiều sâu trí nhớ
Vượt ngục vượt biên vượt biển xuyên bang
Khuya hôm đó có người bị xử tử
Để cho người sống sót, chết không yên.

Chữ nghĩa là ánh sáng của mặt trăng ngoại quốc
Nàng trắng như giá băng, nàng ấm như trái chín cây
Con ngựa của thế kỷ trước chở tình vào lịch sử
Chở công nương đi dạ vũ trá hình.

Thời trang mới nhứt trên những hình nộm cổ điển
Thành phố mọc mau hơn những chuyến đi

Di tản America, cho phép định cư trong trại cải tạo
Mới thấy được ngôi nhà giữa biển của tôi.

Tản cư America vào trại tập trung da đỏ
Thỉnh thoảng trên những con đường mòn nước mắt về Oklahoma
Những đêm ân ái trên hàng vạn mặt hồ băng giá
Dấu vết chỗ nằm như bóng chim bay.

Di tản America vào tâm tình xường xám
Tiểu thư Đài Loan hàm tiếu khai hoa
Con lý ngư hoá rồng về lục địa
Chén Mai Quế Lộ sầu tư trong ghế thủy triều.

Di tản hết thảy lên trời, di tản hết thảy xuống nước
Thơ tôi phát hành trên bản vị tình yêu
Theo dấu nhụy hoa trong hành lang quốc tế
Tìm em mơ hồ nở ngát cánh phù dung.

Tôi định liệu có thêm một đời sống
Xây một ngôi nhà trên đất Việt Nam
Trên đỉnh Trường sơn ngó trùng dương vọng nguyệt
Nguyệt của em tròn như nguyệt đời xưa.

Từ California tôi trùng tu cảm tưởng
Thời cuộc trong hành trang như những ý kiến dị kỳ
Tro cốt của tráng sĩ Apaches thành phượng hoàng u hiển
Theo dấu chân sư tử núi lên ngàn.

Mũi tên vượt bực bay vào biệt tích
Những hoài nghi giống như những mơ hồ
Những kẻ uống nước sông Hassayampa quên hết nói thật
Quên hết mơ hồ quên sạch hoài nghi.

Hôm tôi đến nàng mời về hang động
Hàng ngàn cánh dơi quỉ lộng truyền kỳ
Những hình tượng khắc trên đá nghe chừng lay chuyển
Thành bướm hoàng hoa bay khỏi vô cùng.

Dấu hiệu của thế kỷ ở trên cao ngàn thước
Trên ngàn thước cao thành phố dát vàng
Rã ngũ ở Đông Dương tôi đi tìm công chính
Vương giả thuộc về người thất thế sa cơ.

Chỗ ở của Buffalo Bill có chỗ tận tuyệt
Núi ngợp đất trời tuyết trắng nóc không trung
Có người thiếu nữ như hoa của rau cải
Đợi chờ ai trên đỉnh ngất mưa dầm.

Từ những điêu tàn về rừng cẩm thạch
Nàng Calannity Jane mở tiệc giữa sơn lâm
Con đường trở lại đi suốt đời không hết
Động đậy trầm hương của gái biên cương.

Trời đất thật trong như hạt kim cương xuất sắc
Từ cả dặm xa nàng liếc mắt đưa tình
Chàng kỵ mã hào hoa ghé qua rồi biệt dạng
Cả đời sau ngóng đợi không nguôi.

Người đó đi về lãnh địa của dân Sioux và Cheyenne đời trước
Trên vách băng sơn còn rõ bóng chim sa
Cổ tích, cổ vật, cổ sinh đều hoá đá
Trên môi nhân tình khuyết sử vẫn chưa phai.

Người đó trầm tư trong vùng đất sét màu biếc
Múa hát trên vỉa hè tráng bạc của thành phố Virginia
Con sông rắn uốn mình qua thung lũng địa ngục
Lên hoả diệm hồ tắm nước xanh dương.

Ngó đủ chỗ thấy trùng trùng sơn cước
Đón mặt trời xuống núi hỏi thăm nhau
Khi những mỏ vàng khánh kiệt nàng bỏ thành phố
Còn lại một người sống với gái Liêu trai.

Khuya ngọt lịm trong thâm cung hàn mật
Thiếp về Salt Lake City ăn ở đề huề
Trong tổ ong mỹ nữ bần đạo xưng giáo chủ
Trồng cánh hồng nhan trên mặt nước mặn nồng.

Người bị tình phụ theo thời gian trầm bổng
Những lưu lượng của nụ hoa thơm ngát vòng lưng
Những nhánh sông phấn hồng những ái ân biệt xứ
Những e lệ mê man trong đáy mắt ngọc lam.

Kẻ phụ tình tìm gì ngoài thân thể
Nhạc Jazz chín muồi những mặt trời mun
Ngày thứ ba mập, thứ ba béo, thứ ba đại hội
Mặt thú trên hình người khiêu vũ như mê.

Ngược dòng Mississipi chọn mua nô lệ
Nàng múa hát cho mặt trăng còn xanh lá cây
Những đồn điền bông gòn, những vườn trái cây, những ruộng lúa mạch
Những đời tư bỏ mất mấy trăm năm

Những khuôn mặt vĩ nhân khắc trên vách núi
Động vọng từ tâm của lượng đất trời
Những chuyến tàu hơi nước chở đầy huyền ảo
Còn lập lại đời đời cho mỗi một giấc mơ.

Thôn nữ Arkansas tắm suối nước nóng
Ấm áp tấm lòng mỹ nghệ thủ công
Những hạt mưa gia truyền những ngón tay ngôn hạnh
Đón đưa người nhạc sĩ từ Tennessee.

Khúc ca lộng lẫy trên mặt cẩm thạch
Câu chuyện tâm tình vang động Nashville
Những mạch nước ngầm dậy sóng trong thân thể
Những binh đoàn chí nguyện qua sông.

Những đường chiến tuyến thành sẹo trên thân thế
Món nợ ân tình khi nào trả cho nhau
Con ngựa sút chuồng chạy mê vô cỏ biếc
Chạy mơ màng theo ám ảnh quang vinh.

Trên mặt hồ Erie hai đứa bách bộ
Lương thực nước non trong thung lũng trữ tình
Những ngày triển lãm trái cây những buổi hội hè của bầu bí
Hơi thở trùng dương trong giấc mộng sông hồ.

Người hoa khôi da đen lội qua Ngân hà lánh nạn
Trồng giống táo của Johnny trên tuyết đóng băng
Đại hội tháng Chín ở Indiana còn đồng vọng
Ngàn lời cảm ơn trong điệp khúc tạ từ.

Trên đỉnh ngất trời nhảy xuống sông Wisconsin tắm gội
Những hạt nước nở bung từ trọng điểm tiều phu
Rơi xuống thành ra vạn mặt hồ óng ánh
Thành ra tấm tình ở với dương gian.

Cầu Mackinae kết hai miền duyên nợ
Trên dưới thân nhân man mát thủy triều

Hoa tulip bập bềnh theo tiếng guốc cuối ngõ
Những ngoòng tàu hoả đời xưa chở miếng thịt thời nay.

Mỗi đêm một hoàng hậu trong cánh tay cự phách
Rượu lậu từ Detroit chảy xuống Chicago
Miếng hamburger MacDonald trở thành miếng ăn tình tứ
Thành phố nặng mê hồn khi nàng ngủ quên chiêm bao.

Mắt Bắc Băng dương có hồn Địa Trung hải
Da sữa tươi áo kim tuyến rạng ngời
Say đắm như rượu bia, mặn mà như phó mát
Em hứa với chàng xuôi ngược có nhau.

Thằng cha làm ảo thuật hoá nàng thành người khác
Trong gánh xiếc trần gian nàng biểu diễn ước mơ
Em đu bay trở về những vàng son cũ
Với nhân vật bây giờ, trong đó không có tôi.

Dân gió nồm ở nhà tranh vách đất
Hoa hướng dương ngất ngây trên gò uẩn chung tình
Dũng sĩ da đỏ phục kích bắt linh vật
Hội họp đời nay trong bộ lạc cổ truyền.

Gái nhà quê hồng trên vùng đất thịt
Có một vành môi ấm dưới dạ sơn hà
Nước màu thủy ngân trong tiểu bang bắc đẩu
Tâm phế thanh xuân rực rỡ mặt trời.

Nàng bộc phát như dòng Mississipi khởi nghĩa
Khởi ngàn trùng qua lục địa về Nam
Phụ nữ sông hồ mê đời hồ hải
Xuống California gá nghĩa với Đông Dương.

Di tản nhiệt đới vào Alaska vắng bóng
Mặt trời nửa đêm như dao cắt trong xương
Đàn cá salmon kéo nhau về nguyên quán
Thân xác đỏ tươi nở trong dạ vàng ròng.

Nàng ở gần trời ngó xuống khu vực hầm mỏ
Trái táo vàng tươi như nắng thượng du
Người nữ điệp viên bên đàn cá nước ngọt
Nước trắng trời trong sống chết cho tình yêu.

Trong vùng mộ địa của chiến sĩ vô danh tôi học làm tổng thống
Vào Pentagon theo kế hoạch ly kỳ
Rút về miệt đầm lầy làm tổng hành dinh thế giới
Trong rừng anh đào có sinh lộ u linh.

Sắt thép che chở để tôi lập hiến
Đứa con đầu lòng quên biển nặng bao nhiêu
Tôi chọn lựa nhân tình mới của thành phố Philadelphia cổ hủ
Hẹn gặp ở ngã tư đường Cocoa hay đường Chocolat

Vào Nữu Ước chọn chỗ ngồi chúa tể
Vào trường West Point giảng dạy lương tâm
Tuyết rã tan trên bàn tay sáu ngón
Ngón thứ sáu dành riêng để chứng khoán ái tình.

Trái táo lớn dành cho Âu châu , đã rõ
Trả hết ám ảnh tự do cho những hình tượng Tây phương
Công chúa Bạch Tuyết đã trở về nguyên xứ
Trả lại linh hồn cho Superman.

Những trang trại sữa tươi trong những thị trấn xinh xắn
Những mặt trời ngọc ân trên lá thu phong
Sơn nữ của núi diệp lục lấp lánh trong rừng sương mù của Frost
Giống ngựa Morgan chở trắng xuống trần gian.

Trên đỉnh tuyết sơn có một giả nhân râu bạc
Đời thái bình bên chén rượu tiêu phu
Theo chân người tuyết đến hồ Winnipesaukee nghị luận
Trời đất trầm tư trong đời sống nhỏ nhoi.

Chuyến Mayflower đổ người lên đất mới
Buổi tiệc trà ở Boston khởi sự kỳ công
Đàn bà nhỏ bé như xâu strawberry chín tới
Bên mỗi dòng sông là mỗi tư tình.

Đàn ông của Connecticut xẻ trời lấp biển
Sống chết một đời không đủ cho quê hương
Những thông tín viên của hoài vọng những tiềm thủy đĩnh của ân ái
Phân phát vô cùng bảo hiểm tương lai.

Tôi độc lập vì Rhode Island khởi nghiệp
Xây ngôi biệt thự quang minh trên dòng sông đá đen
Ở đó có nàng như một lãnh địa bé nhỏ
Có con gà đỏ tươi, có trái táo hồng hào.

Tôi gửi ra ngoài bằng đường dây tín điện
Những đời tư đóng hộp đã trăm năm
Chuyện chính trị quẩn quanh nói một lời cũng đủ
Vọng ngữ trùng trùng trong trí tuệ cô đơn.

Ở tiểu bang kim cương có thủ đô hoá chất
Mái tóc hoàng hôn đổi dạng thay hình
Trong vịnh Chesapeake thì thầm bên gối
Những kẻ giang hồ còn mặn Đại Tây dương

Nơi tiền tuyến ái tình thua sạch sản nghiệp
Hoa hậu về khuya như cá lặn chim sa
Lá thư tuyệt mạng để trong phòng khánh tiết
Sợi dây đàn treo xác Edgar Allen Poe.

Đất duyên hải sạch dấu chân thuộc địa
Rừng núi măng tơ trọn vẹn tấm thân nàng
Những kho tàng đầy châu báu giấu trong giai thoại hải tặc
Những đồn điền thuốc lá ngạt đời sau.

Bãi biển tuổi trẻ no nắng sinh lực
Chỗ kín của hồng nhan phảng phất cánh phong lan
Từ những vườn xoài tròn trịa nàng đưa tôi ngoạn cảnh
Dưới công viên trầm thủy mê hồn.

Nhựa của cây phong ngọt hơn đường mật
Kẻ thám hiểm miền Tây đã ra biển Thái Bình
Những thần thoại mới khoá cửa Tân Thế Giới
Những định ước nhân quyền như môi miếng ngoại giao.

Nàng thắm tươi trong cánh tay người máy
Nhan sắc kỳ công mang bí số truyền thông
Miếng ăn cấp tốc nuôi khối tình nhân tạo
Cảm xúc phi hành thám hiểm tương lai.

Dọn thế kỷ qua những hành tinh nghiệp chướng
Dọn ngày nay vô bảo tàng viện quốc gia
Trận mây thời sự để cơn mưa giả sử
Trên mặt truyền hình quảng cáo tình yêu.

Di tản năm mươi tiểu bang đi bốn phương tám hướng
Sót chút trữ tình tôi gói lại tặng em
Bữa tiệc viễn qui em chưa quên e lệ
Hai đứa tụi mình nói tiếng Việt Nam.

Cao Đông Khánh

Diệu Tần

Con vịt một chân.

Chuyến thăm nuôi trước vợ hắn đã dặn: Kỳ sau em sẽ tiếp tế cho anh một con vịt xiêm mẹ và đàn con. Vợ hắn bao giờ cũng nhìn xa trông rộng hơn hắn. Này nhé, bây giờ mang vào trại cải tạo nhiều gà quá rồi, gà dễ bị lây bệnh toi, bệnh sầu đời, trông giống như mấy chú bộ đội ủ rũ sốt rét kinh niên. Chi bằng nuôi vịt xiêm chắc ăn nhất, nó khỏe, ít bệnh lại nhiều thịt. Hết thức ăn khô thì hạ con mẹ, nuôi thế hệ thứ nhì cho lớn lên, là lũ con nó, mà ăn dần anh ạ. Phải tính đường dài anh ạ, cứ cái điệu này chúng nó còn nhốt anh lâu lắm, không phải một hai năm đâu.

Vợ hắn bao giờ cũng có lý. Còn hắn chỉ ừ ào, gật gù, thế nào xong thôi. Chẳng thế họ hàng cứ cười bảo hắn có tính nể vợ quá. Dăm tháng sau khi bị dồn lên Suối Máu Biên Hòa thì tù cải tạo được gia đình thăm nuôi. Năm bảy sáu, dân Sàigòn chưa bị cái xơ xác của Hà nội đồng hóa. Các bà vợ còn để dành được trước bảy lăm, còn giật gấu vá vai nâng niu gánh hay thuê người gánh vào cho chồng khá nhiều thực phẩm, trong đó có những con gà béo tròn. Rất nhiều gà đã xâm lược vào trại cải tạo. Quác quác, kéc kéc, ầm ĩ, ồn ào. Gà thì không biết sợ chủ nghĩa này nọ. Quốc gia tư bản, tự do hay quốc tế cộng sản, xã hội chủ nghĩ gì đối với gà cũng đồng hàng thôi. Chúng không biết nể sợ cán bộ quản giáo, ngang nhiên sản xuất phân ra ngay nhà khách thăm nuôi.

Mấy chú nhỏ vệ binh gác tù gốc Thái bình, Sơn tây, Hà Nam Ninh rất đỗi ngạc nhiên về cái tư bản của dân ngụy.

— Đ.m., tiền đâu mà chúng nó tiếp tế nhiều gà quá!

— Thì ngụy mà, tay sai đế quốc Mỹ mà.

— Mình từ ngoài Bắc vào thi hành nghĩa vụ quân sự, cả năm không được miếng thịt gà, còn chúng nó, đ.m.!

Cả trại gồm năm phân trại (năm K) nhốn nháo vì gà qué. Mấy

thằng gà trống đủ loại, đủ màu sắc, mào đỏ tươi ngang nhiên cất tiếng gáy ròn rã vang rền. Mấy mụ gà mái kêu cúc cúc ra điều muốn đẻ đái, muốn tăng gia sản xuất. À, cũng đỡ lắm chứ. Tạm quên đi được cái thân tù tội. Nghe tiếng kiểng, tiếng còi mãi phát ngấy, phát sợ. Đang nằm trên nền đất có trải chiếu rách hay mảnh bao cát có 90 xăng-ti-mét bề ngang, đắp chiếu chăn hôi rình, mơ hồ đâu đây có tiếng gà gáy sớm phía xa xa, rồi chúng đưa nhau xa gần lên tiếng hưởng ứng vui vẻ thúc giục, nghe cũng sướng lắm chứ.

— Mẹ, cứ làm như thanh bình lắm. Gáy cứ loạn cả lên!

— Ừ, cứ như ở làng xóm dưới quê đó thôi.

Có anh đang lấy lòng cai tù, giả vờ hoặc thành khẩn hối cải, muốn tiến bộ, đã nghiêm túc phát ngôn:

— Đấy, các anh ấy bảo ở vùng kinh tế mới ta cũng phong phú, vui tươi, gà vịt đầy đàn như thế đấy!

— Thôi đi cha, má vợ tao vừa viết thư vào nói đi kinh tế mới khổ thấy con đĩ mẹ, ở đó mà vui với tươi.

Thành viên cải tạo đang tập tiến bộ bị át giọng, ú ớ:

— Ơ... ơ... cái anh này, phát ngôn bừa bãi nhé.

— Mẹ, vậy đó, ngon đi báo cáo các anh của chú đi.

Tiếng kẻng dựng dậy tập thể dục buổi sáng cắt đứt cuộc "trao đổi tư tưởng".

Chuyến thăm nuôi đầu tiên chỉ có các loại thịt làm đủ món và gói đồ khô khác, chưa có thịt tươi sống.

Rút kinh nghiệm và với sự cho phép của bọn quản giáo, cả trung đoàn gà què đã ồ ạt tràn vào Suối Máu. Tà tà cứ "chén" hết các thức ăn lâm sản, quân ta mới dần dần hỏi thăm tới sức khỏe gà cột dây, gà trong chuồng. Chiên, xào, nấu nướng tíu tít như nhà có đám giỗ. Cơm tù gồm có cơm mầu vàng khi nấu bằng chảo và mái chèo, có rau, có cá khô, mắm ruốc, có bí đỏ nấu với muối, bị tù thẳng tay chối bỏ. "Thế ta đang lên, vị trí ta đang mạnh", cửa cổ gà loạn xạ. Gà chiên, gà xào, gà kho, gà luộc, gà hấp, gà xé phay, bận bịu, băm băm, chặt chặt chí chát như cảnh nhà hàng đang đông khách. Anh nào ở xa hay vợ con nghèo quá không có thịt gà, được mời ăn chung rất vui vẻ, rất hể hả, đoàn kết. Bao giờ đói trở lại, cãi nhau vì miếng cơm cháy lại là chuyện khác, tính sau.

Ông cựu trung úy hiến binh già lụ khụ đã giải ngũ từ khuya, không hiểu sao cũng tò mò tình nguyện đi học tập đã cảnh cáo các bạn trẻ :

— Thôi tụi mày nấu nướng vừa vừa thôi.Vợ con bên ngoài cũng đói dài. Chướng lắm. Miếng ăn là miếng nhục đấy các con ạ.

Quả nhiên. Có vui thì phải có buồn, có rắc rối đi kèm. Anh này vô tình hay cố ý bắt giết gà nhầm của anh kia. Anh nọ tráo gà nhỏ lấy gà to của anh nọ. Thậm chí xảy ra vụ ban đêm giả dạng rắn hổ hành bắt gà của người khác làm thịt liền tại chỗ. Anh chàng trộm gà này có lẽ có kinh nghiệm ở nông thôn, đã xoa hành vào hai bàn tay, bắt gà dễ như chơi. Cái giống gà ngửi thấy hơi hành ban đêm là nằm nín khe cho rắn

hổ hành tóm cổ lôi đi. Sáng hôm sau, thấy lồng không, chủ gà la chửi um sùm.

Tiếp theo đó là thưa kiện, đe dọa, đấu khẩu, thách thức. Khi đã có bọn quản giáo dính vào là to chuyện. Phê bình, kiểm thảo, tập họp lại để nghe sỉ vả: Tên trung úy chính trị viên tiểu đoàn khung quản lý tù, khệnh khạng trọ trẹ giọng Hà tĩnh:

— Các anh không nhận thức được đúng vị trí của các anh, không lo học tập, lao động để tiến bộ, tôi chỉ thấy các anh tích cực nấu nướng. Nấu nướng chiên xào liên tục. Tôi làm việc bên kia đường cũng ngửi thấy mùi thơm liên tục. Thế là thế nào? Là các anh ham ăn ham uống quá mà!

Ở dưới có tiếng xì xào. Chết mẹ, mình ăn ngon mà quên mất tụi nó. Nó có gì ăn đâu, chỉ đớp giống như cơm tù có cải thiện thêm chút rau tươi là cùng. Nó chửi mình là phải.

— Các anh phải biết đảng và nhân dân đã khoan hồng, cho các anh gặp vợ con là để giải quyết vấn đề tình cảm chứ. Chẳng trách các anh suốt đời làm tay sai cho đế quốc là phải quá. Các anh không biết gì cao hơn là lo ăn uống, các anh không biết tư duy.

Chưa hết, tiếp theo là màn tranh nhau cơm rau thừa cho gà qué. Chỉ chừng vài ngày sau khi được thăm nuôi tình trạng đói lại bắt đầu. Lệnh cai tù ban xuống cấm nấu nướng lẻ tẻ riêng tư tại gần chỗ nằm. Ai muốn nấu gì thêm, phải xuống nhà bếp. Sau đó là cấm không được nuôi gà nữa. Chắc đây là đòn trả thù của lũ cai tù. Còn con nào phải thịt cho hết, vì lý do trật tự, vệ sinh trong K.

Tiếng gà gáy thanh bình thưa dần rồi vắng bặt. Chỉ còn một vài người nấn ná gửi lại con gà mái đang sản xuất trứng. Làm thịt thì dễ rồi nhưng mỗi ngày nó tặng không cho một quả trứng tươi ngon bổ béo, tiếc lắm. Giá trứng gà leo thang tính theo ly cà phê hay cục đường tán. Một hột gà bằng một ly cà phê thứ thiệt hay 5 tán đường, lên đến hai ly và 10 tán đường đen thui. Không hiểu nhờ huấn luyện gà ra sao hay gà mái đã bắt đầu ngán quản giáo, đẻ xong cái trứng nó im lìm, chui ra khỏi hang không cục tác một tiếng. Hang ổ gà do chủ gà lén đào nghiêng vào nền nhà bằng đất rồi ngụy trang bằng đống củi bên ngoài. Con gà mái đẻ trong tù cũng bị lây cái đói, cuối cùng cho ra những cái trứng nhỏ dần, rồi ra vài cái trứng thiếu calcium vỏ mềm xèo.

Ngày xưa thì thiên hạ nằm vùng đầy dẫy, mình không biết mà bắt, hay chưa thèm bắt, bây giờ cái thân tù giấu một con gà, cho một con gà nằm vùng trong trại, coi bộ vất vả lắm, sớm muộn gì cũng bị phát hiện ra.

*
* *

Trong đợt thăm nuôi thứ nhì, vợ hắn giữ lời hứa, vác vào một con vịt xiêm mẹ và sáu con mầu vàng có những chấm nâu ở lưng, ở

đầu. Đàn gà trong K. đã bị thanh toán sạch, như đảng ta khoe "đất nước đã sạch bóng quân thù" nhưng một mẹ và sáu con vịt xiêm nhỏ vẫn tồn tại. Đó là một kẽ hở của luật rừng xã hội chủ nghĩa. Lệnh ban ra là phải tiêu diệt gà chứ không nói đến vịt. Ngoài ra vịt, dĩ nhiên không biết gáy.

Hắn thương sáu con vịt xinh xắn đó, đã phải gãi đầu gãi tai với tên vệ binh phụ trách với lời cam kết sẽ giữ vệ sinh sạch sẽ. Ngó mấy con vịt hiền lành, tên vệ binh đã được hối lộ bằng ba điếu thuốc lá thơm và một ly cà phê "cái nồi ngồi trên cái cốc", nó gật đầu chấp nhận nhưng dặn trước, khi nào toàn trại có tổng kiểm tra nhất định phải dẹp đi.

Con vịt mẹ không to lớn lắm, lông mầu đen nhiều hơn mầu trắng. Nó có điểm lấm tấm trắng ở trước ngực. Cặp mắt nó màu nâu đen hiền lành, chất phác. Giống vịt xiêm hơn được giống vịt thường là còn biết và còn được nuôi con. Trái lại vịt xiêm thua gà xa trong mục nuôi con. Tuy nhiên, nó cũng làm tròn thiên chức làm mẹ, càng ngày nó càng gầy đi. Nó mải nhường mồi cho lũ con. Nó chậm chạp, ì ạch, lúc lắc cái đuôi. Dáng con mẹ đi nặng nề, kỳ cục, nhưng lũ con nó xinh như những nắm tơ vàng biết chạy. Đặc biệt là những cặp mắt mầu nâu nhạt ngây thơ, long lanh nghiêng đầu nhìn trời xanh trên cao.

Hắn đành làm thịt con mẹ trước cuộc kiểm tra của một tên thiếu tá từ trung đoàn xuống. Ngay đêm đó sáu con vịt nhỏ đã bị thiệt mất ba. Nguyên nhân dễ hiểu, lũ người đói, lũ chuột cũng đói. Lũ chuột xoay qua tấn công đàn vịt vô tội. Hai con bị chuột tha mất tích, một con bị chuột xơi tái mất hai đùi, bị trọng thương rồi chết luôn.

Hồi đó tù cải tạo mới đi lao động sơ sơ. Đi trồng sắn, trồng đậu phụng ở những triền đồi phía ngoài trại, dọn dẹp doanh trại, các cựu sỹ quan nhà ta còn có nhiều thì giờ rảnh. Hắn đã cẩn thận ngồi gỡ từng mắc dây kẽm gai đan thành một cái lồng nhỏ để bảo vệ vịt con, nhưng vẫn bị thất bại. Chẳng bù lúc mẹ nó còn sống, tuy chậm chập ngu ngơ nhưng biết tích cực bảo vệ đàn con. Hắn chỉ cần úp lên một cái rổ lớn, dằn trên mấy cục đá là yên chí lớn. Mẹ chúng sẽ lo chiến đấu để bảo vệ sinh mạng cho đàn con. Sáu chú vịt nhỏ chỉ có việc rúc dưới bụng mẹ là an toàn và ấm áp nhất. Bây giờ đây những nắm tơ vàng biết đi còn non nớt quá, không tài nào đơn phương chống lại được với những con chuột lớn nhỏ móng sắc và hàm răng nhọn hoắt, lởm chởm. Chúng chỉ biết kêu chíp chíp và chạy quanh trong lồng sắt một cách tuyệt vọng.

Đêm tiếp theo đó, hai con nữa bị chuột tấn công, mỗi con bị mất một đùi. Như vậy còn một con mạnh nhất vô sự. Không thể thức đêm để rình chuột được, hắn cũng đành chấp nhận cả ba con còn lại đều chỉ còn một chân. Ba con vịt xiêm nhỏ, mỗi buổi chiều được hắn mở lồng thả ra. Chúng thích ứng ngay được với hoàn cảnh khó khăn. Chúng

như chủ, tập khắc phục trở ngại khó khăn. Chúng đứng vững trên một chân còn lại, nghiêng đầu ngó chủ, ngó mọi người. Những cặp mắt nâu vẫn long lanh nhìn trời xanh vẻ ngạc nhiên. Có lẽ chúng nghĩ đã lâm vào cảnh tàn tật, không hiểu tại sao chuột lại còn tấn công chúng. Ba con vịt què giống như chủ, ngạc nhiên và ngây thơ không hiểu tại phe ta thua trận mau như thế. Cái thua kỳ cục, có ba ông to nhất nước, một ông từ chức lẹ, hứa sẽ làm chiến sĩ tiếp tục chiến đấu, một ông già chống gậy thì hay khóc, còn một ông ưa chơi ten-nít và hoa lan, sau 75 thấy ông tà tà đi bỏ phiếu bầu quốc hội xã hội chủ nghĩa. Còn bên địch thắng lẹ quá, bất ngờ, phải họp thay đổi kế hoạch liên tiếp để tiếp thu cho kịp, viết sách khoe nhắng lên đại thắng mùa xuân, thắng như trúc chẻ ngói tan.

Ba con vịt nhỏ một chân, bị mồ côi mẹ, bị mất mát anh em, bị tàn tật nhưng chúng vẫn như thản nhiên chấp nhận số mệnh. Để bảo vệ chúng, hắn lại ra công đan cho dầy hơn cái lồng, chuột vô phương thò móng vuốt bẩn thỉu vào phục kích vịt được. Mỗi buổi chiều sau bữa cơm và trước khi họp hành buổi tối, hắn thả ba con vịt Tôn Tẩn cho chúng tập thể dục, mà bạn tù thường đùa là "triển lãm tội ác Mỹ Ngụy"...

Ông già hiến binh triết lý :

— Chúng mày thấy cái gương của vịt đó không? Chúng nó đau khổ hơn mình, có con nào tự tử trong tù đâu. Cứ sống như thường, tới đâu hay tới đó, việc quái gì phải chán đời!

Hai con vịt nhỏ và yếu hơn, hay nằm xẹp xuống đất, mắt kéo màng, lười nhẩy lò cò, vài ngày sau cũng về chầu tổ Lê-nin Các-mác. Còn lại con duy nhất, mạnh nhất, hoạt động nhất. Mỏ và cái chân còn lại xanh bóng. Những chấm lông nâu trổ rộng thêm ra. Nó mau lớn, ăn rất tạp, lá rau, sâu bọ, cơm cháy và cả cỏ xanh nữa táp lia lịa. Dần dà con người, là hắn, thành viên trại học tập cải tạo, chuẩn công dân của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa quang vinh, và con vịt què, rất thân nhau. Hắn đặt tên cho chú vịt là Tân hiệp gọi tắt là Hiệp. Có lẽ nó là vịt đực tiếng kêu khàn khàn: Hiệp, hiệp, khẹp, khẹp!

Đi trồng sắn ngoài đời, hắn cũng lo lắng. Không hiểu chú Tân Hiệp có bị nắng quá không, có đủ nước uống không. Về tới trại, việc đầu tiên là hắn phải thăm con vịt trước đã. Chủ nhật hắn vác cuốc ra bờ cỏ sát hàng rào kẽm gai, đào giun đào dế bồi dưỡng cho vịt. Có lần hắn lúi húi sát hàng rào quá, bị tên vệ binh trên chòi gác lên đạn khẩu đại liên đe dọa:

— Anh kia, tránh xa ra. Muốn chết hả ?

Tối đó có lệnh không cho ai được đến sát hàng rào hai mét, không tuân "sẽ bị xử ný niền".

Hắn âu yếm gọi con vịt què như gọi đứa con:

— Hiệp, hiệp, cạc, cạc, lại đây !

Con vịt nhảy lò cò rất nhanh lại phía chủ nằm xẹp xuống để chờ được vuốt ve, như một con chó, con mèo nhỏ.

Có anh em chọc hắn :

— Bảo vợ đưa vào lọ dầu thơm xức cho nó, rồi ban đêm ôm nó mà ngủ... cho sướng!

Người bị đói thường xuyên, vịt cũng bị đói lây, không đủ cơm đủ rau cho nó, con Tân hiệp tự túc bằng cách bắt mồi. Hôm nào không đến phiên đi lao động bên ngoài, hắn và đứa con ra giếng để bắt mồi. Hắn chế một cái vỉ đập ruồi. Đập được con nào, vịt ta đớp lẹ. Chính nó, nó cứ nhẩy loi choi, xuất kỳ bất ý đớp ruồi đớp nhặng nhanh như chớp.

Một chàng cựu ba mai vàng gốc lính thủy đánh bộ tức cảnh sinh tình:

— Đ.M. đúng là vịt đớp phải mồi. Cũng như người ta đại thắng chó ngáp phải ruồi!

Cũng may cho chàng trẻ tuổi, dạo đó ở Hóc môn và Suối Máu chưa xẩy ra nạn "ăng ten", phát ngôn còn thơ thới lắm.

Hắn tâm sự với người bạn thân :

— Tôi thích nói chuyện với vịt hơn là nói chuyện với người.

— À anh phản động nhé, tôi đi báo cáo ạ.

— Thật đó, nói chuyện với cán bộ quản giáo như nước đổ đầu vịt, còn nói chuyện với những thằng tập tiến bộ mong sớm được thả về thì giống như sấm động tai vịt!!

Thiếu thực phẩm bên trong, thì hắn phát huy sáng kiến "thu mua" lương thực bên ngoài. Mỗi lần đi trồng sắn, trồng đậu phụng là hắn xách theo cái lon. Cào cào, châu chấu, giun, dế, mối, rắn, rết gì đều được hắn tha về làm nguồn tiếp tế bổ béo cho Tân hiệp. Nó lúc lắc cái mỏ, lúc lắc cái đuôi, tỏ vẻ hài lòng.

Trong những dịp "triển lãm tội ác Mỹ Ngụy" (ý nói: tội ác Việt cộng) hắn bị bạn tù chế nhạo, khi ngắm con vịt nhẩy lò cò:

— Nhất định nuôi vịt để nấu món vịt Bắc Kinh mời đồng chí Hoa quốc Phong xơi hả?

— Ngày xưa tù biệt giam, người ta kết giao thân thiết với chuột với kiến, bây giờ chú mày mê vịt một cẳng à?

— Sao không bảo vợ đưa thêm vào vài con nữa cho nó có bạn.

Rất tiếc là sau hai chuyến thăm nuôi, tù Suối Máu chỉ được cho liên lạc thư từ thôi. Ông già hiến binh gật gù:

— Thế là tao biết rồi đấy. Chúng nó chuẩn bị nhờ vợ các cậu "vỗ béo" các cậu để sắp sửa đi lao động khổ sai đấy mà. Tao có phải lùa đi tao đếch cần, ngoài bẩy mươi rồi.

Cũng may cho ông già, ông già tiên tri, đầy kinh nghiệm, không bao giờ phải đi lên rừng. Mắm ruốc trong tù đã gây bệnh kiết lỵ cho ông và ông đã nằm yên ngoài vòng rào kẽm gai Tân hiệp. Dù sao ông đã có chút tự do an ủi là được nằm ngoài vòng kẽm gai. Và không ai có

quyền bỏ tù ông được nữa.

Trên thế giới có lẽ chỉ có nhà nước xã hội chủ nghĩa ta mới có một chế độ nuôi tù tài tình. Chính phủ không tốn tiền, chính tù và gia đình tù phải nuôi tù. Đó là điểm ưu việt của "ta" đó. Có một chàng cựu mai bạc, "cố" tiểu đoàn trưởng quân cảnh, coi toàn trại này trước 75, hồi đó có tên là trại giam tù phiến cộng. Nơi đây tập trung sàng lọc cán bộ cộng sản trước khi đưa đi Phú quốc. Anh chàng này coi cả năm K, bằng với tên trung tá trung đoàn khung đóng ở đây. Hắn kể chuyện:

— Trước đây tù phiến cộng sống sướng hơn tù cải tạo gấp vài chục lần, dĩ nhiên còn sướng hơn bộ đội coi tù nữa. Họ được trực tiếp nhận thực phẩm từ nhà thầu. Nếu hôm nào có thịt cá hơi xấu một chút họ từ chối thẳng, không được thoả mãn là đòi hỏi có khi đi đến tuyệt thực. Bây giờ vợ, con , mẹ, chị, em mình nhịn để tiếp tế thịt thà gà vịt cho mình, còn trước kia thì trái lại. Tù phiến cộng được các hội đoàn, tổ chức tôn giáo Mỹ và quốc tế thăm viếng đều đều đến nỗi vợ con các đồng chí đến thăm chồng, lúc về còn xách theo một mớ đồ hộp, sữa, mền, dép, kem, xà phòng ngoại quốc thứ thiệt về quê xài chơi.

*
* *

Lời tiên đoán của ông già hiến binh "trở thành hiện thực". Suối Máu gần Sàigòn, Biên hoà, không có đất canh tác, sức mấy tù cải tạo được ở lâu.

Những đợt khai lại lý lịch, những kỳ kiểm tra đồ đạc tù cải tạo báo hiệu có thay đổi lớn. Quần áo, thư từ, chăn mền, lon lọ, chổi cùn, rế rách gì của cải tạo viên đều được xếp ra trưng bày rất mất trật tự, mất mỹ thuật và vô duyên để được tịch thu hay vất bỏ bớt đi cho nhẹ gánh.

Trong khi đó đã hai tháng trôi qua. Con vịt một chân vẫn sống dai dẳng, sống mạnh là đằng khác. Vết thương mất một đùi, sát bụng đã lên da từ lâu. Nó nhẩy rất giỏi. Tiếng kêu của nó đục hơn:

— Khẹp, khẹp, khép, khép !

Con vịt chiếm được cảm tình của mọi người trong dẫy nhà. Mỗi chiều được thả, ăn uống no nê,nó theo chân vào chỗ ngủ của hắn nằm ngay dưới chân như một con chó mến chủ. Các bạn tù thương nó cũng kiếm rau, kiếm cơm cháy tặng nó. Nó đã bắt đầu thay lông. Đám lông mầu nâu sẫm trổ thành đen, chỗ vàng biến thành mầu trắng bẩn. Nó như một đứa trẻ đang mau lớn, ăn rất khoẻ. Ở hai cánh cụt ngủn đã mọc ra những cộng lông cánh to và cứng cáp. Đặc biệt bắp chân còn lại của nó rất phát triển.

Có anh em đùa hắn đề nghị đổi Tân hiệp đưa cho hắn một ký đường tán hoặc mười ly cà phê, cũng đã bị hắn từ chối. Hắn nắm cái đùi vịt lấy làm thích thú lắm.

Chuyện sẽ đến, đã xảy ra :

Ngay từ chiều hôm trước, chúng đã ra lệnh chuẩn bị đồ đạc để chờ lệnh. Một nguồn tin đáng tin cậy cho rằng sẽ chuyển trại, nguồn tin khác đoán rằng có một số tù sẽ bị đưa ra ngoài Bắc.

Năm giờ sáng hôm sau vệ binh võ trang đầy mình chặn trước mỗi hai đầu nhà và bố trí đầy bên trong rào kẽm gai. Có lệnh không được bước ra khỏi nhà tôn. Không khí cực kỳ căng thẳng. Mấy tên chuẩn úy quản giáo phụ trách trực tiếp súng lục cầm tay. Ngoài cổng trại đã đậu sẵn vài chục chiếc xe bỏ mui kín mít.

Đây là một đợt thanh lọc thứ nhất được thi hành. Sau này mới mới biết chúng phân loại mà chúng cho là ác ôn, có nợ máu với nhân dân để tống ra bắc sát biên giới Hoa-Việt. Đợt đầu là các cựu sỹ quan an ninh, các đại tá, tỉnh trưởng, quận trưởng, sỹ quan chiến tranh tâm lý. Đợt thứ nhì gồm nhảy dù, pháo binh, không quân, hải quân, thiết giáp, biệt động quân , thủy quân lục chiến...

Hắn tuy là một cựu thiếu tá, nhưng thuộc một binh chủng chuyên ngồi văn phòng và trú đóng ở các tỉnh ly thành phố. Suốt đời quân ngũ chưa trông thấy một tên VC chết ngoài chiến tuyến. Hắn cũng chuẩn bị như các anh em khác, dĩ nhiên con vịt Tôn Tẩn đã được hắn kín đáo giấu trong túi dết khoác ngang vai.

Con vịt dường như đã có kinh nghiệm sống với chế độ ưu việt nhất thế giới, với những người ở đỉnh cao trí tuệ nhân loại, nó nằm im thin thít không dám kêu một tiếng. Tên trung úy thủ phó từ Sơn Tây vào, xuất thân lơ xe hàng ở Bến Nứa, Hà Nội. Nó nổi tiếng là hung thần của K. Nó đội nón cối vào, quai mũ quàng dưới cằm, ngang lưng đeo súng P. 38, nét mặt đằng đằng sát khí. Nó còn nổi tiếng nham nhở, hai kỳ thăm nuôi vừa qua giữa ban ngày ban mặt, thấy bà vợ tù cải tạo nào xinh đẹp là nham nhở cười khoe cái răng vàng và nắm tay các bà... để lấy hơi ngụy, hơi tư bản.

Tình hình vô cùng khẩn trương. Tên cựu lơ xe hàng có một thằng vệ binh vác AK 47 hộ vệ, một anh đại diện tù, cầm danh sách những người được ra thăm lăng Bác. Anh em sau này gọi danh sách đó là danh sách phong thần. Đến phiên dẫn nhà tôn. Thằng trung úy hô nghiêm, rồi đại diện tù nói mấy lời :

— Những anh có tên sau đây đem theo đồ đạc tập hợp ngoài cổng chờ lệnh.

Tù đứng như khúc gỗ. Mái tôn đổ lửa xuống mọi người. Mồ hôi toát ra như tắm. Nghe thấy cả tiếng ruồi bay. Những người có tên, tùy theo từng phản ứng cá nhân, anh thì mặt đỏ gay, anh thì mặt tái xanh đi, vội vã xách ba lô bước ra ngoài. Trong giờ phút nguy hiểm này con vịt vẫn nằm yên trong túi dết không động đậy.

Thừa lúc những kẻ đi xách đồ ra ngoài, anh em chợt nhớ tới con Tân hiệp, hỏi hắn :

– Con vịt của cậu đâu rồi ?

Hắn thì thào trả lời :

– Tớ cho người khác rồi.

– Sao không cho tớ ?

– Cậu nỡ bỏ đứa con yêu quý của cậu à ?

– Thôi đừng hỏi. Lặng yên nghe đọc tên.

Hắn bình tĩnh như không. Bị động viên đi Thủ đức, cho đến bây giờ bảo hắn bắn súng M. 16 hắn cũng chịu, không biết xoay sở ra sao.

Người cuối cùng trong danh sách lại chính là hắn, chủ con vịt. Mặt hắn tái đi, rồi toát mồ hôi dầm dìa. Hắn lúng túng xách đồ đoàn lên vai, tay run lẩy bẩy. Thằng trung úy giục :

– Khẩn trương lên chứ.

Đúng lúc đó thì con vịt kêu lên hai tiếng.

– Khẹp ! khẹp !

Không rõ nó linh cảm điều gì bất ổn cho chủ hay hắn vô ý kẹp ba lô vào mình nó.

Thằng vệ binh nhóc con hỏi lớn :

– Cái gì thế ? Vịt hả? Ai đem vịt vào đây ?

– Thằng nào ? Thằng này đây mà — Hôm nay tên trung úy đổi thái độ, đổi giọng, đổi cách xưng hô. Hắn để một tay vào báng súng, tay kia để vào cổ người người tù ngây thơ, như sẵn sàng bóp lại.

– Ai cho mày đem vịt theo. Phạm quy luật của trại nhé. Đem thằng này nhốt cách ly.

Thằng vệ binh nắm lấy tay cải tạo viên :

– Thưa thủ trưởng... nhưng nó còn phải chuyển trại.

Nó nắn nắn vào cái túi dết của thiếu tá, rồi rút ra thủ phạm phát ra tiếng kêu. Con vịt một chân không dám kêu thêm một tiếng cầu cứu hay van xin nào khác. Cả đám tù im phăng phắc, nửa muốn cười, nửa muốn khóc. Tên trung úy giựt lấy con vịt khốn khổ, giơ lên ngắm nghía rồi tiện thể hắn co chân, hôm nay diện đôi giày da đen, đá văng con vịt yêu quý vào bờ cỏ sát hàng rào kẽm gai. Con vịt chỉ kịp kêu lên một tiếng "khẹp" đau đớn rồi ngẹo cổ đi theo mẹ và năm đứa con. Có những tia mắt thèm thuồng nhìn theo con vật khốn nạn, tuy không khí đang vô cùng gay cấn.

Cựu mai bạc đỏ mặt phản ứng liền :

– Sao anh giết con vịt của tôi ?

Hắn vùng vẫy để thoát khỏi bàn tay địch đang hờm sẵn ở cổ. Trong lúc vùng vằng, cái ba lô hắn tuột quai và va vào vai tên thủ phó. Thằng này rít lên trong miệng :

— À mày dám chống phá cách mạng hả ?

Nó tặng cho hắn một cái đá vào bụng, tay kia vẫn không rời báng súng P.38.

Cựu thiếu tá gục xuống đau đớn, tay ôm bụng.

— Kéo nó lên xe. Báo cáo nội vụ cho Trưởng đoàn xe biết nghe không ?

Thằng vệ binh cúi xuống xốc nách hắn kéo ra ngoài cổng.

*
* *

Một giờ sau, tù hoàn hồn lại, thu dọn chỗ ngủ dưới mái tôn. Một người mò ra bờ cỏ xách con Tôn Tẩn đã hy sinh vào khoe anh em.

— Đ.M. bỏ uổng, cũng được ít thịt tươi, chớ bộ.

Anh em tù thu dọn chiến trường như sau một cuộc phục kích dã man. Họ thắc mắc không hiểu sao chủ nhân con vịt xiêm một chân phải "lên xe hoa" rồi được lên tàu há mồm, ra thăm thành trì cách mạng ngoài nớ.

— Có mẹ gì đâu, hắn khai ẩu trong tờ lý lịch tam đại.

— Đầu đuôi ra sao ? Nó đâu phải dân tác chiến?

— Vậy mới rắc rối cuộc đời. Thế này: Hắn chỉ có năm cái huy chương, một bảo quốc hạng năm, một kỹ thuật, một huấn vụ, một chiến dịch và một sắc tộc bội tinh.

— Bộ hắn gốc người Thượng à ?

— Đâu có, hắn đi xin ở bộ Sắc Tộc, huy chương ăn giỗ mà.

Quản giáo hỏi tại sao anh có Bảo quốc huân chương mà không khai Anh dũng bội tinh? Giải thích cách sao nó cũng không chịu. Nó kết tội hắn là ngoan cố, thiếu thành khẩn. Cả hai mươi năm đi lính ngụy, anh không hại một người cách mạng là anh khai man. Gọi lên gọi xuống, viết kiểm thảo, lý lịch dăm bảy lượt, hắn nhức đầu quá, bực mình hạ bút cho yên thân:

— "Trong chuyến đi công tác Sàigòn—Mỹ Tho trên quốc lộ 14, ngày... tháng... năm... tôi đã bắn hai anh bộ đội trong một cuộc phục kích. Tôi thành khẩn hối lỗi, tôi biết tôi đã nhúng tay vào máu. Xin cách mạng khoan hồng...."

Con vịt một chân ngẹo đầu, hai tròng mắt nâu sẫm vẫn mở to ngơ ngác nhìn cuộc đời kỳ cục. Chủ nó, người thương yêu nó nhất, người đã nuôi nấng săn sóc nó, đang ngồi gục đầu trên sàn xe có bạt phủ kín mít, đang đổ mồ hôi và đang ứa nước mắt. Hắn không khóc vì bị hành hung, hắn thương con Tân hiệp. Từ nay, trong đời tù đầy, không biết kéo dài đến bao lâu, hắn vắng một bạn thân, rất thân.

DIỆU TẦN

Thụy Khuê

Họa Sĩ Lê Thị Lựu (1911-1988)

Viết được trung thực về một người không quen biết đã khó, nhưng viết về một nhân sĩ thân thương quen thuộc trên 25 năm trời, hẳn là khó hơn: Làm sao tránh khỏi chủ quan khi nói đến người mình có cảm tình và đôi lúc vì tự kềm hãm, mà trở nên vô tình tuy không chủ ý. Hơn nữa, tôi chỉ là một kẻ thích xem tranh, không biết nhiều về các môn phái hội họa, cũng như về các giới họa sĩ quốc tế nói chung và các họa sĩ Việt Nam nói riêng; bao năm gần gũi họa sĩ Lê Thị Lựu, nhưng áng chừng đối với bà, việc cầm cọ là lẽ tự nhiên, như ta cần ăn, cần thở, bà không bao giờ giảng cho tôi nghe những lý thuyết hay quy luật của hội họa. Bức nào vẽ gần xong, vừa ý hay chưa vừa ý, bà chỉ vấn tắc: "Cháu trông có được không? Chỗ này còn phải sửa nữa...v v...". Dường như: ánh sáng ấy thì phải đi với mầu sắc này, lẽ tự nhiên là thế, như không có định luật, sự thành công của họa sĩ là sự giao cảm giữa nhãn quan và tác phẩm.

Họa sĩ Lê Thị Lựu với tôi ngoài liên hệ gia đình, còn là một trong hai người đàn bà hiếm hoi tôi được gần cận và quý mến: người thứ nhất là bà Nguyễn Hiến Lê, một người đã hy sinh hạnh phúc cá nhân cho sự nghiệp văn học của chồng và người thứ nhì: họa sĩ Lê Thị Lựu, người đàn bà *tài sắc vẹn toàn* với ý nghĩa trung thực của nó.

Những năm 32, 33, các báo phụ nữ đều nhắc tới người nữ họa sĩ đầu tiên của Việt Nam, tốt nghiệp thủ khoa trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội năm 1932. Ra trường bà nổi tiếng ngay khắp ba kỳ về tài họa cũng như về sắc đẹp. Sống tại Pháp từ năm 1940 nên thế hệ hiện nay, nhiều người không biết đến bà. Trong 56 năm sáng tác liên tục, Lê Thị Lựu vẽ không nhiều, tranh bà đã tản mát, lưu lạc, nếu muốn ước lượng, con số hai, ba trăm xem chừng gần gũi nhất.!

Lê Thị Lựu đắn đo khi cầm bút, nhiều khi vẽ xong lại xóa đi, có bức vẽ đi vẽ lại trong mấy năm trời *(Trần Anh bên suối, Kim Kiều gặp*

gỡ, Tam đại đồng tịch, ...v v...), có bức đặt bút một buổi là vẽ xong ngay, mà thông thường là những bức thành công, hoặc ít ra cũng tiêu biểu cho đường lối hội họa của bà *(Đông tố, Sơn nữ trong rừng* (nhiều bức khác nhau) *Chân dung hai vợ chồng quê, Cảnh Honfleur...).* Phần lớn là tranh lụa, một số rất ít sơn dầu. Đề tài nằm trong chữ thiếu: thiếu nữ, thiếu phụ, thiếu nhi...

Cùng thời với nhau, tranh Nguyễn Phan Chánh đượm tính chất mộc mạc, thôn dã, tranh Mai Thứ hồn nhiên, ngây ngô (naif), tranh Lê Phổ có tính cách trang trí, quang độ chan hòa, sắc độ rực rỡ, tranh Lê Thị Lựu êm dịu trong ánh sáng, nhẹ nhàng trong màu sắc, mềm mại trong nét bút. Thể hiện phái tính chăng? Chưa hẳn thế, vì trong các tranh ký họa hay sơn dầu cũng có những nét gân guốc như nam phái, tranh phong cảnh nét bút và mầu sắc gần hệt như của Cézanne. Năm 1940, mới qua Pháp nhận thấy đường lối của mình quá xưa đối với trường phái Paris (École de Paris), bà do dự và thất vọng, đi vào các phòng họa như Chaumière ở Montparnasse tìm lại nét bút, phác họa các người mẫu khỏa thân. Rồi bà quay hẳn sang vẽ tranh lụa.

Ban đầu vẽ theo kỹ thuật Trung quốc nhưng mầu sắc vui tươi hơn. Trong một thời kỳ rất ngắn, tranh bị ảnh hưởng của Modigliani, sau cùng, bà chuyển hướng và tìm ra đường lối riêng biệt của mình. Tranh bà, tuy có phong cách của phái Ấn tượng (Impressionniste) nhưng thoát ly khỏi lề lối Tây phương, tự do biến đổi theo quan niệm của mình để sáng tạo chứ không mô phỏng và luôn luôn mang bản chất Việt. Cũng như phái ấn tượng, bà dùng mầu tươi mát làm bật ánh sáng, lấy nhật quang làm nền rực rỡ cho tranh, nhưng bà không chối bỏ kỹ thuật cổ điển, dùng cả sáng lẫn tối, chuyển sắc độ (modulation) dần dần: *Thiếu nữ với cây đàn thập lục,* vẽ năm 1970, là một trong những bức thành công nhất của bà: Bóng tối từ phía bên nàng làm ta mường tượng đây là ban đêm, nhưng toàn thân thiếu nữ là ánh sáng, nguyệt quang chan hòa, tràn sang những cụm hồng tươi bên cạnh, thứ ánh sáng bàng bạc, huyền ảo của một đêm trăng. Nàng gẩy đàn dưới trăng, trong trăng, trên trăng, hay trăng là nàng? không ai biết nữa. Bức này cho ta liên tưởng tới *Mademoiselle Grimpel au ruban rose (1880)* của Renoir.

Kiều gẩy đàn tỳ bà, một trong những bức tranh cuối cùng bà thực hiện xong năm nay (1988), cũng dùng ánh sáng làm nền giao cảm với người xem. Từ những mầu xanh đậm, hồng đào, vàng mimosa, trên hoa cỏ, bà hạ dần sắc độ (dégrader) để lưu lại mầu trắng mong manh trên áo nàng Kiều, rồi đôi mắt hắt hiu vương sầu của nàng như gợi tiếng đàn du dương trầm bổng :

Trong như tiếng hạc bay qua.
Đục như nước suối mới sa nửa vời.

Tranh *Kim kiều gặp gỡ (1975)* thể hiện lối viễn họa (perpective):

Dưới cầu, dòng suối ngoằn ngoèo, róc rách tới tận chân rừng, một con đường mòn chạy dọc theo dòng suối: cảm tưởng sâu hút của con đường và dòng suối đến bằng những đường cong (arabesque) mềm mại, giao hòa nơi vô tận.

Tranh khỏa thân bà chỉ vẽ một bức, tranh khỏa thân của bà cũng *đoan trang* lắm. Bức *thiếu nữ tắm hồ sen* (1970), bà dùng nền xanh non tươi mát làm thảm cho cỏ hoa. Vài cánh sen phớt hồng trôi trên mặt nước, như ẩn như hiện. Người con gái ngồi nghiêng, tóc ướn ướt xõa, quay đầu lại, khăn lụa mỏng che một phần thân hình, úp mở, đợi chờ. Dường như cỏ hoa, mây, nước cũng muốn tắm chung với nàng, trong mầu xanh bất tuyệt ấy.

Người đẹp trong tranh Lê Thị Lựu có những mẫu mực lý tưởng: đúng khuôn mẫu cổ điển: mặt trái soan, cân đối theo tỷ lệ vàng. (Tỷ lệ vàng 1,618, luật cân xứng tỷ lệ của Hy Lạp do Vitruve đặt thành công thức: nếu một vật chia thành 2 phần không đều nhau mà vẫn đẹp, thì tỷ lệ của phần nhỏ đối với phần lớn, không bằng tỷ lệ của phần lớn đối với toàn thể, khuôn mặt lý tưởng phải được chia thành 4 phần đều nhau :

— Từ đỉnh đầu tới chân tóc trước trán.
— Từ chân tóc trước trán tới kẻ mắt.
— Từ kẻ mắt đến đầu mũi.
— Từ mũi đến cằm.

(Phần cuối cùng này cũng lại chia làm 3 phần nhỏ: miệng nằm giữa).

Bà ít vẽ cảnh, chỉ một vài bức bằng sơn dầu. *Cảnh Honfleur* bà dùng khối, tụ chồng lên nhau, gợi những căn nhà san sát, nét tựa Cézanne. Vẫn mầu nhạt, êm dịu, từ mảnh buồm đến sóng nước, tất cả hòa đồng trong sắc độ xanh nhạt, mát mắt, thanh tịnh và êm ả.

Bức *Dông tố,* họa một em bé ngồi dưới trời sắp nổi cơn dông. Đôi mắt đứa bé là cả một trời lo âu, thắc mắc. Họa sĩ không đặt tên cho bức tranh. Lần đầu tiên nhìn thấy tôi gọi là Dông tố! Bé đi lạc chăng? Bé đợi ai đây? Dông tố bên ngoài có mạnh hơn dông tố đang lên trong lòng bé?

Bức này là một trong những bức hiếm hoi có mầu sắc biểu hiện (expressionniste) của bà, được phát sinh trong một buổi chiều hướng về quê hương đất nước.

Khi vẽ chân dung, Lê Thị Lựu còn mơn trớn hơn nữa: các bà được vẽ lên tranh trẻ đẹp ra chừng... vài chục tuổi. Dường như họa sĩ khi đặt bút đã chỉ nhìn thấy cái đẹp ở mỗi con người. Ưu hay khuyết điểm? Chịu. Cố nhiên làm cho người thưởng thức vui trong giây phút đã là một hạnh phúc. Làm cho người có ảnh, sung sướng cả đời, chắc là một thiên đường.

Xem tranh Lê Thị Lựu như đọc một bài thơ lời đẹp, ý nhẹ nhàng:

mầu sắc vui tươi trong sáng gây cho ta cảm giác yêu đời: em bé hái hoa đồng biếu mẹ, thiếu nữ cõng em rong chơi trong rừng, thiếu phụ bồng con lộ nét mặt hiền hoà âu yếm... những cảnh hầu như tầm thường, nhưng có gì hòa bình, an lạc, êm đẹp quá như trong cõi mộng (có lẽ là mộng của tác giả trước thực trạng của quê hương). Ta cứ việc đi vào, chìm đắm trong bầu trời, trong ánh sáng, trong thanh sắc, trong hy vọng... không cần thắc mắc hỏi xem: Bút thuật có thể hiện những *rung động quằn quại của nội tâm,* cũng không cần biết nghệ sĩ có thể hiện được *bề trong của tạo vật.* Hời hợt ư? Lỗi thời ư? Mặc. Miễn là tranh cho ta vài giây phút mơ màng, quên thực tế.

Trong cuộc đời, Lê Thị Lựu đã một thời làm giáo sư ở các trường Bưởi, Hàng Bài, Áo tím... học trò của bà là văn nhân, thi sĩ cũng lắm. Xin ghi lại bài của Hoài Điệp (Đinh Hùng) và Huyền Kiêu làm tặng khi bà rời nước ra đi.

Kính tặng chị Lựu

Ngày mai chị đi viễn du
Đường xa lộng muôn hương sắc
Chúng em ở nhà nhớ chị
Lòng sầu đầy một mùa thu
Chị ở muôn trùng biếc ấy
Hẳn chờ bóng nhau phương xa
Ngày về mong sao chị thấy
Đời hai chúng em có hoa
Chị đi ngày xuân chẳng hiếm
Hai em dâng chị không nhiều
Mấy ánh hương hồng kỷ niệm
Linh hồn Hoài Điệp Huyền Kiêu

Tây hồ ngày 8/3 1940

Vài nét về cuộc đời họa sĩ Lê Thị Lựu.

Họa sĩ Lê Thị Lựu sinh ngày 19-1-1911 tại làng Thổ khối, tỉnh Bắc Ninh, mất ngày 6-6-1988 tại Antibes - Pháp. Tốt nghiệp khóa thứ ba trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội năm 1932. Ra trường, bà được bổ dạy liên tiếp các trường: Trường Bưởi, Trường Hàng Bài (tiền thân của trường Trưng Vương), Trường Làm Ren (École Dentellière), Trường Hồng Bàng ở Hà Nội, Trường Áo tím (sau thành trường Gia Long) và trường Mỹ thuật Gia định ở Sài gòn.

Ngoài ra bà còn cộng tác với những tạp chí Ngày Nay, Phụ Nữ Tân Văn (của ông bà Nguyễn Đức Nhuận), Đàn Bà Mới (của nữ sĩ Thụy An), dưới bút hiệu Văn Đỏ. Làm thơ (rất ít) ký bút hiệu Thạch Ẩn do một nhà sư đặt cho.

Bà là thành viên (sociétaire) của hội Union des Femmes Peintres

et Sculpteurs của Pháp.

Năm 1946, ở Paris, bà gia nhập phong trào chống thực dân giành độc lập, bị DST (mật thám Pháp) khám nhà nhiều lần. Giữ chức thủ quỹ cho hội Văn Hóa Liên Hiệp mãi đến ngày ký kết hiệp định Genève. Khi thấy Việt Minh mưu đồ chiếm miền Nam bằng võ lực, bà ngưng hẳn mọi hoạt động và không đặc chân đến trụ sở của hội ở quán Petit Musc nữa.

Từ năm 1971 bà cùng chồng là kỹ sư kiêm họa sĩ Ngô Thế Tân về sống ẩn dật tại biệt thự An Trang, Spéracèdes (miền Nam nước Pháp) và tiếp tục sáng tác đến những ngày cuối của cuộc đời.

Năm 1975, bà về Hà Nội thăm gia đình, khi trở lại Paris, bà có tường thuật với người thân về hiện tình đời sống của người dân Hà Nội.

Đối với chính quyền miền Bắc, bà không tỏ rõ thái độ như họa sĩ Mai Thứ. Tuy nhiên, khi bà ngỏ ý xin về thăm đất nước lần thứ nhì, đã không được trả lời. Có người gán cho bà cái tên Xích Lụu (Lụu đỏ). Chúng tôi xin trích sau đây lá thư bà gửi cho bà Phương Tiếp (bạn thân của bà) và cũng là vợ của ông Đào văn Châu, cựu thủ quỹ hội Liên Hiệp Việt Kiều tại Pháp :

"Xin cám ơn Tiếp đã giả lời cấp tốc bằng một bức thư dài rất rõ ràng về các điều kiện mà người Việt Nam phải có đủ để được phép về thăm nước VN của họ (....). Bây giờ đã nhận được thêm chi tiết, thì thấy mình đâu có đủ điều kiện.

1. Phải là hội viên của LHVK. Nếu đi ngược lại trên 10 năm trước thì mình cũng thừa đủ đấy! Nhưng gần đây không tham dự gì của tổ chức LHVK cả.

2. Có cha hay mẹ già. Cũng không nữa, vì cha mẹ hai bên đều quy tiên cả rồi.

3. Nhân sĩ, ân nhân của VK? Muốn là nhân sĩ hay ân nhân, tất nhiên phải cho nhiều tiền - mà mình lâu nay lại không đóng góp gì cả.

Vậy phiền Tiếp làm ơn xin xóa sổ hộ. Không phải "Nho xanh chẳng xứng miệng người phong lưu" gì đâu. Nhưng xét ra không đủ điều kiện thì rút lui. Mình làm việc trong thời kỳ chống Pháp, tuy trong lúc đó cũng bị bắt bớ lôi thôi, nhưng tụi trẻ như Lâm Bá Châu, Huỳnh Trung Đồng đâu có biết. Chắc chắn là bị gạch đi vì đôi khi nhỡ gặp họ, họ đã nhìn mình bằng con mắt bàng quang, phớt tỉnh rồi. Bây giờ mình lại phải cần đến họ để được phép nhìn lại nơi chôn rau cắt rốn của mình, thì thà đừng về nữa là hơn."

Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội và các họa sĩ đầu tiên của Việt Nam.

Đoạt giải Hội Họa Đông Dương, họa sĩ Victor Tardieu (bạn học của Rouault và Matisse) sang Hà Nội năm 1920. Ông vận động thành

lập một trường Cao Đẳng Mỹ Thuật. Ngày 27-10-1924, chính phủ bảo hộ ký nghị định lập trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội. Khóa đầu, 1925, trường nhận 10 sinh viên học về ba ngành: hội họa, điêu khắc và kiến trúc. Thời gian học tập được quy định là 5 năm.

Khi đặt chân lên đất Ấn, người Anh đã xây dựng những viện Mỹ Thuật hoàn toàn Âu hóa, hủy diệt nghệ thuật chân truyền Ấn độ. Victor Tardieu ngược lại, những mẫu mực ông lựa cho học trò không phải là những trang in (reproduction) bích họa của Michel Ange hay Phidias, ông đòi hỏi học trò phải trở về nguồn, tìm cảm hứng trong văn hóa, phong tục và tôn giáo của họ.

Sau 10 năm cố gắng, giáo sư đã xây dựng một trung tâm mỹ nghệ thực thụ, với những nhân tài trẻ, sáng tạo theo kỹ thuật tân tiến, nhưng không chối bỏ phong tục tập quán đông phương của mình...

(Theo Waldemar George và Roger Baschet)

Roger Baschet viết tiếp, trong tuyển tập La Peinture Asiatique, son histoire et ses merveilles (1954)

"Nhiều tài năng lớn xuất hiện: Nguyễn Phan Chánh, cựu giáo viên, vẽ với sự nhận xét tinh tế và một giá trị độc đáo hiếm có, những cảnh sinh hoạt đời sống hàng ngày làm chúng ta liên tưởng đến những bức tranh in trên bản khắc giá trị nhất của Nhật Bản.

Lê Phổ, Vũ Cao Đàm, Mai Thứ họp thành bộ ba họa sĩ đặc sắc tân kỳ và sau họ những họa sĩ trẻ lôi cuốn theo đường lối trừu tượng".

Roger Baschet chọn cho tuyển tập 4 bức: Lên đồng và Rửa rau của Nguyễn Phan Chánh, Gà chọi của Vũ Cao Đàm, và Thiếu nữ của Lê Phổ.

Chúng tôi không tìm được tài liệu đầy đủ về các họa sĩ xuất thân ở trường, chỉ biết:

— Khóa đầu tiên (1930) tốt nghiệp các họa sĩ: Nguyễn Phan Chánh, Lê Phổ và Mai Thứ.

— Khóa thứ nhì (1931): Vũ Cao Đàm, Tô Ngọc Vân...

— Khóa thứ ba (1932): Lê Thị Lựu....

*
* *

Họa sĩ Nguyễn Phan Chánh :

Họa sĩ Nguyễn Phan Chánh sinh ngày 21-7-1892 tại Hà Tĩnh. Ra trường năm 1930, năm 31, trong cuộc Đấu Xảo, thuộc địa tổ chức ở Pháp, tranh lụa của Nguyễn Phan Chánh rất được hoan nghênh.

Năm 1938, ông trưng bày tranh ở Địa Ốc Ngân Hàng (ngã tư Tràng Tiền) với 40 bức tranh lụa. Đến năm thứ tư trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội, ông mới bắt đầu vẽ tranh lụa, dùng lụa Vân Nam. Nhưng chất lụa Vân Nam ẩm mốc, ông đổi sang lụa Bombay. Sau đó,

ông nghiên cứu dùng lụa Việt nam để vẽ. Nguyễn Phan Chánh áp dụng lối vẽ từng mảng đồng mầu, đồng sắc (aplat), theo kỹ thuật Trung quốc, có đường viền. Ông ưa cảnh nông dân với mái tranh, vườn chuối, cảnh sinh hoạt đời sống hàng ngày ở nông thôn.

Nguyễn Phan Chánh ở lại trong nước, trôi nổi theo thời cuộc và sau này ông đã *sung sướng được tự tay mình vẽ ảnh lãnh tụ, ông đã vẽ nhiều tranh tuyên truyền kháng chiến và đã tự đi tổ chức triển lãm tại các địa phương, trong đó có những bức: phá Khám Lớn Sài gòn, Em bé tắm dầu, Phá kho bom của địch...*

Sau này ông tuyên bố :

"Chế độ của ta thật là quý hóa. Được sống đến bây giờ (năm 1962, họa sĩ 70 tuổi) để nhìn thấy người họa sĩ hoàn toàn tự do sáng tác, đối với tôi thật là hân hạnh (....)

Hôm nay sinh nhật cụ Hồ, nên tôi tắm rửa và thay quần áo tinh tươm từ sáng sớm. Cụ hơn tôi hai tuổi, mong sao cho cụ được an khang mãi, đó là điều vạn hạnh cho nhân dân".

(Trích Nguyễn Việt Lãm, Báo Văn nghệ tháng 7, 1962)

Họa sĩ Lê Phổ :

Họa sĩ Lê Phổ sinh ngày 2-8-1907, là con cụ Lê Hoan, kinh lược sứ (Vice Roi) Bắc kỳ. Năm 1928, ông đã triển lãm chung với Vũ Cao Đàm và Mai Thứ tại Hà Nội. Ra trường năm 1930. Năm 1932, được học bổng đi Pháp học trường Cao Đẳng Mỹ Thuật, Paris. Từ đó ông đi nhiều nước Âu Châu và Trung Hoa. Năm 1937, họa sĩ Lê Phổ sống hẳn ở Pháp. Ông tham dự nhiều cuộc triển lãm tranh ở Việt Nam và khắp nơi trên thế giới. Từ 1950 đến 1954, ông làm Cố Vấn Mỹ Thuật cho Tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Pháp.

Tranh ông phối hợp hai ngành mỹ thuật đông tây (hội họa Trung quốc và hậu ấn tượng). Ảnh hưởng Bonnard. Đa số là hoa và phụ nữ. Chủ yếu dùng ánh sáng và mầu vàng. Tranh Lê Phổ mang phong cách trang trí: sắc độ rực rỡ, quang độ chan hòa, gợi hình ảnh mùa xuân bất tận, một khung cảnh địa đàng nơi trần thế !

Họa phẩm của Lê Phổ được trưng bày ở Musée d'Art Moderne ở Paris, Musée d'Oklahoma (USA) và trong nhiều sưu tập nghệ thuật tư nhân, phần lớn ở Mỹ. Họa sĩ Lê Phổ hiện sống ở Paris

Họa sĩ Vũ Cao Đàm :

Sau khi tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội (năm 1931), ông được học bổng qua Pháp học ngành điêu khắc. Một thời gian sau, ông chuyển hướng bỏ điêu khắc, chuyển sang hội họa. Ban đầu tranh ông ảnh hưởng tranh cổ Trung quốc, sau qua xu hướng mới: Ảnh hưởng Chagall. Hay vẽ các đề tài: thiếu nhi, thiếu nữ và ông già. Sau này ông bỏ hẳn tranh lụa để vẽ sơn dầu.

Trong các họa sĩ, ông là người có nhiều công lao tìm tòi chất liệu cho tranh lụa và sơn dầu. Vì có căn bản về điêu khắc, tranh Vũ Cao Đàm mang tính chất xác thực trong sự khảo sát cơ thể con người. Họa sĩ Vũ Cao Đàm hiện sống ở St Paul de Vence, làng hội họa, gần Nice.

Họa sĩ Mai Thứ :

Họa sĩ Mai Thứ tên thật là Mai Trung Thứ. Trong ba họa sĩ đầu tiên của Việt Nam thành danh và có tầm vóc quốc tế (Lê Phổ, Mai Thứ, Vũ Cao Đàm), họa sĩ Mai Thứ được biết đến nhiều nhất.

Ở Paris, những bản in (reproduction) tranh Mai Thứ bày la liệt khắp các hiệu sách. Những nhà phê bình xếp ông vào trường phái Hồn Nhiên hay Ngây Ngô (Naif). Tranh Mai Thứ mang phong cách Á Đông, (một nửa ảnh hưởng chút Trung Quốc, Ấn độ, Ba Tư; còn một nữa là nét dí dỏm của Mai Thứ. Đề tài : trẻ nhỏ Việt Nam.

Sự nghiệp hội họa Mai Thứ không còn xa lạ với mọi người, hôm nay chúng ta nêu lên một khía cạnh khác của họa sĩ; qua hai lá thư ông viết cho các ông Võ văn Sung ngày 16-1-1975 và Huỳnh Trung Đồng ngày 1-11-1979.

Sau khi về thăm Hà Nội năm 1974, họa sĩ Mai Thứ gửi cho Đại sứ Võ văn Sung một lá thư đề nghị cải tổ mỹ nghệ, để sản xuất những mỹ phẩm tốt, khả dĩ có thể xuất cảng, đem ngoại tệ về cho Việt Nam, ông viết:

"Từ bao nhiêu năm nay tôi vẫn để tâm đến vấn đề này và vẫn thường mong mỏi một ngày kia được về nước làm việc trong ít lâu. Cái nguyện vọng đó mà thực hiện được thì tôi rất lấy làm sung sướng là đã làm một việc gì có ích cho nước nhà. Nếu bây giờ chính phủ cần mà kêu gọi thì tôi sẽ rất vui lòng nhận lời ngay và tình nguyện về làm việc không lương trong một thời gian là 6 tháng."

Trong 6 tháng ấy, ông dự định hoàn tất chương trình 3 điểm sau đây :

1. Huấn luyện một số anh em trẻ chuyên việc sáng tác các kiểu cho các ngành mỹ thuật.

2. Đi thăm viếng các nơi, những nơi nào có chút thủ công, bất cứ tư gia hay của nhà nước.

3. Tùy điều kiện, tu bổ và tổ chức lại cách làm việc cho hữu hiệu hơn.

Năm năm sau, không được Hà Nội trả lời, ông viết lá thư ngày 1-11-1979, gửi ông Huỳnh Trung Đồng, chủ tịch hội người Việt Nam tại Pháp, và in ra nhiều bản để gửi cho những người quen biết, trong và ngoài nước.

Họa sĩ Mai Thứ từ trần tháng 10 năm 1980 tại Paris.

Thụy Khuê

Hoạ sĩ Lê thị Lựu (1945)

Ba mẹ con (1960)

Luân Hoán

Nghe tiếng chim xưa

Em gửi qua một cuộn băng cassette
đã rình thu tiếng hót chích choè
Ôi tiếng hót giở từng trang thơ ấu
thở đầy hồn nhạc gió mát lũy tre
và bụi duối và hàng keo...bờ giếng
vàng mênh mông hương đất nức trưa hè.

Ôi tiếng hót dễ thương chi lắm vậy
dập dồn dâng cao vút vỡ man man
rủ rê tiếng trở mình ai uể oải
tiếng cột tre ru quai võng nhẹ nhàng
tiếng rón rén đôi bàn chân trốn mẹ
giấu ná lưng quần đội nắng lang thang.

Ôi tiếng hót sao nghe buồn quá đỗi
bởi tình chim hay tại nỗi niềm ta
buồn từ xưa hay sầu vừa bén rễ
trong hồn đời biệt xứ nổi trôi xa
Ôi tiếng hót gõ vào tim rất khẽ
sao đành lòng giữ được tiếng thở ra

(Trích trong Ngơ Ngác Cõi Người)

Hoàng Xuân Sơn

Trưa Sài Gòn

Ngọ
Bạn cũ còn chờ dưới gốc me
Trưa ngồi nhấm nháp ly cà phê
Hơi ùn mặt nhựa cây run bóng
Bác mặt trời kia rõ chán phè

Hạt bụi
Hạt bụi bay qua nóc nhà thờ
Núp vào thánh giá nép vào thơ
Trời cao xanh quá lòng vô nhiễm
Một phút an nhiên thổi tới bờ

Vướng
Có gì vướng lại trên tóc em
Một cánh hoa vàng như cánh cam
Gió thổi tới rồi mưa cũng tới
Đứng dưới hiên mưa sẽ ướt mèm.

Tan biến
Lũ lượt người về như ong vỡ
Một ngày tan biến giữa thinh không
Đạp xe trong quãng bình yên ấy
Chợt thấy lòng vui một chút buồn.

Nguyễn Mạnh Trinh
Đất Khách

Đọc thơ Bùi Giáng

Lạ không chữ nghĩa chạy quanh
Chiều đang mây trắng sao đành nỗi vui
Đọc thơ lộn đầu lộn đuôi
Đôi tay xuống đất chọc cười kiếp ai.

Hôm nay tưởng không thuộc bài
Nên dường nét chữ đoạ đầy chẳng xong
Quẩn quanh từ chữ có không
Giọt buồn có lúc mênh mông vô bờ.

Ở trong mộng nhỏ tình cờ
Thấy ngôn ngữ giống lớp mờ kính soi
Ở trong sâu thẳm óc tôi
Chiêm bao những núi những đời chưa qua.

Giết người vần điệu chảy ra
Nên bù hao đã nét già nua xưa
Giấu trong góc quạnh âm thừa
Nên đôi tay mải đong đưa trái sầu.

Trung niên thi sĩ ở đâu
Tồn lưu Tồn lý giang đầu ngó quanh
Đùa thơ cợt chữ đành hanh
Bóng ai phảng phất cuối mành đảo điên.

Điên tam đảo tứ còn nguyên...

...và thơ, Tô Thùy Yên

Một thằng lính trận đang ngồi nhớ
Chiều mốc rêu xưa mấy dáng cò
Chừng như con nước đang lần giở
Qua sông, mưa dột những bài thơ.

Cây súng đeo vai dường quá nặng
Dựng vách lá xiêu mấy khoảng trời
Hào sảng cười ai còn văng vẳng
Rượu để lên tăm chắc đã đời.

Đỉnh dốc thiên thu nào hiển hiện
Mưa giọt thầm thì quán cóc xưa
Anh hùng tận, tìm đâu chỗ đến
Lục bình hoa tím chuyến đò đưa.

Gác đôi giầy bốt, cởi nón sắt
Thiếu úy, vờ quên những chuyện cưỡng
Lỡ lên trung úy, đi về đất
Có sao, ngày cũng sẽ tà dương.

Chắt vài ly rượu nghe bất chợt
Loạn tâm, đạn nổ mấy khuôn trời
Thoảng giữa chiều không mưa ngợp ngợp
Con đường binh lửa vẫn khơi khơi.

Ngồi ở ngã ba, bờ sát nước
Hỏi mình năm tháng nào xưa sau
Nước cuốn phù sa về bất chợt
Cào trong tủy nhớ vết thương sâu.

Mường tượng sầu ai đời sẵn định
Mái lá ngồi nghe chiến sĩ hành
Đù oả, giầy đinh và áo lính
Sao bùn đất mãi tuổi xuân xanh.

Đất cứ mải mê từng chân bước
Hay vẫn đang tay đón kẻ về
Thơ giữa lặng câm nghìn năm trước
Và nghìn năm cũ vẫn cơn mê...

Nguyễn Tất Nhiên
Tâm hương

giữ cho nhau một chút tình
giữ cho nhau một ánh nhìn thiên thu
giữ long lanh, giữ sa mù
giữ phai nhạt, giữ đền bù nhạt phai
giữ hương cho thở ngây ngây
giữ hiu hiu gió đượm dài luyến lưu
giữ sương mai, giữ sương chiều
giữ sông trong giọt lệ sầu xưa, sau
giữ cho nhau một chút nào
giữ duyên đáp nghĩa đền câu phụ lòng
giữ thơm không khí phiêu bồng
giữ mây cho khói mang hồn sông theo...

Westminster, CA 20.7.88

ĐÓN ĐỌC
ĐƯỜNG XƯƠNG TRẮNG
Truyện dài của Định Nguyên
Để biết rõ thảm kịch vượt biên gian khổ bằng đường bộ từ Việt Nam xuyên qua cánh đồng xương cốt Kampuchea để đến biên giới Thái Lan.
Nhà xuất bản **VIỆT NAM** sẽ phát hành trong tháng 10.1988.
Phát hành độc quyền :
Nhà sách TỦ QUỲNH
9581 Bolsa Ave, Westminster CA 92683 USA
Phone (714) 531-4284/531-6880

Ngu Yên

Siêu Vi Khuẩn.

Thật là khó chịu.

Ánh nắng cứ bò dần tấn công chàng. Trong phòng chờ đông nghẹt, nhiều người đến sau phải đứng. Chiếm chiếc ghế ngồi tưởng đã may. Ai ngờ được nắng. Mới đầu nó nằm rình dưới thảm. Chờ cho chàng lơ đễnh, nó bò đến liếm láp bàn chân rồi trèo hẳn lên đấy. Con nắng mang nhiều chất nhiệt mùa hè. Nó thiêu dần lớp da. Đến khi chàng phát giác thì mu bàn chân đã nóng bỏng. Chàng dẫy nẩy hất nó xuống, xém văng cả chiếc dép. Xếp chân qua một bên. Nắng rơi xuống, chui tọt vào đáy ghế. Thế là thoát!

Không dễ vậy đâu. Xưa nay những ai xem thường đối phương, kẻ thù, đều mang lấy hậu quả thảm bại. Nhất là những loại địch thủ không biết lẽ sống, sinh ra chỉ để trường kỳ kháng chiến. Nó ngóc lên chân ghế, rồi leo lên bàn tọa của chàng. Trong phạm vi nhỏ hẹp, dù cố nhích qua nhích lại cũng không thể tránh khỏi. Cuối cùng, chàng phải lựa một nơi có vải quần dày nhất để nó ôm lấy.

Tạm yên ổn một lát. Kẻ chọn những giải pháp hoà hoãn tạm thời thường có kết quả thua lỗ. Bây giờ nó đã chiếm một vị trí quan trọng, đeo vắt vẻo ngang vai. Rình mò bám lấy vành tai. Chàng nghểnh cổ tránh né. Một hồi, đâm ra mỏi như muốn trẹo gân.

Khi nắng nằm trên mặt nước, từ từ thấm xuống, rồi hút lên hơi hám để làm mây. Nắng ủ lên áo, khá nóng qua vải, hút nước ra lấm tấm. Mai kia, đám mây nào trên trời sẽ mang một chút mồ hôi của chàng bay vân du?

Ai xây khung cửa sổ bên góc tường kia như thế? Tại sao cành cây ngoài sân không mọc chếch qua bên nầy vài gang tay? Cả thiên nhiên và con người đều không dự tính sự có mặt của chàng. Gọi là Dịch sao?

Định mệnh hay ngẫu nhiên? Đố triết gia, thánh nhân nào có thể giải thích cho chàng vui lòng? Giải đáp, lý luận lúc nầy không làm êm dịu tình trạng nổi sảy, không dời được chiếc ghế đến một nơi mát mẻ hơn.

Dễ gì chỉ nắng nóng làm khó chịu không thôi.

Người đàn ông ấy, có lẽ đã lớn hơn chàng ít nhất cũng hai mươi năm. Sao tính tình còn nóng nảy đến thế. Cứ đi đi lại lại, nện những gót chân lên thảm êm. Âm thanh ấy tuy nhỏ nhẹ nhưng lại vang đùng đùng trong đầu chàng. Ở một chỗ đông người, không hiểu vì sao ông ấy lưu thông dễ dàng như vậy. Không biết ông đang nghĩ gì sau nét mặt đăm chiêu? Sao không nghĩ đến bộ dạng đưa thoi làm cho kẻ khác khó chịu? Điểm khó chịu nhất phải là hai ống quần và hai ống tay áo quá dài của ông.

Ống quần phía trước gãy gấp nhiều tầng. Khi ông đứng lại chuẩn bị xoay mình, trông thật là luộm thuộm. Sau vạt áo che phủ quá mông, chàng đoán chắc chiếc quần đang tụt xuống dưới rún. Khi ông đi, ống quần phía sau dài lết phết. Tưởng có thể vấp ngã bất cứ lúc nào. Vậy mà đầu tóc ông ấy chải thật thẳng. Có nhiều người chỉ chú trọng soi gương khuôn mặt mà không soi đôi chân. Sửa mắt, sửa mũi, giả ăn, giả nói mà đường đời chân đi lệch thếch, bết bát vẫn không hay. Ngã đau là việc của ông ấy. Hồi hộp chờ vấp lại là chuyện của chàng. Thế nhưng từ nãy đến giờ, ông ấy chưa có gì trục tặc. Đã quen mất rồi.

Không biết ông ấy muốn giấu cái gì ở cổ tay mà phủ tay áo dài như thế. Khi đong đưa xa theo nhịp bước, người khác mới kịp nhìn thấy hơn nửa bàn tay. Đứng lại, buông thõng, toàn bộ núp vào tay áo, chỉ có những ngón tay lòi ra, làm thẩm mỹ ngắnngũn. Ngày xưa có tích "giấu tay trong áo" vì bàn tay bận nắm giữ những điều bí mật. Khi nào tay lộ ra nguyên hình là có những trò ma quỉ, thủ thuật đảo lộn sự thật. Không hiểu ông ấy làm nghề gì?

Bận đồ quá dài là một thói quen. Bận quá ngắn cũng do thói quen. Bận vừa đúng không do thói quen hay sao?

Khó chịu có phải là thói quen hay không? Nếu phải thì tại sao lâu nay chàng được nhiều người xung quanh cho là dễ tính? Nếu không thì vì đâu hôm nay có nhiều thứ làm cho chàng khó chịu? Hay nó là một thứ thói quen tiềm núp trong ruột gan, chờ đúng thời cơ mới xuất đầu lộ diện:

Hiểu sao rõ dù lắm khi dễ hiểu ?
Trăng trên trời, ở đâu lúc ban ngày ?
Thói trong người, ở đâu khi còn lạ ?
Quen bên ngoài, ở đâu thuở chưa hay ?

Hôm nay, quả thật là khó chịu. Mới sáng sớm đã tìm không ra chỗ đậu xe vừa ý. Một trong những thứ phi lý do nền văn minh vật

chất đẻ ra: lái xe đến đâu cũng rán tìm nơi đậu, càng gần cửa vào chừng nào càng thích chừng đó. Làm biếng đi bộ. Tranh giành chọn lựa chốn thuận lợi cả ngày để rồi chiều chiều hoặc sáng sớm tinh sương rủ nhau chạy bộ toé mồ hôi. Chàng vừa cua xe vào bãi đã tinh mắt nhìn thấy một khung đậu hớ hênh gần lối vào phòng thuốc. Khốn nỗi người đàn bà lái xe ngược chiều ra quá ngập ngừng, cản trở lưu thông vừa đủ để một người khách khác chiếm mất phần đất. Khi chàng lái xe trờ đến, dáo dác tìm một nơi khác thì người đàn ông vừa đóng cửa xe, đi ra, chạm trán ánh mắt chàng, ông không quên thói quen lịch sự:

— Chào "bạn buổi sáng." khoẻ mạnh không ?

Hẹn cả tuần rồi mà đến nơi vẫn chưa có kết quả. Dù đến sớm, đã có nhiều người ngồi chờ. Tìm chiếc ghế trống , chàng chen vào đám đông cùng chung số phận. Người vào càng lúc càng nhiều. Người nhận được kết quả ra về thì ít. Căn phòng mỗi lúc mỗi hẹp lại. Người bắt đầu đứng. Người bắt đầu đi. Có người ra ngoài cửa để tránh thoát không khí chờ đợi ngột ngạt dai dẳng bên trong. Ông giành chỗ đậu của "bạn buổi sáng", không chịu được buổi điểm tâm no đầy. Đứng lên đi vào phòng dành riêng cho phái nam. Phái nữ được quyền đệ nhất làm người. Một bà bệ vệ ngồi xuống chiếc ghế trống. Chốc nữa khi thỏa mãn tư việc, ông ấy sẽ rở ra. Không còn chỗ ngồi. "Chào bạn gần trưa".

Không thể ngờ, khi trở ra, không được ngồi, ông ấy đi đi lại lại. Hai ống tay áo ló thụt, hai ống quần lết lê, làm phiền hà đôi mắt, ruột gan và tâm trí của chàng quá đỗi.

Mấy người y tá làm việc thật chậm. Kết quả thí nghiệm nhỏ giọt từng tên người, ở thành phố nhỏ, thứ gì cũng chậm. Người thành phố nhỏ làm gì cũng rãi. Chàng rất ghét phải chờ. Thường khi là bỏ về nhưng lần này không thể được. Chuyện này hệ trọng, liên quan đến sức khỏe tình yêu, công danh, sự nghiệp cho đến hết một đời. Đành phải chờ. Một người bạn gọi điện thoại kể rằng, "Ông biết không? Nhận được kết quả không có gì, tôi mừng hết lớn. Vợ con xúm nhau ăn mừng cả mấy ngày liền...". Lời ấy quả làm cho chàng lo lắng. Lỡ như kết quả của chàng ngược lại thì sao?

Phòng chờ đông người nhưng không mấy ai trò chuyện. Mọi người đều cùng chung một mục đích đến đây. Lẽ ra dễ đồng thanh tương ứng. Sao sắc diện của họ quá trầm ngâm? Tuy chàng có hồi hộp nhưng chưa đến đỗi xung động bật ra ngoài làm run chân, nháy mắt lia lịa, thắc thỏm, gãi chặp chặp như nhiều người xung quanh.

Khi cô y tá gọi tên, từ một đám tai nghe ngóng, hai vành tai đứng lên theo chân đi một mạch vào phòng bên kia. Dáng đi ấy không thể nói là bình thường. Kết quả vui buồn ra sao, không ai trong đám còn lại được biết, được chia sẻ vì kẻ vừa nhận xong chứng cớ số mạng, đã

ra về theo lối khác. Tinh tế thật. Lối vào lối ra đứt liên lạc với nhau. Kẹt ở lại giữa là một đám lo lắng.

Tại sao người ta thích hăm dọa lẫn nhau? Xung quanh phòng chờ, nhiều bích chương được dán lên tường. Những dòng chữ to lớn chạy dài cảnh cáo, nạt nộ tinh thần của bệnh nhân tương lai. Những hình ảnh bệnh hoạn, dễ sợ để tượng trưng cho vài kẻ xấu số đang chờ trong phòng này. Trên vài chiếc bàn nhỏ, những tạp chí, báo hàng ngày và tin ngắn của nhiều cơ quan công tư. Chúng công bố lắm thứ thống kê, cho đến hôm nay đã có bao nhiêu phần trăm người mắc bệnh. Hai chục năm nữa, cứ mỗi người đã gần một nửa vướng vào cái bệnh họa vô đơn chí. Chúng thì thầm to nhỏ dặn dò các bệnh nhân hàm thụ những phương pháp phòng ngừa. Chúng trắng trợn kể lể chi tiết những ngày tháng tương lai của một người mang phải chứng bệnh không thuốc chữa ấy. Chúng còn trêu cợt qua những hình vẽ hí họa. Độc đáo nhất là tấm hình có con người bé nhỏ run sợ trước con quái vật siêu vi khuẩn khổng lồ nhiều chân nhiều vòi.

Cách đây không bao lâu, chàng chỉ mỉm cười khi nghe tin tức loan báo: Những đấng mày râu thích làm nữ giới đi du lịch ở các đảo ngoài Thái Bình Dương mang về một loại quái khuẩn: gốc gác của loài quái này phát xuất từ Phi châu. Có người bàn thêm là do những kẻ cô đơn lên rừng giao du với khỉ rồi truyền sang cho đồng loại. Khi con quái khuẩn này xâm nhập vào thân thể, lập tức các hệ thống phòng thủ tê liệt, các đạo binh tự vệ nhân sinh đầu hàng vô điều kiện. Thế là các loại trùng khuẩn khác, nhẹ như cảm cúm, nặng như cùi lao, tha hồ tiến vào thịt xương bỏ ngỏ. Chưa tìm ra thuốc chữa. Chàng không thuộc vào phái nam đã rụng hết mày râu nên chẳng có gì đáng sợ.

Rồi tin tức càng ngày càng khốc liệt hơn. Con quái khuẩn biến đổi hình dạng. Càng lúc càng dị tướng. Chúng không những chỉ vồ lấy các bạn lai giống, mà còn tấn công những người nguyên giống, bất kể nam nữ. Mới đầu chỉ trao nhau qua những giao thông khoái lạc, bây giờ chỉ cần một vết sướt, một chút trầy da, một cái mụn vỡ, là có thể mời mọc các con quái khuẩn vào chiếm thân xác. Bị một cái là chỉ nằm chờ chết. Bệnh nhân bây giờ có đủ mọi hạng người, từ chơi bời trác táng cho đến các bậc nghiêm trang đạo đức. Quái khuẩn tràn đầy rình mò khắp nơi. Thiên hạ ùn ùn rủ nhau đi thử máu. Chàng bắt đầu cảm thấy lo sợ.

Lịch sử con người văn minh quá nhiều giai đoạn: phát triển kim khí, phát triển cơ giới, phát triển nguyên tử, phát triển kinh tế rồi hiện đại phát triển bệnh hoạn. Ung thư mới lò dò đi chưa hết đường nay đã có AIDS. Vị mục sư trên đài truyền hình, một buổi sáng chủ nhật, đưa hai tay lên cao, kết luận, "'Trời trừng phạt chúng ta". Sao phần thưởng chung thì hứa hẹn đến đời sau, còn hình phạt chung thì lãnh

ngay hiện tại? Hình phạt thì thực tế nhãn tiền, còn phần thưởng lại đo lường bằng đức tin!

Báo động Aids. Những giao du thân mật quá trớn được xét lại. Những dụng cụ phụ tùng ái ân được trang bị. Những khuyến cáo, học tập cách phòng ngừa được in thành bản tin phát không. Vậy mà con số bệnh nhân cứ mãi gia tăng.

Không cần giỏi tưởng tượng. Một người bình thường như chàng cũng nghĩ ra. Theo đà phát triển nầy, vài mươi năm nữa, nhiều giá trị trong đời sống sẽ thay đổi: Nhà giàu, đẹp trai đẹp gái, học giỏi, tài hoa, công dụng ngôn hạnh sẽ không ăn thua gì. Vướng vào Aids là không có tình yêu. Vướng vào Aids là hư hoá sự nghiệp. Bằng cấp cao, thế lực mạnh cũng bỏ. Có Aids là không có công danh.

Lúc ấy, ra đường ai cũng phải có giấy chứng nhận không có Aids. Không có mới là người tốt, bình thường, được quyền công dân. Gặp nhau sẽ không "chào buổi sáng, buổi chiều, mạnh giỏi không?" một cách vô tâm mà sẽ là "có Aids không?", hỏi rất thật lòng.

Người ta đã tốn hàng tỷ tỷ Mỹ kim mà vẫn chưa truy tầm ra cách chận đứng bệnh Aids. Đừng hỏi đến việc chữa trị tuyệt nọc. Nếu vô phương thì tương lai quả thật đen tối. Ngày xưa, bệnh giang mai đã tiêu diệt một triều đại La Mã huy hoàng. Ngày mai, không chừng Aids sẽ hủy hoại một thời đại quá văn minh vật chất.

Nhưng đấy là những chuyện của tương lai. Bây giờ chàng lo ngại cho bản thân của mình. Ai biết được có hay không có Aids? Có thứ bệnh bộc phát ra ngay. Có thứ đến mười lăm năm sau mới lộ diện.

Sau hôm đến phòng thử máu, cả một tuần nay, chàng mải lo âu. Nếu lỡ như kết quả thí nghiệm là có, chắc không mấy ai nghĩ đến mặt chàng có nhiều mụn hoặc thói quen cắt móng tay móng chân hay phạm vào thịt chảy máu. Họ sẽ gán vào quá khứ của chàng những địa danh trác táng như Lăng Ông, Gò Vấp... Đường 42, New York, đường Bourbon, New Orléans... phòng tắm hơi, phòng đấm bóp. Chuyện ấy không đáng ngại nhưng chàng sẽ ra sao vì họ không có thuốc chữa? Còn vợ chàng, con chàng, chắc chắn họ vô tội mà.

Nếu lỡ như vậy, chốc nữa chàng có nên về nhà liền hay không? Biết phải báo tin nầy như thế nào? Hoặc tìm một công viên, một góc đường, một chỗ vắng vẻ ngồi buồn cho đến tối? Trước sau gì cũng phải về. Vợ chàng ở nhà chắc cũng hồi hợp lo sợ không kém. Ai dám nhìn mặt ai trước? Không nhìn không nói rồi cũng biết. Nếu vợ chàng khóc chắc chàng cũng khóc theo. Tội nghiệp cho mấy đứa con.

Rồi chàng sẽ không còn hăm hở đi làm, lo lắng tương lai. Rồi vợ chồng sẽ không còn rộn rã bàn tính những chuyến nghỉ hè du lịch chưa từng thực hiện. Không thủ thỉ khen thầm những đứa con khá khỉnh. Không kịp ngậm ngùi nói đến cảnh sống trong viện dưỡng lão lúc tuổi già. Không biết người xung quanh, xã hội có chịu để cho gia đình

chàng yên sống một đời tầm thường? Hay tất cả chấm dứt, đổi thay, bi thảm từ đây?

Cả gia đình ngày ngày lê la đến phòng chữa bệnh cầm hơi. Chờ đến lúc trở nặng, kéo nhau vào một nơi từ thiện, dành riêng săn sóc cho những kẻ sắp ra đi. Liệu họ có thương tình sắp giường cho gia đình chàng được nằm gần nhau? Liệu bà con, bạn bè có ai dám đến thăm viếng? Ai là kẻ còn lại sau cùng? Đứa con út của chàng sẽ sợ hãi biết bao? Lạy trời cho chàng là kẻ chết sau cùng hết.

Vì đâu cuộc đời lại bi thảm như vậy? Xét ra, không biết kiếp trước chàng có làm gì hay không? Kiếp này chỉ phạm những lỗi tầm thường, xoàng xĩnh đâu đáng gánh chịu hình phạt nặng nề như thế. Nếu quả thật đời nầy phải đền tội để được phần thưởng đời sau, chàng thà chịu nhường phần thưởng ấy cho ai khác, để chỉ xin được bình an hàng ngày.

Lạnh lùng trên đỉnh cao xanh
Vô phương thay đổi cắn răng làm người
Đau thương chịu chẳng đáng đời
Tại sao đã có trời
Còn có ta ?

Đang nghĩ ngợi đến tận cùng cảnh thảm thiết, tiếng gọi tên chàng giật lên hốt hoảng. Không giữ nổi bình tĩnh. Bắp thịt xung quanh mông háng chàng co thắt, dãn ra, co thắt. Nước rỉ trong quần.

*
* *

Người ta cũng có lý khi thích chọn chỗ đậu xe gần cửa ra vào. Tiết kiệm thời giờ khác với làm biếng đi bộ. Tiết kiệm thời giờ để điên cuồng phục vụ vật chất, dễ bị phỉ nhổ, nhưng tiết kiệm thời giờ để làm giàu tinh thần hoặc hạnh phúc là điều đáng ca ngợi. Chàng thường nghe nói về cảm giác mọc cánh bay, hôm nay chàng mới hiểu. Chàng bay bổng từ đoạn đường lối ra cho đến chỗ đậu xe. Và muốn bay vù về nhà.

Cảm ơn những người xung quanh, cảm ơn những người đã gặp gỡ, cảm ơn thiên hạ trong quá khứ, đã không giật mất cuộc đời nhỏ nhoi tầm thường của chàng. Nắng đẹp vô cùng. Thành phố tươi mới. Mọi người đều dễ thương. Vợ chàng sẽ cười rạng rỡ hơn đoá hoa. Con chàng sẽ reo vui hơn ngàn tiếng chim hót. Số tiền để dành trong trương mục tiết kiệm sẽ được chi dùng xứng đáng những bữa ăn mừng, một cuộc du lịch tắm biển và những dụng cụ phòng bệnh Aids từ nay.

Nhất định không một ai trong gia đình chàng bị trầy da chảy máu mà không có băng keo đặc biệt dán lên bịt kín. Chàng không sợ xấu, mụn nào vỡ ra lập tức sẽ được bôi thuốc dù lổm chổm đầy mặt. Giao

du, ăn nói, bắt tay sẽ được cẩn thận đến mức tối đa. Khoa học vừa phát minh ra thuốc gì, cơ cụ gì phòng ngừa, ngăn chận Aids là chàng sẽ mua ngay. Miên man trong tưởng tượng, chàng cười đến mỏi hai mép miệng.

Nhớ lại lúc nãy, khi cô y tá gọi tên, chàng nhát gan quá cỡ. May mà không ướt nhẹp cả quần. Nghĩ lại còn xấu hổ điếng người. Đây không phải là lần đầu tiên bị són đái. Lần trước: khi vừa thi đậu tú tài một, ba chàng mua cho chiếc đồng hồ tự động, mặt gương đen có dây xích bạc. Chiếc đồng hồ mà chàng hằng ao ước mơ tưởng. Hôm ấy, ông tú mang đồng hồ mới đã trưởng thành, được mẹ chàng tín cẩn sai đi thâu tiền hụi. Trên đường về, đi bộ nép vào sát hàng hiên, thọc tay trái vào túi quần nắm chặt xấp tiền, chiếc đồng hồ cũng núp sâu sau lớp vải, chàng bảo vệ sứ mạng một cách an toàn. Thấy đám người quây quần đánh bài ba lá. Thật là dễ ăn. Một con tây lẩn giữa hai con bông. Nhìn thấy vị trí con tây bỏ xuống rất rõ ràng. Vậy mà nhiều người cứ trật mãi. Chỉ có một hai người thông minh đặt đâu trúng đó. Toán Hình học, ẩn số chàng làm còn được, huống chi con bài tây. Đặt thử, đặt thử rồi đặt thật. Đặt ít rồi điên tiết đặt nhiều. Đến khi chàng ngưng lại thì chiếc đồng hồ mới đã được người đứng cạnh bên xui dọt cởi ra đưa cho chủ sòng. Chàng đứng đó sừng sững cùng với vài nạn nhân. Sòng bạc hết người cũng tan hàng. Cả đám côn đồ kéo nhau đi, có cả người mất lát đứng cạnh chàng. Té ra đa số là đồng bọn cò mồi với ăn cướp. Nghĩ đến số tiền hụi đã hết, chiếc đồng hồ đã mất. Buồn bực, lo sợ đè nặng cả người. Ngây ngây mất hết cảm giác. Chợt chàng thấy bọng đái co thắt. Cố nín lại, gân bụng dưới lại thả ra. Nín lại, thả ra. Nước nóng rồi ấm ràn rụa thành dòng trên bắp vế. Bây giờ, nghĩ lại cơn hoạn nạn làm chàng đau khổ, xấu hổ, sợ hãi muốn tự tử không dám về nhà hôm ấy, chỉ như một giấc mơ còn sót lại nhiều thú vị. Vậy mà hôm nay chàng tái phạm. Nay không đái nhiều như lần trước.

Chàng cẩn thận đậu xe lại bên lề một công viên. Chờ cho lòng lắng dịu những xôn xao. Mừng quá, lái xe bất cẩn coi chừng xẩy ra tai nạn, dù gãy chân què tay có nhẹ hơn bị Aids, đời cũng khổ.

Trên sân cỏ, một thiếu nữ nằm phơi nắng. Nắng hè xế trưa thật gay gắt. Thiếu nữ bốc hơi. Nắng túa vào xe, tắm cả người chàng. Tuy nóng nực nhưng không khó chịu. Sự khó chịu không thể lai vãng gần tấm lòng đang vui tươi hỉ xả.

Dưới gốc cây, trên chiếc ghế đá, một cặp vợ chồng ngồi buồn bã. Đứa con nhỏ chạy chơi lẩn quẩn xung quanh. Nếu chàng nhớ không lầm, người đàn ông có khuôn mặt rất quen. Gặp ông ấy ở đâu sáng này? Chàng không muốn nhớ. Mở máy xe chạy thẳng về nhà.

Đậu xe vào sân. Hít vài hơi thở thật dài. Giữ cho vui mừng có chừng mực. Chân chàng muốn nhảy tung tăng. Đi vòng qua hộp thư. Chậm chậm một chút kẻo sung sướng làm chàng phá tung cửa tuôn vào.

Vừa đi vừa xáo trộn đọc các bì thư. Có thư của sở thuế.

Cái gì nữa đây? Năm nay chàng đâu có lấy lui được được một đồng xu thuế nào. Chắc lại có rắc rối! Sao mà cuộc sống ngắn ngủi nầy, cứ mỗi chặng đường đều có mỗi khổ nạn? Cả thiên nhiên lẫn đồng loại, sao không để cho chàng được yên tâm hưởng một chút vui trọn vẹn? Chán thật.

Chữ Sống trời ban chưa kịp hiểu
Chữ Thuế người trao thêm hoang mang
Thở dọc
Rồi lại thở ngang
Than dài
Than ngắn
Rồi than trung bình
Nản đời
Chán Thuế
Thương mình:
Đất trời thiên hạ vô tình thế sao?

NGU YÊN

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI:
GIÁ: 8 MỸ KIM - 11 GIA KIM
Ở XA THÊM CƯỚC PHÍ: 1 MỸ KIM - 1.25 GIA KIM
THƯ TỪ, CHI PHIẾU: HOÀNG-XUÂN SƠN
5914 COOLBROOK
Montréal, P.Q.
H3X 2M4 Canada

Viễn Phố
thơ
Hoàng Xuân Sơn

Đỗ Kh.

Một đêm ở Hamburg.

*N*gười con gái ngồi dậy có đến cả phút trước khi kéo vạt váy xuống. Cung mắt nửa đóng nửa mở nhìn nàng không buồn nói năng. Đêm qua ngủ ngáy như thế, chẳng ai lại sức được mà chào hỏi. Cô này coi đần dữ, hắn nói thầm trong bụng, mà mình chắc giờ này mặt cũng khó thông minh. Cho người ta năm phút nữa, thì lại coi được ngay, vào loại dễ thương. Tóc vàng ngắn dựng ngược, thân hình nhỏ bé thế này cũng lạ với người Đức, ngồi hai chân đong đưa làm như không chấm đất. Nàng thọc chân vào đôi giày cao gót, thẫn thờ nhìn ra cửa, phía sau lưng chiếc váy còn nhăn nhúm vướng vào eo, để hở cả cặp mông con nít dưới lằn vớ quần lót. Hắn kéo cái áo đắp ngược người lên đến cổ, giờ nhắm mắt lại cũng dở dang, sắp đến rồi.

Vào gần sáng, lúc hai con nhỏ Mỹ và thằng Nhật xuống tỉnh Koln thì mới có chỗ duỗi người ra một chút để mà nghỉ. Trong phòng ngăn của toa xe lửa còn lại ba người, thằng Bồ Đào Nha lại ngồi phía bên hắn nên cái ghế băng dài hai đứa phải chia nhau. Cô bé Đức một mình trước mặt, có dịp lăn ra mà ngủ. Được một lát, cái váy ngắn xốc lên đến bụng, trời cũng lờ mờ nên quay qua quay lại hắn lại nhìn một lúc cho có chuyện, đôi chân gầy và cái tam giác đậm nhô trên bụng dưới lằn vớ mỏng." Em cẳng ruồi, hoa nở vùng ngoại ô", như trong bài hát Pháp. Vùng vệ nữ hắn chỉ nhìn cho thích mắt nhưng thật ra chẳng thấy có gì đa tình cả. Cô này lại không biết nói năng gì với hắn, vài chữ tiếng Anh, thôi nằm hớ hênh thế này mà co duỗi cho mình chập chờn lúc ngủ lúc xem là phải rồi.

Có hai đứa Mỹ, tíu tít cũng vui chuyện thì lại xuống trước, theo thằng Nhật gà tồ thăm Cologne. Cologne thì có gì, thánh đường, ở bên Tây nổi tiếng được cái nước (Eau de Cologne). Cái thằng Bồ lắm lì ít nói đi đâu hắn không được biết, hắn thì hắn quyết định xuống

Hamburg cùng cô này . Đúng ra, Cung lên tận miền Bắc, nhưng hắn có thì giờ, đi đâu mà chả được, cái vé tàu Interrail có quyền đi khắp Âu châu trong một tháng, Hamburg thì Hamburg.

Thì Hamburg đây. Thành phố này loại lớn, hắn cẩn thận nhìn bảng nhà ga, thế nào tàu cũng ngưng vài ba chỗ trong tỉnh, hắn phải xuống nhà ga chính, đúng Hamburg *Hauptbanhof* thì mới khỏi lạc. Hauptbanhof hắn lẩm nhẩm trong bụng, tiếng Đức mình đã không biết, tụi rợ Hồ với Nhật Nhĩ Man này, dùng mẫu tự la tinh lại ưa viết theo kiểu gô-tích, phải hoa cả mắt lên mà đọc vẫn không được.

— Hamburg Hauptbanhof ?

Hắn ra dấu hỏi người con gái vừa nghiêng ngả kéo cánh cửa phòng vào trở lại. Cái âm này, hắn tiết theo giọng những phim đánh giặc thời thế chiến nên nàng cũng hiểu, gật đầu. Khỏi lo, nó cũng xuống Hauptbanhof, *Achtung Minen, Sie Kommen.* Coi chừng mìn, chúng nó đến (đổ bộ bờ biển Normandie), *Luftwaffe* không quân, *Schmeisser* tiểu liên. Ừ, coi nàng tươi tỉnh hẳn, như con búp bê (Klaus) Barbie. Với cái áo đầm mỏng mùa hè kẻ ca-rô hàng Vichy. Liên tưởng hay nhỉ, vừa có phạm nhân chiến tranh (Klaus Barbie) còn đang lẩn trốn, vừa có chính phủ hợp tác với giặc (chính quyền Vichy). *Kolossal Kollabo,* thống chế Pétain, *Kleine Kollabo,* thủ tướng Laval. Nhưng người con gái với hàng vải này trên người thì hơi nhà quê. Áo hè lại đi vớ, giày gót cao. Đi vớ quần lót một mảnh (collant, pantyhose) có hai trường phái. Loại vừa mang collant vừa mặc quần lót và loại cho rằng trong vớ đã làm sẵn một thứ quần lót (panty) thì khỏi mang hai cái làm gì, chỉ việc thọc chân vào kéo lên. Cô ta thuộc loại thứ nhì nên hắn có cảm tình đôi chút nhưng Cung còn trẻ, thập niên này hắn thích con gái bụi đời mặc vải hàng Ấn độ, đùi trần chân đất tóc dài để xõa, nó dễ cảm thông hơn. Cô này có vẻ thư ký hè xuống miền Nam chơi. *Ach Paris, Sehr Schonn,* Tour Effel, Arc de Triomphe, Musée du Louvre, *Jolis* Fransoze đẹp trai *mit Mustache* bên bờ sông Seine. Phải về nhà rồi, buồn nhỉ. Hắn nhìn ra cửa sổ, tàu ở trên cao chạy qua sông Elbe, cột điện chằng chịt, nhà kho màu xám, cao ốc khu trung tâm, có một ngôi sao ba ngánh trong cái vòng tròn của hiệu Mercedes. Chuyến xe đã chạy chậm lại từ lúc vào tỉnh, giờ rù rì lại càng lắc lư. Cung lật ngược chiếc áo đang đắp, xỏ vào người. Anh Bồ Đào Nha vẫn gật gù ngồi ngủ, đúng rồi, "Greta" này thư ký công sở, hắn nhìn nàng xếp mấy cuốn báo phụ nữ chỉ nhìn bìa cũng biết là thuộc loại lẩm cẩm có cả mẫu quần áo ở trang trong. Những lúc rảnh nàng dám ngồi đan lắm, hắn đoán cha mẹ ở nhà quê, tôi một mình lên Hamburg làm việc đánh máy cho hãng, một tháng về thăm một lần.

— Hier, Hauptbanhof.

Nàng chỉ qua cửa sổ. Hắn cười thật tươi. Ừ, cứ cười tươi, biết

đâu. Cung quơ vào người cái túi nhà binh, theo Greta ra ngoài hành lang.

Những nhà ga nào, ở Âu châu, coi cũng như nhà ga nào. Hình như, vào thế kỷ thứ XIX, người ta đồng thanh nhất loạt dựng lên ở mỗi tỉnh một nhà ga tương tự, sườn sắt, dĩ nhiên là có đường rầy và có xe lửa, phòng đợi hạng nhất nhì, quầy báo và hàng quán tạp nham. Dần dà, sang thế kỷ thứ XX, người ta thêm vào ba cái thang máy lên xuống, đặt mỗi góc vài cái máy bán vé và bán nước ngọt, bánh kẹo tự động, quan trọng nhất là chỗ bày bích chương quần áo. Nhưng những cái cải tiến hiện đại này, ở đâu cũng lại làm cả một lượt. Dạo đó khắp Tây Âu, nhà ga nào cũng gỡ đồng hồ tròn đi và thay vào thứ đồng hồ đề số, mỗi phút lại nhảy, nên tựu chung, các nhà ga vẫn cứ giống nhau. Blaise Cendrars trong bài "Văn xuôi đường xe lửa Xuyên Tây Bá Lợi Á và cô bé Jehanne nước Pháp" đã phải thở than *"Chỉ còn có vùng Patagonie, vùng Patagonie và những biển miền Nam để đắp hộ tôi nỗi buồn vô tận."* Xình xịch, giây điện, néon, Schnell Imbiss — Fast Food, một tháng chạy qua ba trăm nhà ga để thấy đường sắt nào cũng giống nhau. Cũng buồn hơi hơi. Hắn chen đám đông, theo Greta ra đến Escalator chạy xuống, đi cạnh nàng gần gần mà vẫn còn do dự, không biết tính gì.

Giờ làm sao theo nàng về đến nhà, pha café ăn sáng, tuột hẳn cả cái cặp vớ-quần lót ra rồi ngủ một giấc trên giường cẩn thận thì chương trình cũng hấp dẫn không đến nỗi nào. Hắn đắn đo, thật ra tùy mình, ngôn ngữ là trở ngại nhưng vẫn còn vượt qua được. Nào, có muốn hay không. Có muốn thử hay không. Hắn chăm chăm nhìn vào gáy người con gái, mấy sợi lông măng dưới làn tóc cụt. Gắng nhớ lại cái phơi bày lúc nãy trên toa mà nỗi hứng lúc chìm lúc nổi vẫn không chịu đến, Cung vẫn còn ngần ngại. Thôi, bày trò đánh cuộc. Như đồng tiền thấy lên sấp ngửa, hắn tập trung nhân lực vào ót người con gái. Đếm đến ba nếu mày không quay lại thì ta bỏ qua. Cung đếm chậm nhưng không thèm ăn gian. Một, hai, ba.

Hắn tiến đến ngang người con gái, vượt qua nàng một bước, quay lại nửa người.

— Auf Wiedersehn. Hắn nói.

Greta nhoẻn miệng chào tạm biệt, cái miệng bé tí tô son đỏ chói. Ừ, biết đâu. Cái giường nệm trải trắng muốt thoáng qua trong óc làm hắn thấy ê ẩm người. Tiếc nuối gì nữa, Cung rùng vai, bước nhanh xuống thang máy mà không nhìn sau lưng.

*
* *

Cung ngồi trong quán suốt buổi sáng mà vẫn chẳng buồn đứng dậy. Bữa ăn dần được bụng nhưng café đâu có ngút khói được như

hắn tưởng tượng trong căn nhà bé của Greta. Nhất là, bây giờ lại thiếu mặt phẳng để mà ngả lưng. Hắn ưỡn người trên ghế, vươn vai đi vươn vai lại. Thật ra, người con gái lúc nãy, chẳng cần phải đẹp hơn, nếu điệu bộ giang hồ một tí thì hắn có thể quên đi khía cạnh nhục dục để thuần túy mà nhờ nàng cái khía cạnh bông vải, lò xo.

"È, nhà mày ở đâu, cho tao nhờ về ngủ một giấc."

Nhưng nàng lại có vẻ không phải là loại thế, theo nàng về chắc phải nhìn vào mắt và cầm tay. Làm gì đã được ngủ ngay, một mình hay hai, lôi thôi lắm. Thập niên này của những người đi đường mà Greta, áo Vichy, vớ đi chân, túi xách mây, hẳn không phải là đồng chí của hắn. Giờ này, trong quán nước giữa nhà ga Trung Tâm Hamburg cũng chẳng có ai làm bạn được. Toàn những người bình thường, đi làm, đi nghỉ mát, đi chơi. Vài ông già đứng tuổi đội nón ngồi đọc báo, anh hàng nước chấp tay ra vào, ngưng bên juke-box bỏ một đồng cắc để một bản nhạc loại nhảy đầm uống lade của bản xứ *"... Ah, eine junge madchen, eine junge madchen..."*. Nước Đức này không khá, từ Wagner trở đi có gì, Kraftwerk Synthé điện tử bài "Pop Corn", Pốp pộp pộp nghe chán lỗ tai. Với lại ngân nga *"Trans... Europe.. Express..."*. TEE chẳng bằng Xuyên Tây Bá Lợi Á của ông Cendrars. Từ Wagner trở đi đến "... Ối à, người con gái trẻ..." này thì có gì, quên, còn Stockhausen gõ vào nồi niêu.

Thập niên này của những người đi đường. Hắn nhìn cọp những tờ báo mấy ông cụ đọc xem có hình ảnh gì về Việt Nam. Năm nay mình nổi lắm, người ta nhắc đến mãi. Ở bên này người đi đường xách bị ngoắc xe hay đeo xe lửa Inter-Rail thì vừa rồi trong nước có chuyên viên tuyên truyền nào mới phát minh ra câu "Bỏ phiếu bằng chân" để tả đồng bào chạy giặc. Chả những gì dân, cả lính nữa, trên truyền hình hắn thấy vô khối, đu GMC, thiết giáp hay xe lam, cởi cả giày đi chân không chạy bộ về Mỹ Chánh, Quảng Trị rồi Cam Lộ, Huế, gồng gánh nhau mà thực thi dân chủ theo lời phát ngôn viên chính phủ. Năm ngoái còn tệ nữa, đi chơi Hạ Lào, người ta biểu diễn bám càng lướt của trực thăng mà hồi hương. Năm nay coi vậy mà không đến nỗi, chẳng sao đâu. Mấy đứa bạn con nhà banh ngồi bàn chiến lược chiến thuật bảo đảm với hắn "Ông già tao sắp lấy lại Đông Hà, còn ông già nó chuẩn bị tiến chiếm Lộc Ninh." Ông già tụi nó mà, chắc như bắp. Cung cũng chẳng lo. Tối tối vặn đài, được coi đánh đấm, Thủy Quân Lục Chiến liệng lựu đạn ồn ào, Nhảy dù lăng xăng mở đường máu, lâu lâu còn thấy cả ông già thằng này thằng kia trong những chương trình thời sự, thích chết. *Bình Long anh dũng, Kontum kiêu hùng, Trị Thiên vùng dậy!*

Bác đi trực thăng xuống, bác đeo Ray-Ban đen, tuyên bố dõng dạc tiếng Tây tiếng Mỹ làm khổ mấy đứa con du học, ngồi ôm cái truyền hình cả ngày mà đón, hết bật giờ tin tức đài này lại sang đài kia.

Mày có thấy ông già tao, hôm qua đài một, còn ông già mày, hôi trưa đài hai. Lại có đứa, người anh tử trận Tchépone, trở thành anh hùng trong cả đám, cũng ưa tham dự vào những chuyện lính tráng. Cung không có bố cầm quân hay có anh cầm súng nên mù tịt, coi chiến sự cũng như là coi phim ciné hay "Combat", thấy bắn nhiều thì thích. Hè này, có chính sách mới, nhà nước mở rộng đường cho sinh viên về chơi, đến tận nơi xem xét cơ mà, ai về cũng được, không cần phải là con cháu những vị sao vàng mai bạc rơi rớt rụng mềm trên cổ áo cầu vai. Chúng nó đi một đám, về viếng những con đường quê hương, phất cờ bay oai hùng trên những thành phố thân yêu. Cung chẳng gấp, để đó từ từ, năm nay tao đi tiếp những con đường Bắc Âu, lỡ hẹn đào bên Thụy Điển, đánh nhau tao coi bằng TV được rồi, chuyện gì, đã có ông già những chúng bay trực tiếp chỉ huy.

Xa nhà mấy hôm những cái này hắn cũng hơi thấy thiếu. Chuyện nước non dù sao Cung đâu có thể lơ là, hắn theo dõi kỹ còn hơn cúp túc cầu Europa. Nó hãnh diện lây sang con người hắn chứ, dễ gì mà được lên báo, đi đâu người ta cũng hỏi han, mày Việt Nam, Việt Nam. Thành tích lắm, tuy là người đồng hương, có bao giờ lọt vào chung kết Wimbledon, Roland-Garros mà dạo này, gần như đêm nào cũng được lên truyền hình.

"Người Việt Nam", cũng là câu gợi được chú ý, có thể dùng để làm quen với gái ở bên này. Về đến Tân Sơn Nhất, "dân du học" lại có giá với các chị tóc thề mắt đen. Nó lợi thế, cả hai mặt, nhưng mà Cung chẳng cần, Cung là người đi đường theo phong trào thập niên thực thi dân chủ theo kiểu riêng của họ, bỏ phiếu lang bang bằng chân. Giờ nhìn mãi không có anh chị nào đổng điệu vào đây, người lại mỏi mệt thế này, thôi Cung đi ngủ.

Hắn chọn mãi mới được một cái Locker vừa ý. Trong nhà ga lớn nào cũng có một khu bầy tủ sắt để cho hành khách bỏ tạm hành lý một hai ngày. Thường thì nó khuất trong một góc, phải đi tìm mới thấy và phần nhiều là những ô ngăn nhỏ, vừa đủ bỏ một cái va-ly để có thể thảnh thơi hai tay thọc túi đi thăm thành phố hay tìm khách sạn. Cung chỉ có một cái túi đeo vai nhỏ, chẳng bận gì mà phải mất mấy cục cắc, đi đâu hắn cũng mang theo được, có bấy nhiêu trên người, tới đâu chàng cũng tới. Hắn kiếm một cái tủ loại to, thứ phải mất những hai đồng Đức Mã, bỏ được vào những mấy cái rương. Nó dài khoảng chừng thước tám, rộng cỡ chín mươi phân gì đó, bề cao cũng vào độ đó. Nó lại ở sát mặt đất, hẳn là để chỉ việc đẩy những vật cồng kềnh vào mà khỏi phải nhấc lên như cử tạ. Ở chỗ kín đáo, bên trong lại tối tăm, mùa hè thì mát, mùa đông lại ấm, đối với người đi đường túng thiếu như Cung loại tủ này rất tiện. Đã đỡ ánh sáng, đỡ tiếng động, nó lại không tốn tiền tại lúc nào cũng để mở sẵn, chỉ khi nào cho đồ vào, đóng lại, rút chìa khóa ra mới phải lục túi tìm tiền lẻ leng keng. Cái

tiện lợi nhất của nó, thật ra là tránh được sự dòm ngó của nhân viên công lực. Ở đâu chứ ở Đức các anh này đi tuần rất kỹ những nơi qua lại, thấy ai trẻ tuổi tóc dài đeo túi rất ưa mời lên xe về bót hỏi han. Chẳng việc gì nhưng phiền phức với bọn này Cung cũng ngại, không ai ưa được, nhất là từ bé xem phim đã thấy mất cảm tình với đám *Gesta*-Polizei thì ngày nay *Bundes*-Cảnh sát mình phải ghét.

Hắn trải cái túi ngủ ra cẩn thận, đẩy bị vào trong cùng để gối đầu và chui tọt vào cái consigne tự động nằm dài người ra.

*
* *

Lúc Cung dậy, những tiếng động trong nhà ga đã khác hẳn với vào lúc buổi trưa. Hắn lấy chân đẩy nhẹ cánh cửa tủ, nghiêng đầu trong hòm nhìn ra ngoài. Ánh sáng hắt đã bắt đầu dịu lại, trong khung cửa tủ hắn cũng không thấy đôi chân nào giày đen quần xanh của cảnh sát thập thò. Cung trườn người ra ngoài. Nhà ga vẫn đông người, cái đông vội của cuối chiều còn lo về nhà đóng cửa lại mà nấu súp cho nhau ăn trước màn ảnh TV. Hắn cuộn mùng mền lại, đi tìm phòng tắm để rửa mặt.

— Hey man !

Anh da đen lững thững tiến về phía hắn. Mình tỉnh tớm thảo nào có người làm quen. Từ nãy giờ hắn đứng một chỗ nhìn những bước chân đuổi theo những chuyến tàu hoả về ngoại ô. Hắn thấy anh này từ lâu, ở chỗ những chân đi, chân nào đứng bao giờ chả nhìn thấy nhau. "Hey", hắn gật đầu. Tên này mặc quần tây áo vét, trong mang polo hở cổ, còn có cả sợi dây chuyền. Nó lại nói chuyện với mình cũng lạ, hắn quần jean áo Field Jacket M65 tóc dài lủng lẳng đến vai còn anh này hói sớm, có gì để mà Hey nhau. Anh đen hắn vàng, hai người *đứng* trong một nhà ga người da trắng *động*. Thế cũng đủ, hắn cười trong bụng, mày "man" tao mà đi chậm rãi thế này, vai không nhún nhẩy, như trong nước tao sĩ quan từ cấp đại úy trở lên thì lừa được ai. Tội nghiệp Malcom X. Brother, this ain't Union Station. Mày mới tập được ngôn ngữ mà chưa tập xong động tác, lộ tẩy hết. Người da đen ở Mỹ đang tìm cách về nguồn, theo đạo Hồi, mặc boubou đi dép da đầu nhọn, tại sao cái bọn Phi Châu ở bên này lại thích làm ngược lại, cải trang thành Mỹ đen cho có vẻ "văn minh". Văn minh có phải là Watts, Harlem? Tội nghiệp Stockey Carmichael và Admed Sekou—Touré. Hắn nói với anh vài ba câu bâng quơ. Thôi đi cha, tên này chắc người Đông-Phi chứ chẳng phải Tây-Manhattan, Nam Soudan, hắn đoán, không phải Nam Los Angeles. Đợi vài phút nữa, tao nói ra tên bộ lạc của mày bây giờ, không phải "đường 127" đâu.

— Gái ở đây nhiều con coi được quá, anh ta gợi.

— Ờ, hắn nhìn quanh, toàn những người lo chạy về chung cư cho

kịp xem chương trình tối nay.

— Mình hợp tác hai đứa bắt đào chơi, anh ta đề nghị.

Một thằng "đi đường", một thằng sinh viên chậm tiến đang sôi sục "trả thù dân tộc", cặp này buồn cười nhỉ. Hắn chẳng có chuyện gì lạ, cũng ờ "tao theo mày" nhưng nhận xét thêm.

— Trong nhà ga, toàn tụi chạy về nhà, làm sao mà cua ai.

Họ ra khỏi nhà ga đi một vòng. Đêm đang xuống, chung quanh chẳng có ai, đây hắn không phải là nơi đi dạo, nơi công sở làm việc mà tối rồi, lại mùa hè nữa thì có ma nào. Hắn lo nhìn những bảng chỉ tên đường để mà nhớ lối. Glocken Giesseswall trở ra Hachmanuplatz, đèn néon xanh lơ nhạt thếch như bên trong nhà máy về đêm. Hamburg là tỉnh quái gì.

— Mày ở đây hả, hắn hỏi anh bạn mới.

— Không, tao đến chơi.

— Biết nói tiếng Đức không ?

— Không, mày biết không ?

— Tao cũng không.

Hamburg và *Ligue Hauséatique*. Sử nước Đức rối rắm, trước thời cận đại hắn không thuộc, những ông hoàng-giám mục với lại những vua điên. Chữ Hauséatique nghe chỉ thấy bùi tai ở cái mù mờ, như *Ligue du Pélopponèse* Hy lạp, ngay ở đây là *"Lander* tiểu bang nào hắn cũng không được biết, Palatinat, Rhénanie-West-Phalie với lại Hạ Savonie. Chỉ có nước Prusse. "Người nước Prusse giỏi là người chân dài và dễ bảo" (Nietzsche). Hamburg thì chung quanh nhà ga quá chán, Hachmanuplatz chẳng được như Alexanderplatz ở Berlin của Alfred Doblin. Sông Elbe không bằng sông Spree, Batman không bằng Combat, Vic Morrow Ric Jason, với anh hùng sa mạc Django. Ở tỉnh này đâu là Romanische Café của thời tiền quốc xã, kiếm đâu ra thiên thần xanh giọng khàn "từ đâu đến chân tơ vương tình ái", tự nhiên hắn thấy anh đen này có cái vẻ gì giống ông Professor UnRat của chuyện Heinrich Mann. Anh hùng sa mạc Hachmanuplatz Hamburg.

Hai thiếu nữ dẫy đà loại "Europe on $10 a day" đang đứng nhìn bản đồ dưới cột đèn. Áo ngắn che mưa, túi đeo vai hiện đại giày đi núi đi sông tới đâu cũng tới, trên vai khâu cờ lá cây phong. Bọn này coi như Mỹ, mặc đồ như Mỹ, cái gì cũng Mỹ thành ra đi sang Âu châu ghét nhất là bị ngộ nhận là người Mỹ, bao giờ cũng dán cờ Gia Nã Đại khắp hành lý, trên người. Biết rồi, chủ tịch quốc gia mày là Nữ Hoàng Elizabeth đệ nhị.

— Listen, listen, anh bạn hắn mở màn chào hỏi.

Hai cô này hắn chẳng thấy hứng thú gì mà cái nhìn nghi kỵ của các cô cho biết, bọn hắn thì nhất định các cô cũng chẳng hăng say. Hai cô lẳng lặng đi tìm một cột đèn nào yên thân hơn, anh bạn hắn còn

đuổi theo mấy bước. Hắn gọi anh trở lại.

— Kệ mẹ nó, tụi này không được đâu. Mấy đứa Bắc Mỹ nó đi ngao du lần đầu, cái thứ nhà quê.

Mặt mình đâu phải là Latin lover, cả mày cả tao, không hợp với romance họ sửa soạn ở trong đầu cả mấy tháng trước khi đi, cầm tay nhau và lúc mặt trời lặn trên vỉa hè một thành phố Âu châu, nhìn vào ánh mắt trước ly rượu đỏ, thơ mộng như thiệp ái tình của nhà Hallmark bán trong siêu thị. Phải nói điều khác nữa, hắn đeo túi loại rách, họ đeo túi loại sạch. Hai loại người đeo túi khác này rất kỵ nhau. Cũng đi đường với nhau nhưng không bao giờ chơi được, một đằng ngủ bụi còn đằng ngủ Hotel, loại rẻ nhất và có cho ăn sáng nên chẳng thế nào mà hợp, thà tìm người khác hắn để mà chơi.

— Mình phải tìm du khách, anh đen có vẻ còn tiếc nuối. Con gái Đức rất là kỳ thị.

Hắn nhìn anh đen thấy lạ. Du khách nó sang Đức mà nó không kỳ thị. Nó qua xứ mày nó lại càng kỳ thị nữa, mà con gái xứ mày lại kỳ thị gắt, tao đoán vậy. Con gái xứ mày tao không biết, con gái xứ tao, kỳ thị lắm. Mình phải lấy kỳ thị làm chuẩn, Hachmannplatz, công trường Lam Sơn. Cái nhìn của hắn, có lẽ anh cũng đoán ra. Đâu phải nó đen là nó ngu.

— Để mày tìm du khách, vào nhà ga trở lại đi. Chắc tao đi đâu đây, có gì gặp lại.

Anh ta mừng vì gỡ được cái nợ. Chắc anh ta cũng chán hắn, đã không phụ lực lại còn ngăn. Hắn ngồi xuống đất, nhìn anh đen trở về hướng Hauptbanhof. Sang đến bên kia đường một đỗi, hắn thấy anh "Hey man" một người náo khác. Anh này nhôm nhôm, có vẻ Ả Rập, Thổ Nhĩ Kỳ, y phục cũng chỉnh tề loại bát phố. Hai người lạ kéo nhau đi ngay, hắn là hợp tác mới. Anh đen quay lại, hắn đưa tay lên chào may mắn. Bây giờ mình đi đâu.

*
* *

Hắn ngồi ngay ngắn tựa quày bar, nhìn vào cái gương trước mặt. Cái quán này chỉ quanh quẩn đâu đó gần nhà ga, lúc nãy Cung đi về hướng bờ sông, dọc đường thấy đông người nên mò vào. Bản đồ U-Bahn lằng nhằng quá, hắn sợ lấy tàu điện lạc đường, đi bộ cho chắc ăn, nếu đi bộ mà đến được thì cũng đi bộ mà về được. Hamburg năm 70, chắc chắn không phải là Berlin năm 20, nhưng là bến tàu, bến tàu nào chẳng có nhiều chuyện vui. Hắn ôn lại những gì nghe bạn đi về kể, St. Pauli trời ơi gái đẹp lắm, có ba mươi mác mà hết xảy. Mày kiếm lối gần bờ sông, khu gọi là Grosse Freiheit để tìm tự do (quá trớn?) đường Reeperbahn, có con gái đứng đường, phòng trà, hộp đêm nhiều show ngoạn mục lắm. Không phải nó đứng trên mà múa thôi đâu, xuống dưới đi từng bàn, lại ngồi xuống ôm mày nữa. Có con xin

điếu thuốc, đút vô cửa mình mồi rồi đưa cho mày hút, ừ, nó mồi kiểu đó đưa cho mày hút! — hắn nhớ lại cảnh thằng bạn hoa chân múa tay — anh em quây quần trong quán cơm sinh viên nghe từng chữ một. Thảo nào đàn bà hay bị ung thư tử cung là phải. Hộp đêm tên gì hắn không ghi lại, Colibri hay là Salambo gì đó. Reeperbaln, đụng bót cảnh sát, quẹo mặt hướng bờ sông. Tối nay Cung lại không có tiền coi show, ba mươi mác lất lây được cả tuần, nếu tìm ra St. Pauli cũng là chỉ để qua lại nhìn chơi cho biết thôi chứ không đủ điều kiện mà tham dự. Thành ra hắn cũng không buồn hỏi han đường lối, thôi ngồi đây cho yên để mai còn mà lấy tài đi tiếp. Chán Hamburg rồi.

Cái quán vài chục người ngồi, chẳng ai nói năng gì với nhau, kể cả những người đi chung với bạn. Mỗi anh một chai trầm ngâm, dân tộc này ít nói. Một chị đàn bàcó chửa chừng sáu tháng không hiểu từ đâu ra lại juke box bỏ tiền vào máy.

Bản nhạc trổi lên lạc lõng trong khung cảnh thờ ơ này. Bài hát buồn cười, gây sóng gió cách đây một vài năm, bị đài Vatican kiểm duyệt không cho phổ biến. Nó nổi tiếng đến độ thành ngữ "je t'aime, moi non plus" trở thành một câu đùa phổ thông và có hơi bỉ tiện theo Cung nghĩ. Jane Birkin và Serge Gainsbourg thở hổn hển với nhau trên đĩa nhựa nào là vào ra dưới bụng, hờ hờ, sắp xong rồi, gần đến. Người Đức mà cũng biết thích thứ này, hắn tưởng họ chỉ thích la-de. Sang đến đây mà còn bị lời ca tiếng nhạc vớ vẩn này theo đuổi, hắn phải gồng mình lên. Chịu đi, có hai phút ba mươi giây thôi. Tiếng máy lạch cạch một lúc, bản nhạc đó lại trổi lên lần nữa.

Cung quay đầu lại, người đàn bà bụng chửa đang ưỡn ẹo. Chị ta chắc là say tí ti nhưng bụng này là bụng chửa chứ không phải bụng đầy Lowenbrau. Cả quán vẫn ngồi im lặng, mỗi người một cóc, chẳng ai để ý. Chỉ có mình mình ở đây ngoại quốc, Cung tế nhị mà quay trở lại, theo dõi điệu vũ này bằng cuối mắt ở trong gương. Ừ, hên nhỉ, chưa đến St. Pauli lại tự nhiên được coi show không tốn tiền. Chị ta vừa tuột ngay cái áo trên người ra, nghệ thuật ném vào một cái bàn gần đó mà ẩm khách coi bộ chán chường chẳng ai buồn nhìn lên. Bộ ngực bầu đeo nịt vú màu da và cái bụng ỏng ra được giữ lại bằng lần lưng váy bẫn tiếp tục uốn éo theo điệu nhạc. Cô này còn trẻ, mới ngoài hai mươi, coi cũng được, tóc vàng cắt ngắn trên gáy — tại sao hôm nay chỉ toàn con gái tóc vàng cắt ngắn nhỉ —, chỉ trừ cặp mắt xanh lờ đờ đang gắng làm ra vẻ du dương. Cặp mắt như con cá chết bày ngoài chợ bên cạnh mấy cọng ngò tây, Cung hơi thấy sợ, bụng to thế này, ở, cá vàng trong bồn chứ chẳng phải cá để ăn. Đến lượt cái váy được cởi nốt, đặt lên trên Juke box, cái quần lót thung không cùng màu với nịt vú mà màu đen, loại bé tí ngắn cũn cỡn như không vừa, xộc xệch trên mông, đằng trước nhăn bên dưới bụng, để lộ ra những sợi lông quấn quít một mảng dầy.

Show thật chứ, không biết rồi đến đâu, mà vẫn chẳng có ai ra mặt để ý. Hai anh thủy thủ ngồi quày bên cạnh hắn vẫn nhìn thẳng trước, anh hàng nước vẫn lui hui lau dọn mấy cái ly. Cung cũng lấy cái dáng điềm nhiên nhất nhưng không khỏi giật thót người khi nàng lịch kịch xà vào cạnh. Ở đây bấy nhiêu người, sao lại vơ vào ta.

Hắn hiểu được ra là nàng đòi điếu thuốc, ngoài ra còn có gì nữa thì hắn không rõ. Cái nịt vú đã được gỡ ra cầm lòng thòng ở tay. Bộ ngực nặng chìa ra sau hai đầu hồng lớn, làn da căng trắng trên những đường gân xanh li ti. Cung đưa điếu thuốc, này, không lẽ lại mồi theo kiểu thằng bạn kể, nhưng không, còn quần lót mà, cô này chỉ trề môi ra. Ung thư phổi là cùng. Hắn đốt thuốc cho nàng rồi quay người trở lại, lơ là canh chừng người đàn bà bằng góc mắt. Đằng nào, nói gì hắn cũng không hiểu, chữ bắt được chữ không, thà làm như không nghe. Chắc không phải là tôi vướng vào tình ái từ đầu đến chân rồi "Ich bin von kopf bis Fuss auf Liebe Eingestellt", giọng nàng nhão nhoẹt, không phải giọng Marlène. Eingestellt, Gestalt, Gestalt Theory, bọn Đức này. Bài hát đã ngưng, người con gái rời hắn ra, đôi mắt cá chết vẫn còn dính vào khuỷu tay Cung nhơm nhớp.

Nàng ngậm điếu thuốc phì phèo, về phía máy lục ví kiếm đồng cục cắc. Gì nữa, lại làm tiếp. Những nốt đầu tiên của bài "je t'aime moi non plus" trở lại. Một anh khác liều thân đứng dậy lại gần, bây giờ có chuyện, hắn mới thấy mọi người bắt đầu ra vẻ theo dõi, anh chủ quán nhìn từ phía sau quày tay vẫn lau chùi mấy cái ly.

Người khách can thiệp nói năng gì rất ít, dằng co với nàng một lát rồi mặc cái váy vào người cô gái chửa như là với trẻ con vòi vĩnh. Thế là hết một trăm phần trăm, Cung nghĩ ngay. Cũng chỉ thấy được có hai phần ba cái mông với lằn ranh ở giữa. Bản nhạc giờ không ăn khớp nữa, cô ta phản đối, anh ta mặc đồ vào hộ, thông qua cái nịt vú lỉnh kỉnh cầm nhét một nửa vào ví rồi kéo tay ra cửa. Người con gái làm nhàm gì đó, như than phiền ê tôi có bầu anh cẩn thận chứ. Bản nhạc hổn hển dứt, anh ta ngoài kia đã kiếm được cái Taxi dúi cô ta vào với cái áo chưa gài nốt và cái xú cheng thò ra khỏi sắc tay.

Anh trở vào quán mà không đợi xe chạy, về chỗ mình ngồi lại, người chủ quán đặt cái ly đang cầm lau xuống, mọi người quay nhìn thẳng như cũ, juke box không còn chạy nữa, Im lặng trở lại.

Cung nhìn mình tiếp tục trong gương.

*
* *

Mãi đến trễ lắm, ba người công nhân Thổ Nhĩ Kỳ mới vào thế chỗ của hai anh thủy thủ ở quầy ngay cạnh Cung. Người nhiệt đới có khác, bọn đàn ông đứng tuổi này trò chuyện với nhau vui vẻ và còn cười duyên cả với hắn. Ở Đức, để làm những việc tạp nham người ta

mượn người Thổ ký giao kèo gọi là *Gast-Arbeiter*, nghĩa là công-nhân-khách, rất là lịch sự, như mình gọi người Hoa là khách trú, khách thương. Đằng này là khách thợ, từ cao nguyên Anatolia mà đến, vì quan hệ cũ đồng minh từ Đệ Nhất thế chiến cơ mà, đường xe lửa Istanbul-Bagdad băng sa mạc hồi đầu thế kỷ cũng là do người Đức xây giúp. Thì bây giờ người Thổ sang đây đắp đường nhựa hộ, đào cống rãnh, vặn bù loong cho hãng Mercedes, BMW, Volkswagen rất nhiều để trả cái nợ ân tình, theo hợp đồng hết hạn lại về nước trở lại chứ cũng chẳng định cư luôn nơi đây. Mấy anh này vợ con để lại nước, mỗi tháng gửi tiền về nuôi, còn dư thì vui tính ra la de hàng quán. Được mấy phút, cả ba ông mời Cung nhập bọn.

Tiếng Đức Cung đã không biết, họ lại nói khó nghe nhưng chỉ trở hắn thấy đỡ chán hơn là cứ ngồi thừ nhìn chén cốc. Mày ở đâu, tỉnh nào, Erzurum, Ankara, câu chuyện chỉ có thế, Sultan Abdul-Hamid, Mustapha Kemal, Việt Nam bằng bằng, điện Tokapi, Việt Nam buom buom xạch xạch đùng. Còn nói về ở đây. St. Pauli, Reeperbahn? Reeperbahn, Fraulein cô gái ai cũng cười. Fraulein?

Cung hỏi mấy ông ở đây, biết St Pauli ở chỗ nào, Hertbertstrane với lại Davidswache người ta nói quá tôi đến cũng phải đi qua coi, dắt tôi đi. Không về lỡ bạn hỏi mày có đi St Pauli không cũng kỳ, chỉ có đêm nay tôi ở lại Hamburg. Chỉ còn một đêm nay nữa thôi, là mai là mốt anh đi rồi. OK, bàn tán một hồi, hai người rút lui, phó hẳn cho một ông hướng dẫn.

— Về nhà tao trước. Anh ra ngoắc taxi.

Cung không lấy gì làm hứng lắm, thấy cũng hơi mệt trong người, đi St Pauli là để trả nợ với bạn. Chúng hó hé từ Việt Nam trở sang ưa kể chuyện đi chơi đĩ năm ngàn đường Công lý, trong biệt thự máy lạnh, có con gái bà chủ là đầm lai thì mình cũng phải có gì góp mặt. Thằng này dở, mày đi Copenhague mà không thăm "Hội chợ Sex", ghé Hamburg mà không lại St. Pauli, thằng này dở, tụi tao ngừng Vọng Các, còn tắm hơi đấm bóp Patpong bị Thái gạt. Thôi, mình có đào Thụy Điển cũng được rồi, Joigkoping, ở đó có nhiều nhà máy làm diêm quẹt, tụi mày còn nhớ chuyện cô bé bán diêm của Andersen?

Anh chàng Thổ này ở trong một chung cư kiểu dành cho độc thân, nhiều từng và vô tận hành lang, giống như là một thứ Hotel tháng. Căn phòng bé, đặt được cái giường, một góc ngăn ra làm bếp. Cung nhìn quanh quẩn, không có gì bày biện nhưng ngăn nắp, chẳng có gì cá tính của người trọ, nếu không nhìn kỹ số trên cửa có thể vào lộn nhà mà không hay.

Cung ngồi phịch xuống giường, kiếm ra tấm ảnh để một đầu, ba đứa bé chụp chung, một gái hai trai. Đứa gái, mới lớn, đầu quấn khăn cẩn thận, chắc là mới có kinh, mặt mày trông nghiêm nghị người lớn, hai thằng em áo quần cẩu thả cười khinh khỉnh. Không thấy vợ đâu,

bọn này nói trắng ra vũ phu lắm, coi vợ chẳng ra gì, để con nó đứng chụp hình thôi chứ đàn bà xích ra, đừng có đứng vào, phí mất phim.

— Con mày hả ? hắn hỏi.

Anh ta ân cần giới thiệu với hắn từng đứa một, chỉ vào mặt điểm tên. Tám, mười, mười hai tuổi. Hắn biết thế thôi, tên của họ rắc rối lắm, làm cách nào mà nhớ nổi, nói mình đã nghe không ra. Anh ta sang phần phía bếp, mở tủ lạnh, dọn ra làm bếp. Hắn đứng lân la nhìn con tem, mấy cái bìa thư gửi từ bên Thổ. Hai quả trứng gà ốp-la, thịt nguội, họ ngồi ăn trên cái bàn nhỏ dùng làm bàn salon.

Giờ cũng gần nửa đêm, Cung uống cái càfé pha cả bã thấy người tỉnh lại. Nửa đêm, mới là giờ bắt đầu vui, hắn còn cẳng muốn đi dạo xóm. Show thì bất ngờ mình cũng đã được xem hồi nãy rồi, thôi, xuống St. Pauli dạo qua dạo lại nhìn chị em đứng đường chơi.

— Sao, còn Reeperbalm? Cung đặt tách xuống đề nghị.

Người đàn ông nhoẻn miệng cười:

— Mình đi coi Fraulein các cô, hắn cười theo.

Anh chàng Thổ Nhĩ Kỳ ngẫm nghĩ một giây, có gì ngập ngừng rồi tươi nét mặt trở lại, tìm ra câu trả lời vừa được khéo lại khen.

— Không, tao thích con trai trẻ đẹp như mày hơn.

Cung muốn mình nghe lộn nhưng biết rằng không phải. Lại lôi thôi, hắn lắc đầu cười mãi. Rồi, đêm qua trên tàu đã không ngủ được, chăn không ấm nệm không êm còn thập thò theo dõi Greta lăn lộn đến đâu thì tối nay lượt mình bị lại. Đêm nay chẳng biết Reeperbahn đâu, chứ nhất định là tuy có giường đấy, nhưng thế nào cũng thấp thỏm ngủ không yên.

Đỗ Kh.

Hàn Song Tường

Như Mây

Từ muôn năm hư ảo
Nhẹ nhàng như hạt mưa
Chuyến xe người qua phố
Vương khổ lụy mấy mùa.

Đem cõi lòng như nước
Đến ngàn xưa - ngàn xưa
Trong bình an chẳng trọn
Yêu mến cũng ơ hờ.

Dấu tích xa muôn dặm
Chuyến xe người rồi qua
Khoảng khắc ta quên thở
Đường mê hoặc trầm kha.

Trong vô cùng ảm đạm
Xe lăn vào cô đơn
Tâm hồn ta vô vọng
Thương nhớ mãi hao mòn.

Hàng trăm năm - trăm năm
Còn với ta lở dở
Xe người cứ là mây
Đi lang thang khốn khổ.

Đặng Phùng Quân

Sinh nhật của T.

Em hãy thắp nụ hôn đầu sinh nhật
Đêm không cùng, đêm luyến ái bao la
Đêm ở trên trời, đêm ở bên ta
Đêm tâm ngộ, ngày xoay vòng hệ lụy.

Hãy mở ngỏ cho nhau, là hạnh phúc
Trong vòng tay hát khúc diễm ca
Ôi thân thể, miền uyên nguyên ẩn mật
Nỗi tuyệt vời từ thế giới sơ khai.

Em có biết niềm riêng tư thất lạc
Đã chập chùng miên viễn nẻo thiên thai
Chí đá mòn, gan dạ cũng u hoài
Tìm đá héo, những thân thương đánh mất.

Ôi tuổi nhỏ, xa rời vùng kỷ niệm
Giông bão bên đời, hơi thở hắt hiu
Trang sách viết nhọc nhằn cơn sáng tạo
Huyễn ảnh nào mang dấu vết tình yêu
Dòng chữ vẫn nhục hình như cõi sống
Hiện diện đầy những tuyệt hảo hào quang

Em hãy thắp nụ hôn đầu sinh nhật
Cuộc lưu đày này
Ta nặng cưu mang.

Vân Yên

Anh theo Tảo về.

Tìm được mấy quyển sách đang cần, tôi mừng hết lớn. Ít ra cũng bỏ công tôi lái xe chạy hơn nửa tiếng đồng hồ để mò được đến UCLA, cộng 10' đi lạc, cộng 10' chạy lòng vòng tìm chỗ đậu xe, et cetera dưới trời nắng chang chang đổ lửa. Tôi cần một số thống kê cho một bài khảo cứu và chỉ ở UCLA mới có những tài liệu này. Thở phào, tôi hớn hở ôm đống sách tìm đường ra chỗ check-out. Vừa thò đầu ra khỏi ngõ quẹo, mặt tôi chầy ra và tôi ngăn không kịp một tiếng thở ra. Nhìn cái hàng người đợi ngoằn ngoèo trước mắt, tôi thấy phát ớn, ít ra cũng phải sắp hàng đợi thêm 20' nữa. Tôi mò mò đi đến một chỗ mà tôi nghĩ là cuối hàng. Cẩn thận, tôi hỏi cô gái Mỹ đứng trước tôi.

"Are you the end of the line?"

Cô Mỹ gật đầu rồi vớ ngay lấy tôi làm tiêu điểm để mở máy phát thanh. Trước hết, cô than phiền là những nhân viên thư viện làm việc chậm như rùa rồi cứ huyên thiên hết chuyện này đến chuyện khác không ngừng nghỉ. Chửi thư viện chán, cô quay sang hỏi tôi học cái gì, tôi còn đang ú ớ chưa kịp trả lời, cô đã tự giới thiệu là cô học về Psychology và thuyết cho tôi một hồi về tất cả những thứ cô đã thấm nhuần trong ba năm học rất ư là bổ ích của cô. Tôi còn biết là trong lớp nhiều lần giáo sư đã phải sửng sốt vì những nhận xét vô cùng sâu sắc và mẫn tiệp của cô. Chán mớ đời! Tôi thỉnh thoảng lại chêm vài câu "Really", "That's nice"... một cách vô cùng sai chỗ hy vọng là cô Mỹ sẽ dùng những nhận xét mẫn tiệp của cô và tha thứ cho đôi lỗ nhĩ của tôi. Phải chi cô dễ thương thì tôi còn được chút an ủi, đằng này dường như cô đã rất nhiều lần tiêu thụ hơi quá cái mức độ calorie thích hợp hàng ngày, lại thêm trời cho cái giọng nói không mấy êm tai, tôi chỉ còn biết lạy trời cho cái hàng của tôi nó đi lẹ lẹ lên một tí.

Không muốn ngắm nghía cái dung nhan cô bạn đồng hàng, mắt tôi đảo lên đảo xuống để tìm những giải trí hợp nhãn hơn. Đang ngỏng ngỏng đầu để xem phía trước còn bao nhiêu người nữa thì đến phiên mình, tôi bỗng choáng váng và tí nữa thì buột miệng kêu "My God". Ngay hàng bên cạnh hàng của tôi, chệch lên phía trước chừng vài người là một cô gái Á Đông cũng đang đứng xếp hàng chờ mượn sách. Cô gái từ trước đến giờ vẫn đứng quay lưng về phía tôi nhưng trời xui đất khiến nên nàng có lẽ thấy sốt ruột và quay người lại để nhìn một vòng quanh phòng. Tôi nhìn thoáng thấy mặt nàng và ngắm cả người ra. Tôi bàng hoàng nhìn mái tóc dài màu nâu nâu óng ả, hơi rối rối tỏa xuống lưng cô nhỏ và nhớ lại khuôn mặt tôi vừa chỉ được nhìn thoáng qua. Khuôn mặt nhỏ xíu trắng xanh nhưng đôi mắt thì đen ơi là đen và sâu hun hút. Tôi quýnh lên vì cái hàng bên đó vẫn cứ tiếp tục đều đều tiến bước và chỉ còn một người nữa là đến phiên nàng, trong khi cái hàng của tôi thì không biết bị trục trặc gì đó mà nó không nhúc nhích nổi. Tôi cuống lên nhìn cô nhỏ check-out xong xuôi, nhét mấy quyển sách vào giỏ xách và quay người bước ra cửa. Tôi vất vội chồng sách trên tay xuống một cái kệ gần đó rồi phóng theo nàng. Cô Mỹ đồng hàng của tôi trợn mắt hét:

"Where are you going?"

Tôi ngoái cổ lại nói vội :

"Tao bận. Tao quên. Không đợi được."

Và dzoọc thẳng ra cửa.

Tôi dáo dác nhìn quanh, cô nhỏ đang đi thảnh thơi phía trước. Phì, tôi bình tĩnh lại, đứng phủi phủi quần áo, kéo kéo cái áo lên, vuốt tóc mấy cái rồi tà tà bước theo nàng. Người đâu mà đẹp đến thế! Nàng gầy nhom, nói đúng ra là rất mảnh khảnh, đúng cái mốt bây giờ. Cô nhỏ ăn mặc giản dị, váy trắng, áo đen rộng thùng thình bỏ ngoài váy, nhưng trông lại đẹp hết sức đẹp. Cô nhỏ cứ đi phía trước, tôi lò dò theo sau, vừa đi vừa nghĩ ngợi mơ tưởng ngẩn ngơ. Từ nẫy đến giờ, tôi chỉ thấy mặt nàng có hai lần, một lần đầu tiên, lần thứ hai lúc nàng đi ra cửa thư viện, còn thì tôi chỉ toàn được chiêm ngưỡng phía sau lưng. Tôi đoán chắc cô nhỏ là người Việt Nam. Thường thường thì tôi cũng hay lẫn lộn người Việt với mấy giống dân Á Đông khác nhưng lần này, tôi có linh cảm, hơn nữa nàng có một vẻ gì rất đặc biệt Việt Nam khiến tôi dám cá 10 ăn 1 là tôi đoán không sai. Có thể là vì cặp mắt to và sâu như vậy là không phải mắt Tầu và Nhật, khuôn mặt nhỏ nhắn thanh tú thì nhất định không phải Đại Hàn, da trắng muốt thì tôi loại ngay Cam Bốt và Phi Luật Tân. Đừng vội trách tôi là kỳ thị chủng tộc, có điều khi đụng đến con gái VN thì tôi nhất định xin phép được thiên vị một tí xíu thôi. Tôi vẫn anh dũng nối gót người thơ, không biết là cô nhỏ có biết đang bị người theo dõi hay không? Chỉ có một lần duy nhất nàng quay lại nhìn tôi một cái làm tôi hết vía đứng

khựng lại giữa đường. Nhưng rồi nàng chỉ thản nhiên đổi cái bị xách qua vai bên kia rồi tỉnh bơ đi tiếp, và không hề quay lại lần nào nữa. Tôi nhìn mái tóc cô nhỏ ánh vàng bồng bềnh trong nắng trong gió mà hồn xôn xao. Tôi chợt có cảm tưởng như tôi đang đi trong nắng vàng Sài Gòn ngày xưa. Ngày xưa tôi còn là cậu sinh viên năm thứ nhất trường Luật, trưa nào cũng lọt tọt la cà ở cổng mấy trường Trung học Nữ để hễ chấm được cô nào là lẽo đẽo theo nàng về tận nhà. Tôi không nhớ là tôi đã hộ tống bao nhiêu tà áo trắng nhưng tôi nhớ chắc là mặc dầu hiếm có cô nào mặc áo lụa Hà Đông, phần lớn toàn là nội hoá hay soie chi đó nhưng tôi vẫn thấy nắng Sài Gòn mát đi nhiều. Cứ công bằng mà nói thì thật ra tôi đi theo những người đẹp không phải là vì tôi hy vọng các cô sẽ "cảm" tôi mà là vì tôi... thích đi theo các cô. Vậy thôi. Tôi vốn là người rất yêu chuộng cái đẹp của người con gái và tôi nghĩ là một trong những cách để ca tụng, để ngợi khen một thiếu nữ đẹp một cách kín đáo và tế nhị nhất là đi theo nàng. Một vài phương pháp khác thì tôi chê thật tình. Nhìn trân trối vào mặt người ta thì vừa bất lịch sự, vừa đau mắt. Đến trước mặt người đẹp mà nói rằng "Thưa cô, tôi nghĩ là cô rất đẹp!" thì chao ôi, chẳng có tí gì là thi vị. Mắt la mày lét nhìn trộm thì chẳng những không có tư cách anh hùng mà còn làm nàng lo âu sợ bị giựt ví. Lẽ dĩ nhiên là có nhiều kiểu khác ăn đứt kiểu của tôi như làm thơ, viết nhạc tặng nàng chẳng hạn. Nhưng cẩn thận, hễ thơ mà như thơ con cóc, nhạc như nhạc xổ số thì tôi nghĩ là cách bảo đảm nhất vẫn là cùng nàng tà tà trước sau đếm bước, vừa thơ mộng, vừa vẫn nhã mà lại.. safe. Cô gái sẽ biết là có người hâm mộ nàng, chân sẽ quýu lên một chút nhưng lòng sẽ thấy vui vui. Trong lúc đó, tôi sẽ tha hồ nghĩ ngợi vẩn vơ, ngắm nàng một cách đường hoàng đứng đắn (tuy là chỉ thấy cái lưng), nhìn lá vàng lao xao quanh chân nàng, tha hồ tưởng tượng, mơ mộng và... enjoy myself.

Nhưng đó là chuyện ngày xưa. Từ dạo sang Mỹ đến giờ, tôi phải hùng hục đầu tắt mặt tối chạy như điên, lắm khi đến bữa phải vừa ăn vừa chạy, tôi quên tuốt luôn cái thú "đi bộ". Hơn nữa, tôi mà cứ giở cái trò cũ ra chắc người ta tưởng tôi điên, mà nhiều khi có muốn cũng chẳng được. Ở bên này, các cô đi lẹ thấy mồ, tôi có chạy kịp đến nơi thì các cô đã leo lên xe vọt mất rồi. Xe cộ thì chạy vù vù cho vàng tôi cũng không dám rượt theo các cô kiểu đó.

Mãi cho đến ngày hôm nay. Nghĩ lại tôi thấy kỳ kỳ. Tôi không thể tưởng được là có ngày, ở cái xứ Mỹ này, tôi lại tò tò đi theo một cô gái như vầy. Tôi nổi hứng hát ư ử, "Xưa tan trường về, anh theo Ngọ về." Tôi chợt khựng lại, bụng dạ bỗng băn khoăn. Tôi nhớ ra tôi không còn là anh sinh viên con nít từ ngày nọ, xứ này cũng không phải là xứ Sài Gòn VN. Tôi giờ đã ba mươi mấy tuổi đầu, đi lẽo đẽo theo một cô gái xem có điều gì bất ổn. Cô nhỏ trông còn rất trẻ, chỉ độ trên dưới 20, biết đâu cô bé lớn lên ở đây hoàn toàn như Mỹ và sẽ nghĩ tôi là một

"weirdo"! Tôi hơi chùn chân nhưng rồi lại co cẳng bước tới. Cô nhỏ thu hút tôi lạ lùng. Nẫy giờ mãi nghĩ ngợi vẩn vơ, tôi quên để ý là tôi đã theo nàng lên xuống mấy cái đồi nhỏ và đã ra khỏi khuôn viên trường. Trước mặt hiện ra những dãy building, apartment xây sát nhau ở kế cận quanh trường. Thì ra cô nhỏ ở khu này thảo nào nàng đi bộ. Vừa lúc đó tôi thấy nàng băng qua đường và biến mất vào một căn building nọ. Tôi chạy vội lên và cũng phóng nhanh qua đường chạy theo nàng. Đến trước cửa, tôi ngần ngừ rồi bậm môi đẩy cửa bước vào. Cánh cửa không nhúc nhích. Tôi xoay xoay quả đấm cửa, quả đấm nằm cứng ngắc. Tôi chợt nhớ ra đây là một kiểu nhà thuộc loại Security Building. Người ngoài muốn vào phải bấm nút gọi người bên trong nhà qua một hệ thống liên lạc để mở cửa. Mặt tôi nghệt ra. Tôi dò dò danh sách người thuê nhà gắn phía ngoài cầu may và thấy cả một lô tên Á Đông, Việt Tàu Nhật đủ cả. Không biết tính sao, tôi chắp tay sau lưng đi qua đi lại trước cửa. Chán, tôi ngồi phịch xuống một bục đá gần đó đầu óc rối rắm. Tôi không thể để mất dấu cô nhỏ được, nếu tôi bỏ về bây giờ thì làm sao tôi tìm lại nàng. Một vài người trong nhà bước ra thấy tôi ngồi đó mặt mày thảm thương hỏi, "Mày muốn vào không?" Tôi lắc đầu. Vào trong lobby rồi tôi cũng chẳng làm gì được, không lẽ chạy vòng quanh gõ cửa từng phòng một. Đợi thêm một lúc, tôi thấy một cô gái Á Đông cũng ôm một đống sách vở trên tay về tới. Lúc cô đang lúi húi mở khoá tôi chợt nẩy ra một ý. Tôi rụt rè bước tới, "Excuse me!" Cô gái ngẩng lên nhìn tôi ngạc nhiên. Tôi càng bối rối "Would you known of any Asian girl, long hair, live in this building?" Cô gái nhìn tôi cười cười, "Có chi tiết nào khác không? Nếu chỉ có vậy thì cũng cả 1/3 building fit the description." Tôi lúng túng và chợt đỏ mặt. Cô gái trước mặt tôi cũng Á Đông, tóc dài. Thấy tội nghiệp cái vẻ cả quỳnh của tôi, cô gái cố giúp "Any name? First? Last?"

Tôi lắc đầu buồn thiu, "No, Thank You!" Rồi quay trở lại bệ đá ngồi thừ ra. Cô gái nhìn tôi một lúc rồi cũng quay vô đi tuốt. Tôi nhủ thầm, cùng lắm thì tôi sẽ làm một màn stake-out. Đợi mãi thế nào cũng có lúc nàng phải đi ra khỏi nhà. Không hôm nay thì ngày mai, ngày mốt. Nghĩ vậy, tôi thấy an tâm hơn và bắt đầu ngồi ngắm thiên hạ đi qua đi lại. Chợt tôi nhảy nhổm. Rõ ràng là cô nhỏ vừa bước ra khỏi thang máy và đang đi ra cửa. Tôi nhẩy đến đứng trước mặt nàng. Nàng nhìn tôi cười rất tự nhiên chờ đợi. Tôi ấp a ấp úng, "Thưa cô, xin lỗi cô..." Cô nhỏ cười khẽ, "Cô bạn cùng phòng của tui mới vừa về tới. Hắn nói là có người chi mô mà lạ lắm. Ngồi trước cửa đợi rồi hỏi hắn về một cô gái Á Đông, tóc dài. Tui nghi là anh nên xuống coi có đúng không".

Tôi tròn mắt, "Cô đó là bạn cùng phòng của cô!"

"Dạ, nhờ rứa tui mới biết là anh đang ở dưới ni."

Nói xong cô nhỏ thản nhiên ngồi xuống cái bệ đá tôi vẫn ngồi lúc

nãy. Tôi vẫn còn bàng hoàng, cô nhỏ có một giọng nói thật lạ. Rất lạ, cao nhưng lại không trong hẳn. Có một chút gì lẩn vẩn như sương khói trong giọng nói của nàng làm cho nó có một âm hưởng lãng đãng. Cô nhỏ lại nói giọng Huế. Trời ơi, lâu lắm rồi tôi mới được nghe lại cái giọng nói ngọt ngào đặc biệt của một cô gái Huế. Tôi phải bình tĩnh lại gấp chứ nếu cứ đứng thộn ra như dân retarded thế này thì hỏng hết. Cũng may, cô nhỏ hết sức là tự nhiên, nhìn tôi cười rồi nói tỉnh bơ:

"Anh đi theo tui tuốt từ thư viện về tới nhà, tui biết hết. Nì, con gái tụi tui có con mắt thứ ba nằm sau ót, anh biết không? Dọc đường anh mần cái chi tui thấy hết, khỏi cần ngoái chi cổ."

Tôi phì cười, không biết cô nhỏ nói đùa hay nói thật, nhưng nhờ vậy tôi cũng trở lại tự nhiên.

"Thế à, thế cô có thấy tôi đâm vào gốc cây ba lần, ngã dập mặt hai lần, xỉu lên xỉu xuống dọc đường không?"

Nàng cười. Tôi khoái chí hỏi tiếp :

"Tôi tên là Huy. Còn cô tên là gì nhỉ?"

"Tảo".

"Tạo à. Tên cô nghe con trai ghê!"

"Không, không phải mô. Tảo. Tảo giống như trong tảo mộ a tề."

"Trời đất ! Tôi nghe không rõ, xin lỗi cô Tảo nhé. Nhưng sao Tảo ví dụ gì nghe dễ sợ vậy."

"Bởi tui nói giọng Huế nên chi nhiều người nghe không rõ tên tui. Tui nghe chị An nói ví dụ như rứa một lần tui bắt chước."

"Đứng đây nói chuyện không tiện tí nào." Tôi nói, hai chân đá đá đất rồi đảo qua đảo lại, "Tôi mời Tảo ghé quán càfé nào ngồi chơi được không?"

Tảo lại cười. Đứng gần tôi mới thấy nàng có một cái má lúm đồng tiền nhỏ xíu ở bên trái.

"Vậy cũng được. Ở ngoài Westwood có nhiều quán cafe lắm."

"Westwood?"

"Ô, Westwood là cái phố ở gần đây. Đi bộ một chút là tới liền. Tảo biết có quán café ni dễ thương lắm, để Tảo dẫn anh tới đó."

Trời đã về chiều nên dịu mát hẳn. Mặt trời đã biến đi đâu mất, có lẽ bị những toà nhà cao ngất che khuất. Tôi vốn không thích ánh nắng mặt trời nên cảm thấy vô cùng dễ chịu. Ngửa mặt nhìn đám mây xanh ngắt, cao tít lên trời, hồn tôi thật sảng khoái. Tảo đi khoan thai bên cạnh tôi, hai tay thọc vào túi áo.

"Tảo nói tiếng Huế dễ thương ghê. Từ dạo sang Mỹ đến giờ, tôi ít gặp được người còn nói giọng Huế rõ như Tảo."

"Mạ Tảo bắt đó. Khi kia Tảo không có nói như ri mô. Lai đủ thứ hết, cả tiếng Anh tiếng Mỹ nghe bất loạn. Bây chừ Tảo nói cũng còn bị pha nhiều, bị chơi với bạn bè với lại ít có khi nghe tiếng Huế. Mạ Tảo

mới là nói tiếng Huế thiệt, còn chị An cũng bị lai luôn."

Tôi hơi bỡ ngỡ :

"Tảo vẫn còn ở chung với gia đình à?"

"Mô có. Mạ Tảo còn ở Việt Nam. Tảo qua đây với chị An. Mới năm ngoái chị An lấy chồng nên Tảo dọn vô ở chung với cô bạn, cô bạn ban nãy a tề. Đi học cho dễ, gần trường. Anh Huy biết không, hồi kỳ mới qua,Tảo về nhà nói nửa câu tiếng Việt, nửa câu tiếng Mỹ, chêm bên ni, chêm bên tê nghe bắt dễ sợ. Chị An viết thư về méc mạ làm mạ viết qua lại la quá xá. Mạ bắt Tảo phải hứa rán giữ tiếng của mình, đừng để khi mô gặp lại mạ, Tảo nói cái tiếng chi mạ không hiểu được. Rứa cho nên Tảo kêu chị An phải nhắc Tảo cho nhớ. Khi mô gặp mạ, mạ thấy là không những Tảo nói tiếng Việt còn rành mà còn giữ được giọng Huế nữa, chắc mạ mừng lắm. Kẹt một cái là tiếng Huế của Tảo bị lai rồi, nhưng chắc không sao."

Nghe Tảo nói, tôi thấy lòng chộn rộn vui và mến Tảo lạ. Tảo nói thật hồn nhiên như đây là một chuyện hết sức bình thường. Tôi biết nhiều người vừa sang Mỹ được mấy năm đã bắt đầu nói giọng đớt đớt và hãnh diện là mình đã quên tiếng Việt lẹ như chớp. Còn Tảo, chắc Tảo rời Việt Nam từ khi còn bé tí mà vẫn cố nói tiếng Việt xuôi rót để "mạ mừng".

Tảo chợt bước lên cầu thang rẽ vào một tiệm ở góc đường. Quán cà-phê rất dễ thương, trang trí thanh nhã, bàn ghế nhỏ nhắn trông thật gọn mắt. Tôi hít mùi cà phê thơm ngào ngạt và nhìn quanh quất. Quán xây cao hơn mặt đường nên khách có thể ngồi ngoài terrace ngắm người ta đi qua đi lại nhộn nhịp dưới phố. Tảo lôi tôi vào một cái bàn khuất trong góc.

"Tảo thích ngồi chỗ này. Mình núp sau cái cây ni được. Mình thấy người ta mà người ta không thấy mình."

"Thế Tảo hay làm gián điệp rình người khác lắm hay sao mà tính kỹ quá nhỉ?"

"Mô có, Tảo có rình cái chi mô. Răng anh thích chọc Tảo rứa? Tảo chỉ không ưa ngồi chường mặt ra giữa mọi người."

Tôi nhìn Tảo. Cô nhỏ này kỳ cục thật. Tôi biết một số các cô, đẹp nhiều có, đẹp ít có, nhưng các cô đều rất ư là cảm thức được cái nhan sắc của mình và hình như luôn luôn có cái ý gợi sự chú ý của người khác. Hay Tảo muốn tránh ai? Nhưng Tảo nói một cách rất tự nhiên khiến tôi nghĩ có lẽ Tảo là một ngoại lệ. Hoặc là Tảo không nhận thức được rõ sức thu hút của nàng hoặc là nàng chẳng quan tâm gì lắm.

Tôi gọi một tách Cappuccino trong khi Tảo uống Expresso.

"Tảo có vẻ uống cà phê thường lắm nhỉ?"

"Dạ, Tảo ghiền cà phê. Tụi bạn Tảo đứa mô cũng uống cà phê một cây, có tên uống hết ly này tới ly khác ngó bắt dễ sợ. Máu tụi hắn riết rồi chắc biến thành cà phê luôn."

"Khiếp, uống thế không sợ mất ngủ à?"

Tảo mở to mắt nhìn tôi,

"Trời ơi, còn cầu cho ngủ không được, nhứt là khi mô gần thi. Có điều là uống nhiều quá hắn bắt quen, chẳng có ảnh hưởng chi hết. Có lần gần ngày final, Tảo muốn thức để học bài nên uống một ly double expresso, chu choa, hắn vừa đặc vừa đen ngòm vừa đắng. Uống xong Tảo ôm một chồng sách vô thư viện tìm một chỗ thiệt là vắng tính học cho siêng. Ai mà có ngờ nửa tiếng sau Tảo nằm gục xuống bàn ngủ luôn một giấc. Hễ cầm tới quyển sách là con mắt Tảo hắn bắt đầu nghe nặng, mở không muốn ra. Tới hồi tỉnh dậy, Tảo ôm hết sách vở bỏ đi về nhà luôn. Thiệt là dị òm."

Tôi phì cười, hỏi Tảo :

"Tảo học ở UCLA bao nhiêu lâu rồi?"

Tảo ngẫn ngừ có vẻ ngẫm nghĩ,

"3 năm. Năm nay Tảo là Junior."

"Như vậy là Tảo gần ra trường rồi phải không. Tảo học về cái gì vậy?"

"Computer Science."

"Giỏi nhỉ. Con gái mà học ngành gì nhức óc thế?"

Tảo nhíu mày,

"Anh nói cái chi mà lạ rứa? Có chi mà phân biệt con gái với con trai. Không lẽ hễ con gái là ngu, học không nổi hay sao?"

Giọng Tảo vẫn nhẹ nhàng nhưng ánh mắt thẳng thắn nghiêm nghị khiến tôi bối rối.

"Anh đâu có ý đó. Anh chỉ nói đại khái thế thôi vì thường thường thấy con gái ít đi theo các ngành khô khan như vậy."

Tảo cũng cười,

"Tảo cũng xin lỗi anh. Tảo trách anh như rứa thiệt là bậy. Có điều Tảo ưa bị người ta nói cái kiểu vỡ đầu, ngạo ngạo riết rồi hễ nhắc tới cái chuyện nớ Tảo ưa nổi tức bất tử. Tảo cũng biết là anh nói như rứa cũng không phải là không có lý do. Nhiều người Á Đông mình, cả nam lẫn nữ, vẫn nghĩ là con gái thì phải nhu mì, dịu dàng, phục tòng mới tốt. Chuyện học hành là chuyện phụ, học mần răng cũng được miễn là có cái bằng rồi đi lấy chồng là xong. Xứ mình thấm nhuần lễ giáo Khổng Tử lâu quá rồi khó thay đổi."

Trời ạ ! Cô nhỏ này không hiền khô như tôi tưởng. Nãy giờ tôi quả có bị cái dáng vẻ của Tảo đánh lừa. Nhìn mái tóc rối bồng bềnh, thêm giọng nó nhẹ nhàng tôi có ngay ấn tượng là Tảo chắc cũng điệu điệu, hiền hiền, khờ khờ như con nai vàng của Lưu Trọng Lư, tuy là cái kiểu tỉnh bơ bơ của Tảo có hơi trật khớp một chút. Bị Tảo tung một đòn bất ngờ chặn họng, tôi biết thân biết phận nhận thua ngay. Tôi đâu có điên mà ngồi nói ấm ớ thêm, nhỡ Tảo nổi sùng nghĩ tôi là chauvinist pig thì chỉ khổ thân. Gì chứ cãi nhau với cô nhỏ này thì

không cần thử tôi cũng biết là tôi sẽ thua không còn manh giáp. Chỉ cần nhìn vào mắt Tảo một lúc là hồn vía tôi bay theo gió chiều ngay, còn thần phách đâu nữa mà tranh với luận. Tôi quẹo đề cái rụp.

"Chiều nay gió mát ghê Tảo nhỉ?"

"Dạ. Trời coi bộ cũng muốn lạnh lạnh rồi. Mà anh Huy nì, anh đâu có học ở UCLA phải không?"

À há ! Bây giờ thì đến phiên Tảo điều tra tôi đây. Như vậy là tốt, khi nào cô nhỏ ngồi một đống, dạ nhịp, xoay tới xoay lui cái ly cà phê mới là kẹt. Nghĩ vậy, tôi hớn hở trả lời không những chỉ câu hỏi của Tảo mà còn kê rõ lý do, bổ túc thêm chi tiết về việc làm, chỗ làm của tôi một cách thấu đáo. Trời vốn sinh tôi lắm mồm, được dịp tôi có thể ngồi tán hưu tán vượn cả ngày không chán. Nhiều cô bảo tôi là con trai Bắc Kỳ ba xạo, là mồm bôi mỡ nói trơn tuồn tuột, ba hoa mười điều chỉ tin được một. Tôi thì vẫn thành tâm nghĩ là mặc dầu thường thường tôi hay pha mắm pha muối, đắp chỗ này, ép chỗ kia một tí, cốt ý là chỉ để chêm nếm cho câu chuyện thêm mặn mà xuôi lai. Chẳng hại gì mấy!

Dù vậy, tôi vẫn thấy ngán ngán Tảo. Nói bậy nhỡ bị kê vào mồm một lần nữa thì tha hồ mà quê. Cứ thật thà hiền lành coi bộ an toàn hơn nên tôi cẩn thận trả lời thật như đếm. Thế mà không biết Tảo đưa đẩy câu chuyện thế nào mà tôi cứ ngồi nói say sưa kể lể đủ thứ chuyện, chuyện nhà chuyện cửa, chuyện làng chuyện nước. Tôi khai vanh vách gia cảnh của tôi, nào là tôi bao nhiêu tuổi, học hành đến đâu, đi làm chỗ này chỗ nọ, ước vọng những gì. Tôi kể cả chuyện em gái tôi vượt biển bị mất tích, bố mẹ tôi cương quyết ở lại Việt Nam không đi đâu hết mặc dầu tôi đã viết thư về nhà năn nỉ gần chết. Tôi không hiểu tại sao tôi lại kể cho Tảo chuyện gia đình tôi. Thường thường tôi ít khi nhắc đến nhà tôi, xem đó như một việc hết sức riêng tư, và cũng vì mỗi lần nhắc đến là tôi buồn. Có thể vì giọng nói Tảo ân cần thăm hỏi, tôi đọc được trong mắt Tảo một niềm cảm thông nên tiện đà tâm sự.

Mải nói say sưa, trời sụp tối lúc nào tôi không hay. Đến lúc Tảo bảo phải về tôi mới sực nhớ ra tôi vẫn chẳng biết gì về Tảo. Tôi chửi thầm trong bụng cái ngu xuẩn, cái tật lắm mồm của tôi. Đưa Tảo về đến cửa, tôi ngập ngừng hỏi Tảo,

"Tảo cho anh số điện thoại nhé. Anh gọi Tảo được không?"

Tảo cười rất dễ thương, má lại lúm cái đồng tiền nhỏ xíu,

"Răng lại không được? Số điện thoại của Tảo không có chi là bí mật hết. Khi mô anh quên cứ lục điện thoại niên giám là kiếm ra liền."

Vừa nói, Tảo vừa loay hoay viết vào một mảnh giấy cho tôi. Tảo ngước lên cười,

"Còn số của anh Huy là chi, cho Tảo để khi mô buồn buồn, Tảo gọi nhắc cho anh đừng quên Tảo."

"Anh mà quên được Tảo thì chắc là trời sụp."

Tảo cầm tờ giấy có số điện thoại của tôi vẫy vẫy chào, mũi chun chun vẻ tinh nghịch nói vọng trở lại trước khi cánh cửa đóng xập,

"Anh Huy xạo ghê nơi!"

Tôi vừa quay người bước đi vừa lẩm thẩm,

"Lại bị chữ xạo ! Không biết Tảo nói đùa hay nói thật."

Chân bước mà lòng tôi cứ băn khoăn mãi về cái vụ này. Tảo nghĩ tôi xạo thật thì đúng là oan vợ chàng Trương, chưa bao giờ tôi lại có can đảm thành thật như hôm nay. Vừa đi vừa nghĩ rồi tôi cũng mò được về chỗ đậu xe. Một tờ giấy phạt nằm chình ình ở cửa kiếng. Mải đi theo Tảo, tôi quên béng là meter xe tôi hết giờ từ lâu. Như mọi ngày, có lẽ tôi đã giật phắt tờ giấy nhét dấp nhét dúi nó vào đâu đó cho đỡ tức. Lần này tôi không thấy bực. Tôi gỡ tờ giấy ra khỏi miếng quạt kiếng đứng tần mần lật phải lật trái nhìn tới nhìn lui ngắm nghía. Thật ra thì tôi cũng không biết là tôi muốn tìm cái gì. Nhìn chán, tôi cẩn thận bỏ nó vào hộc xe rồi chậm rãi lái xe về.

Về được đến nhà thì cũng đã gần 8 giờ tối. Tôi huýt sáo nho nhỏ đi vòng vòng quanh phòng xắp đi xếp lại mấy thứ lẩm cẩm trên bàn. Lần lần vào trong bếp tôi mới nhớ ra là tôi chưa ăn uống gì cả. Một ý nghĩ thoáng qua làm tôi đập tay vào đầu. Ngu ơi là ngu! Tại sao tôi không mời Tảo đi ăn tối. Thời gian không gian thật là hợp thời hết chỗ nói mà tôi lại đờ đẫn lú lấp đến nỗi không chụp lấy thời cơ. Tôi muốn tự đá cho tôi mấy cái. Hay là tôi gọi cho Tảo ngay bây giờ đi rủ Tảo, nói với Tảo là tôi quên. Tôi lắc đầu, làm như vậy chỉ tổ làm Tảo tưởng tôi tốc. Thở thẫn, tôi thay bộ pyjama rồi ngồi vào bàn giấy. Với tay lấy xấp tài liệu đang làm dở dang, tôi sực nhớ ra là tôi vẫn chưa có mấy quyển sách tôi cần, mấy quyển sách bị vất nằm lăn lóc ở cái kệ nào đó không biết, lạy trời cho nó đừng bị thất thoát đâu mất thì thật là kẹt. Nhìn những tờ giấy chi chít những chữ, những họa đồ trước mắt mà đầu óc tôi nghĩ đâu đâu. Chưa gì mà tôi đã nhớ Tảo ơi là nhớ, khuôn mặt Tảo cứ lởn vởn trong óc, giọng Huế lãng đãng và tiếng cười khe khẽ reo vui. Tay tôi bắt đầu vẽ những vòng lẩn quẩn trên giấy. Từ bé đến lớn chưa có ai mê hoặc tôi như Tảo. Tôi đã tán tỉnh nhiều cô nhưng chưa lần nào tôi lại bị hớp hồn đến nỗi thành như anh cả đần hôm nay. Tính tôi vốn hơi lãng mạn nên tôi thường hay thích những cô gái có mái tóc dài, rồi lại càng đẹp, dáng vẻ xanh xao, người gầy như hạc. Khổ nỗi mấy cô đẹp thì hay điệu. Nhiều khi điệu quá độ, điệu rơi điệu rụng đến nỗi thành hơi kỳ kỳ. Từ trước đến giờ tôi toàn là gặp những cô hết sức yểu điệu thục nữ, ngồi nói chuyện mà các cô vô cùng e lệ, dạ có rồi dạ không xong là hết chuyện. Tôi tha hồ nói thao thao bất tuyệt đến lúc ngừng lại thì thấy nàng vẫn ngồi dịu dàng nghiêng đầu mắt chớp. Vì vậy cái tự nhiên, tỉnh khô của Tảo làm tôi thấy lạ. Tảo có cái nhan sắc lạ lùng sâu thẳm của một người con gái Huế thêm cái tính thẳng thắn, tự nhiên. Tôi nhắm mắt nhớ ánh mắt ân

cần, thông hiểu của Tảo, những câu nói bình thản nhưng hồn nhiên duyên dáng. Tôi thấy say say như vừa uống xong một ly rượu ngọt nồng.

Biết chắc không thể nào tập trung tư tưởng được để làm việc, tôi bỏ ra xa lông bật TV lên xem. Ngồi nhìn những hình ảnh thoáng hiện trên TV nhưng đầu óc tôi bận rộn ôn lại cuộc gặp gỡ buổi chiều. Tôi không biết Tảo nghĩ sao về tôi. Nhỡ nàng chê tôi nói nhiều, cả mấy tiếng ngồi nói huyên thiên về mình như một tên với inflated ego! Nhưng đó là vì Tảo hỏi tôi mới trả lời kia mà, tôi lại có khoe khoang gì đâu. Tảo lại để tâm hỏi han tôi như thế thì chắc là Tảo cũng muốn biết về tôi. Tảo còn cho tôi số điện thoại, lại còn hỏi số điện thoại của tôi nữa. Rõ ràng là Tảo muốn gặp lại tôi. Nhưng cái kiểu tự nhiên quá của Tảo làm tôi lo. Biết đâu tính Tảo như vậy, gặp ai Tảo cũng nói chuyện dễ dàng, gặp ai Tảo cũng phân phát số điện thoại. Chính Tảo còn nói là số của Tảo chẳng có gì là bí mật. Nếu vậy thì chắc Tảo cũng chẳng có cảm tình đặc biệt gì với tôi, thấy tôi hơi dị thường nàng lấy làm thương hại và muốn nói chuyện cho tôi nguôi lòng. Tôi đốt điếu thuốc, lòng dạ băn khoăn lo lắng. Tôi cũng chẳng đẹp trai gì, lại không có điểm nào hơn người thì làm sao Tảo lại lựa tôi ra mà thích cho được. Càng nghĩ tôi lại càng lo. Tôi đứng lên đi ngược đi xuôi trong phòng, đứng trước gương ngắm nghía một lúc tìm mãi không thấy nét khả ái nào trên mặt, tôi thở dài não nuột. Điếu thuốc trên tay tôi cháy tàn vương vãi khắp nhà tôi cũng chẳng để ý. Cả đêm tôi loanh quanh phân tích, nghĩ quanh nghĩ quẩn đến gần sáng mới ngủ được.

Ngày hôm sau, chờ hết nổi tôi ở sở quay số gọi cho Tảo. Tôi lẩm bẩm dợt lại những câu hỏi tôi sẽ nói với Tảo. Làm sao để đừng có tỏ lộ tình ý sỗ sàng hay cải lương quá mà vẫn làm Tảo hiểu được lòng tôi và xem Tảo sẽ trả lời như thế nào. Chuông điện thoại vừa reo đã có người bên kia chụp lên nói loáng thoáng gì đó tôi nghe không rõ vì trong đầu vẫn còn lẩm nhẩm những câu dự định. Tôi hỏi giọng cố nói cho thật ấm,

"Thưa làm ơn cho tôi nói chuyện với Tảo."

Đầu giây có tiếng một ông Mỹ ồ ề,

"What? This is the Fire Department!"

Tôi khựng người, hỏi lại cho chắc là tôi đã quay đúng số.

"Yes. The number is correct. But this is still the Fire Department."

Tôi thẫn thờ cúp máy, không để ý đến giọng khôi hài của người đàn ông. Tôi nhìn lại tờ giấy Tảo viết lần nữa, 7 con số nằm thật rõ ràng. Tảo viết lộn, hay Tảo cố tình chơi tôi? Ngồi ngẩn ngơ một lúc, tôi bắt đầu thấy đau thấm thía. Nhất định tôi phải gặp Tảo hỏi cho ra lẽ. Tôi hy vọng biết đâu tính Tảo đãng trí và viết lầm hai số đảo nhau hay sao đó. Nhìn đồng hồ đã gần 4 giờ, tôi rời văn phòng lấy xe đi thẳng đến chỗ Tảo và lại ngồi ở bục đá trước cửa chờ vì tôi cũng vẫn

không biết Tảo ở phòng nào. Tôi nhất định sẽ chờ gặp Tảo cho bằng được. Cũng may tôi ngồi không lâu thì thấy cô bạn cùng phòng với Tảo hôm qua về tới. Cô ta vừa thấy tôi đã tròn mắt ngạc nhiên.

Tôi chạy theo chặn cô bé lại,

"Cô ơi, cô là bạn Tảo phải không? Tôi cần gặp Tảo gấp bây giờ, cô đưa tôi vào nhé."

Cô bé nhíu mày,

"Ủa ! Tảo đi rồi anh không biết sao?"

Tôi há hốc mồm,

"Đi đâu? Tảo đi đâu?"

"Đi Boston sáng nay. Tôi chở nó ra phi trường rồi về mới đi học."

Thấy tôi sững sờ, cô ta nhìn tôi thương hại,

"Tảo nó vừa ra trường khoá vừa rồi. Đáng lẽ nó phải đi Boston ngay sau đó, tức là cách đây khoảng 3 tuần, nhưng nó cứ ráng ở lại chơi mãi đến hôm nay mới chịu đi."

Tôi nói như cho mình tôi nghe,

"Nhưng mới hôm qua tôi còn gặp Tảo ở thư viện."

Cô bạn gật đầu,

"Đúng rồi, tôi có nhờ nó đi mượn cho tôi mấy quyển sách."

"Thế Tảo về bên Boston ở luôn hay sao cô?"

Cô gái nói ngập ngừng,

"Cuối tuần này đám cưới nó. Chồng sắp cưới của nó ở bên đó."

Lời nói như nhát dao cuối cùng, tôi thẫn thờ quay đi mặc kệ cô bạn Tảo nhìn theo ái ngại.

Tôi đi lững thững qua mấy dãy phố đến quán café hôm qua, tìm lại bàn Tảo đã chọn và gọi một ly double expresso. Tôi ngồi nghe cơn đau thấm dần từng tế bào, nhưng lạ chưa, tôi vẫn không giận hay oán Tảo. Hôm qua Tảo đã cố sống những phút giây tự do cuối cùng trước khi theo chồng bỏ cuộc chơi. Còn tôi, thà gặp Tảo một lần, được nghe Tảo nói cười, bị Tảo chơi khăm một vố còn hơn là sống hoài những năm tháng bình thường tẻ nhạt. Không biết giờ này ở Boston Tảo có đang ngậm ngùi nghĩ đến cuộc đời hồn nhiên sắp mất, có nghĩ đến tôi, nạn nhân cuối cùng của một trò chơi tinh quái mà lại dễ thương? Tôi vẫn thấy lấp loé một tí ti hy vọng. Tảo đã hỏi giữ số điện thoại của tôi và biết đâu được, chẳng có một ngày nào đó Tảo chán Boston, Tảo nhớ Cali, hay Tảo... li dị.

VÂN YÊN

Nguyễn Việt Thường

Thơ đẹp như kinh

Lăn, ta lăn như đá giữa trời,
Mặc kệ triều lên, triều xuống,
Mặc kệ gió khơi vơi,
Thổi suốt một đời,
Trên đỉnh lá.

Còn thơ đăm chiêu như làn nước lạ,
Ôm viên sỏi con trầm tĩnh đáy hồ,
Đứng đấy nhìn ta một đời chai tựa đá,
Vậy mà đèo bòng trong tim nước mắt giữa ba bồ.

Như thể một người tắm dạn dày trong khổ,
Không còn nước mắt để khóc cho mình,
Như thể một người suốt đời nguyền đi bộ,
Xuyên ngục A Tỳ để tới Cung Linh.

Ta học mãi để làm người không chấp,
Để đừng cười khi vui, để đừng khóc khi buồn,
Để khỏi nhìn đời so cao, so thấp,
So giàu, nghèo, so đúng mực đủ khuôn.

Ta tự biến mình thành mặt hồ không đậy nắp,
Ngửa tận lòng hứng những hạt mưa tuôn.
Hứng cả lá rơi, rong, sâu, bụi bẩn,
Đón ánh mặt trời và khơi mở luôn luôn,
Vậy mà vẫn chẳng dửng dưng, vẫn vào ra lận đận,
Một lần vui bằng gấp tám lần buồn.

Ta học giữa tỉnh, mê, giữa dày vò chướng nghiệp,
Tưởng gặp bến giác mấy lần sau lại quay đi,
Như con sâu xanh đớn đau đổi kiếp,
Tự đánh lừa mình sẽ hóa bướm mai kia.

Ta học mãi để làm người không ngờ vực,
Học mấy mươi năm vẫn cứ lớp vỡ lòng,
Thơ chỉ nói với ta mấy lời nhẫn nhục,
Mà như sao sa sáng rỡ một trời không.

Ta học ở đây không kinh không kệ,
Lắng trong thơ, khoa học để tri nhàn,
Thơ là kinh, kinh thơ đâu câu nệ.
Phật cũng như mình đi trong thế gian.

Tinh tấn đạo đời

Cân bằng giữa ngộ và mê,
chú ve đập cánh đi về ba trăng,
Biết ngắn ngủi, chẳng băn khoăn,
Hát dâng trọn khúc lằng nhằng đời ve.
Âm thầm như gió qua khe,
Triều nghiêng bọt sóng tràn trề niệm không,
Trong lòng nhưng vẫn ngoài lòng,
Truông đâu giữ nổi gió bồng bềnh trôi,
Sông xưa bên lở bên bồi,
Bên lở chẳng mất, bên bồi chẳng thêm,
Gối đầu trên đá vẫn êm,
Đi chân đất cảm đất mềm hơn rêu,
Khác gì đâu giữa ghét yêu,
trong hơi thở gợi nên nhiều tang thương,
Sao không như cỏ chờ sương,
rất lặng yên chẳng phiền buồn nắng cay,
Nhẹ nhàng đi giữa đêm ngày,
Với bão lớn với hây hây mưa nồng.
Cho như giữ,
Có như không...

UW — Madison

Nguyễn Hoàng Nam

Đánh dấu mùa hè thứ hai

Và em lại ra đi
như cơn mưa giã từ thành phố
California hực cháy quanh năm
những lần em về tôi vẫn nhớ
rắc lên tôi ít mầu xanh
nhỏ lên tôi vài nhịp thở
cái ôm phong phanh
chỉ đủ ấm để gọi là cái cớ

Những lần gặp thưa thớt dần
mà nay cũng chẳng còn chi là lạ
một ngày một tuần một tháng một năm
vào đi em, cửa tôi luôn mở
đừng phí thì giờ lắm chuyện loanh quanh
cái mình đang cầm vốn rất dễ vỡ
tồn tại bởi những nâng niu kỳ cục phi thường
— em đèn mầu thành phố này tiểu bang nọ
tiếng hát uốn theo lỗ rốn không cương
tôi chong đèn còm lưng rị mọ
được bao nhiêu đáng gọi là văn chương—
lẹ lên bây giờ hai đứa mình đi ăn phở
đi nhảy và uống suốt đêm
mã em nhoáng như xe Nissan Sentra đỏ
em sang số tôi tạm say mềm sướng rên
kệ cha mai mắt nhắm mắt mở
rướn vai đẩy cái cối xay tiền
kệ cha mai chia tay lần nữa
hưỡn đâu mà lưu luyến hỡi em

mắt nhìn tay chào lở dở

Và em lại ra đi
— hiển nhiên như em ngoài tôi, tôi ngoài thế giới
hiển nhiên như ngời nói chuyện đời
là khó có người tình nào dễ ăn như gỏi —
ta đã gọi tên nhau lâu rồi
từ đó đến giờ chẳng có thêm gì mới

Tôi sắp rời nơi này
lần đầu tiên và lần chót
trong một ngày như thường ngày
dĩ nhiên là em không có mặt
xe vẫn chạy và mây vẫn bay
đèn vẫn xanh vàng đỏ và mặt trời vẫn mọc
California đời vẫn đỏ gay
đổ mồ hôi mà khô nước mắt

Tôi nằm chờ mưa đợi em
nhiều kỷ niệm bất đắc dĩ vòng vo trong gió
về hay không em vẫn muôn phương
yêu hay chưa tôi lụn tàn một chỗ

Hãy thương giùm cỏ trên tôi úa vàng
xin chịu khó tình cờ viếng mộ.

Nguyễn Hoàng Nam

Lữ Mộc Sinh
Sống và Thơ

Thơ bên lề Sống ! Sống ! Sống !
Sống cạn cùng. Sống để làm Thơ
Thơ cuồng loạn. Thơ tươi. Thơ sống.
Sống thơ rồi, chết cũng là Thơ
Thơ sống chết vượt ngoài chết sống
Sống chết vô tình, Thơ quá Thơ
Thơ đi. Thơ đến. Thơ về Sống.
Sống ở cùng Thơ ! Thơ ! Thơ ! Thơ !

(Tặng thi sĩ Bùi Giáng)

Thường Quán

Mẹ - Đêm

Sáng mùa thu im người nằm ngủ
Ao giếng trời xanh hoa mới thơm
Tiếng khóc nín rồi trong tiếng nắng
Hơi gió của đầu hôm
Trăng nhạt yếu xanh mắt khép
Bàn tay nắng trổ trên nền
Sao chìm bay vỡ lỡ
Mất dần ngoài mút đồng rơm
Đôi mắt trong ngần sao đêm
Buồng ngực trắng đầy cho bú mớm
Cánh tay mềm giấc ngủ
Hơi thở mới kề bên
của Người, ôi Mẹ-Đêm
Là mẹ hiền, là chị nữ
Là bầu trời sữa ngọt
Yêu thương trùm ngợp choàng ôm.

Chao lớn rộng vòng tay ôm của Mẹ
Con nằm như hạt cát biển xa
Trong thân trai của Người hồn dậy ngọc
Đang cảm nghe sóng nở nghìn hoa
Rộn rịp mùa sinh nở
Lòng mẹ : trần gian tròn ấm môi hồng,
Con ôm lấy bờ nôi bắt đầu hơi thở
Con thơ theo nhịp ngực mẹ man miên
Của sao rung trên xoáy tóc triều thiên
Của ánh biếc tinh trong rót qua hồn thâm tạ

Của vũ trụ chung quanh ngập hương nồng không nhớ đã
Con nằm đâu mà Người ở đâu
Con vừa nẩy ra một búp lá
Giữa muôn ngàn màu lục đã biếc xanh
Con vừa chào đời một nhú trái
Giữa lung linh nghìn trái đã hồng
Người rụng sương ngần hôn lên đỉnh trán
Mưa sương reo thành vạn lời ru
Ca hát giữa trời đỡ nâng trôi trôi vô tận.

Ôi Mẹ-Đêm ! Sa bao nhiêu trái vàng ửng mọng
Con nằm run tha thiết đôi bờ
Con bay vào lòng Mẹ rẩy run thơ
Lời hạnh phúc con còn có môi để hát
Con hát theo tiếng Mẹ phượng thờ
Rồi mọc chân rồi trổ tay khóc rẩy run hoan lạc
Con đã cắn lấy bao nhiêu trái vàng sương bát ngát
Đã uống bao dòng sữa trăng non
Hồng của Mẹ khi trăng cong viền cửa
Để rồi - phải chăng là ý Mẹ ?
Giờ sóng lên ngút ngàn con quên cả
Nhoài người ra vùng ánh sáng mé trời
Con chạy nhảy theo nghìn ấu thơ ra ngoài cửa
Ra ngoài xa mút những ngõ sao rơi
Bay thất lạc ngày lên không đường đêm về nữa.

Nắng mai tràn vỡ loang trên tường vôi gạch vữa
Sương tan oà tiếng khóc mân côi.
Ôi Mẹ-Đêm ! Đã thất lạc rồi mà tưởng như gần đây bên gối.
Cánh tay dang của Mẹ cả đất trời
Mềm hơn mọi giấc ngủ nào con sẽ tới
Sẽ quì bên không nói một điều lời.
Trời xanh rưng mắt nhìn ngây cho đến cuối đời
Cuối mọi cánh đồng, cuối mọi chân trời
Con đã mất hết rồi tiếng nói.

Sáng mùa thu im niềm thinh lặng
Thơm hoa trời, lá cỏ nằm run.

Thường Quán

Tạ Chí Đại Trường

Tiền đúc Đàng Trong: Phương diện loại hình và Tương quan lịch sử

(Tiếp theo bài kỳ 1 đăng trên Văn Học số 30. Sau đoạn kỳ 2 này, sẽ còn hai kỳ nữa mới chấm dứt bài khảo cứu công phu về tiền cổ Đàng Trong này. Vì lý do kỹ thuật, chúng tôi xin in hình chụp các tiền cổ trong phần cuối cùng của bài khảo cứu).

III. TIỀN ĐÚC Ở ĐÀNG TRONG VÀ NHỮNG CĂN CỨ LỊCH SỬ, KHOA HỌC.

1. *Một ít suy luận tổng quát.*

Với phương pháp loại trừ dần ở trên, ta còn có được một mớ lộn xộn các thứ tiền đúc ở Đàng Trong mà bây giờ ta phải xác định rõ hơn. Nguyên tắc chung có thể suy từ khía cạnh mặt trái của những điểm đã bàn tới thoáng qua hay những điểm đã bàn kỹ nhưng là ở các khu vực khác. Ta cũng biết khó đạt tới mức độ lý tưởng. Ta không thể tìm ra, ghép hết danh hiệu và loại hình các mẫu tiền này nọ vào một thời đại nhất định -- ngay cả đồng An pháp có chứng cớ đích xác nhất mà cũng có điều phải giải quyết. Dù sao, ta cũng có thể suy diễn từ các căn cứ sau:

a. Các tài liệu sử viết. Điều A. S. ước mong thì cũng đã đạt được một hai vấn đề như đã nói. Đòi hỏi như ta bây giờ thì khó thoả mãn, nhưng qua vài đoạn, vài trang của *Phủ biên tạp lục* viết bởi một chứng nhân tại chỗ và cách sự việc chỉ nửa thế kỷ trở lại, giúp ta nắm vững quá khứ vì đây là tài liệu gốc về bằng cớ hiếm hoi

của việc đúc tiền: có dấu vết chứng tỏ sử quan đời Nguyễn đã lấy một số sự kiện từ đây.

Các hồi ký, ký sự của người Âu đương thời không giúp ta biết rõ về mặt loại hình, nhưng đã để lại các bằng cớ về sinh hoạt tài chính đương thời giúp ta có căn cứ để tìm hiểu tình hình chung, tình hình giai đoạn, xác định một mốc lịch sử.

b. Những nghiên cứu của người trước mang những chi tiết khả dụng để ta làm công việc phối kiểm với hiện vật có trước mắt (hay với bản dập, bản in).

Ta hơi tiếc các tác giả nghiên cứu tại chỗ như D. L., A. S. không lưu tâm mấy về sự đối chiếu trên những đồng tiền thu nhặt được -- dưới hay trên mặt đất. Chỉ thấy D. L. ngạc nhiên về đồng Hồng Vũ xấu lấy được ở gần Sàigòn, A. S. nói về 4 đồng Thái bình ở Hà Tiên mà không ghi rõ chi tiết, và việc mua tiền ngoài chợ Miền Bắc. Họ không thấy rằng việc thu lượm này có thể mở hướng bí lối cho cách giải quyết các đồng tiền có xuất xứ mù mờ. Chúng tôi đã bày tỏ sự đáng tiếc đối với những thành quả liên quan đến cổ tiền học trên vùng Miền Bắc trong thời gian gần đây, vào thời đại mà rõ ràng ta biết có thể làm hơn những người hồi đầu thế kỷ. Tuy việc dựa trên một nhóm tiền "xuất thổ" để suy đoán thời đại có chen vào nhiều yếu tố rủi ro cho lý luận đã nói, nhưng đây là phương hướng còn lại có khả năng khai thông vấn đề.

b. Phương hướng sử dụng phòng thí nghiệm để mong tìm ra một sự sắp xếp nào đó về các loại tiền theo khu vực địa lý, thời đại cũng là một cách thế nên thử, với điều kiện có tính nhặt nhiệm của khoa học, xuất phát từ ý thức rằng vấn đề không đơn giản, do một sự hiểu biết có căn bản về cổ tiền thúc đẩy. Như đã nói, chúng ta có một kết quả về "thành phần hóa học của một số loại tiền cổ..." của ông Diệp Đình Hoa. Chúng tôi ghi lại sau đây bản kết quả đó, có sửa đổi lại tên tiền theo ý chúng tôi cho là đúng và sắp xếp thứ tự các mẫu để tách biệt các nhóm ra:

Số thứ tự	MẪU	Pb %	Cu %	Zn %	Sn %	Fe %
II . 1 .	Trị bình thông bảo	17,93	58,89	0,11	0,49	0,11
IV . 2 .	Trị bình nguyên bảo	22	59,28	0,15	0,15	0,22
I . 3 .	Trị bình nguyên bảo	21	63,60	00	0,14	0,17
V . 4 .	Trị bình thánh bảo	21,75	64,92	00	0,86	0,14
III . 5 .	Triệu phong bình bảo hay Triệu bình phong bảo	22,8	61,38	0,12	0,38	0,26

Thứ tự đánh bằng số La Mã là của ông Diệp Đình Hoa.

Thí nghiệm nào cũng là kết quả của một sự chọn lựa trước. Tác giả không lưu ý hay không nói rõ thì ta phải sắp xếp lại để giải thích kết quả. Đã nói không có hình ảnh kèm theo để theo đó nhận định dễ dàng hơn thì chúng tôi đành phải dựa vào các dữ kiện ít ỏi đã cho mà đoán định sắp xếp theo hiểu biết của mình. Mẫu số 1 là tiền Trung Quốc vì chúng tôi chưa thấy một đồng Trị Bình thông bảo nào của Việt bằng đồng hết. Mẫu số 2 gần chắc là tiền Trung Quốc (có chữ nguyên lối lệ - Ô. DĐH nói: "Trị Bình nguyên bảo chữ lệ"). Hai mẫu 4, 5 là tiền đúc tại Việt Nam (khoan nói là tiền Đàng Trong). Mẫu số 3 hơi đáng ngờ vì chúng tôi không thấy có đồng Trị Bình nguyên bảo nào có dáng chữ thảo để tác giả xác nhận là "thảo". (Cố tiền gia Trung Quốc cũng không nhận có Trị Bình chữ thảo). Ngờ rằng đó là một đồng tiền Việt có chữ nguyên *triện* rõ rệt d(ễ loáng thoáng nhận lầm trong khi Trị Bình Tống triện đều *theo lối này cả 4 chữ),* không lầm được) (Hình 8). Như vậy, chúng tôi đã sắp ra 2 loại: loại của Trung Quốc (mẫu 1, 2), loại của Việt Đàng trong (mẫu 3, 4, 5).

Kết quả hiện ra thật đáng lưu ý: tiền Tống lại ít chất đồng hơn tiền Việt. Điều này chưa nói lên được gì nếu ta chưa biết đến sự kiện Đàng Trong không có đồng , phải nhập đồng ngoại quốc. Với lối khai thác ngày xưa thì không hy vọng có đồng tinh chất, nhưng đồng mang đi bán thì dù sao phải tính đến đòi hỏi của khách hàng nên phải có hàm lượng đồng cao đến mức kỹ thuật ở địa phương đương thời có thể thực hiện được. Tiền đồng (chỉ mới nói riêng của quan xưởng) đúc từ các quặng khai thác, pha đồ đồng cũ, tiền hư nát, xấu, tỷ lệ đồng sút xuống đến mức đáng kể. Phải chăng tiền đồng chúa Nguyễn đúc từ đồng của thương trường được chọn lựa (dù có pha chế thêm), nên vẫn giữ được hàm lượng đồng cao? Mẫu số 3 dù chỉ bằng vào phỏng đoán mà sắp xếp nhưng cũng có vẻ tìm được đúng vị trí của mình. Một xác nhận khác: mẫu số 4có hàm lượng thiếc cao nhất trong 5 mẫu thật đúng với dạng vật thật là nó có màu *thau* vàng rõ rệt, nổi bật khác với các đồng kia. Có 2 mẫu Việt không có kẽm, phải chăng là do đồng xuất phát từ một xứ ít quặng này ?

Tất nhiên, vì tính chất rắc rối của vấn đề, cần phải có thêm kết quả từ nhiều mẫu được chọn lựa với tính cách tiêu biểu theo cả hai hướng bao quát và cá biệt mới mong tiếp cận được sự thật nhiều hơn. Nhưng đó là chuyện của tương lai.

d. Suy luận trên những mẫu thu lượm được có tính đến các yếu tố khác (căn cứ lịch sử, công trình của người khác), chúng tôi

không hướng vào việc phân chất vì không làm việc quá sức mình, mà chỉ sử dụng các phương pháp cổ điển: nhìn chất đồng, mẫu chữ, danh hiệu và những vấn đề từ đó sinh ra. Trong sự đối chiếu này, khía cạnh mặt trái của vấn đề tiền Đàng Ngoài sẽ dẫn ta đến việc xác nhận tiền Đàng Trong.

Ở một nơi không có đồng, không loại trừ những mẫu tuy lớn vẫn mỏng, tiền đồng đúc phần nhiều đều mỏng nhỏ (trừ một loại tiền Thái bình -- có lẽ vì là của Chúa tiên khởi thực hiện). Ở một nơi không có truyền thống đúc tiền -- không loại trừ một vài phương diện đạt tiêu chuẩn, tiền đúc ra phần nhiều có dáng xấu xí, khuôn thức không hoàn chỉnh, chữ thô xấu, kể cả sai sót không được người sưu tập ưa chuộng, nên giá trị lịch sử của chúng bị che lấp một phần. Tiền này "phẩm loại cực đa", trong đó danh hiệu kỳ dị không hiếm, nhưng rốt lại vẫn chỉ có một số khuôn mẫu nhất định khiến ta tin rằng tất cả những thứ ta sẽ bàn tới đều thuộc cùng một thời, của một chính quyền -- có thể tự đúc hay giao tư nhân đúc nhưng vẫn nắm quyền kiểm soát. Các mẫu hình đó trở thành hình chuẩn để cho dù có kẻ đúc trộm cũng không thể vượt ra ngoài khuôn khổ nếu muốn được tiêu thụ.

2. *Tiền ở Hà Tiên.*

a. *An pháp nguyên bảo và Thái bình thông bảo.*

Vì yêu cầu của luận cứ, ta không tôn trọng diễn biến lịch sử mà nhắc ngay đến xứ Hà Tiên năm 1736 vì lẽ từ năm này, ở đây, có dấu vết một đồng tiền được xác định chắc chắn nhất: đồng An pháp nguyên bảo; và ở chừng mực giá trị xác tín ít hơn là một loại Thái bình thông bảo, tất cả thuộc vùng dưới quyền Mạc Thiên Tứ.

Hà Tiên được phép đúc tiền không phải là chuyện lạ nếu ta nhìn vào tính chất chính trị ràng buộc Hà Tiên với chúa Nguyễn và nhìn vào sự phát triển kinh tế trong vùng đương thời. Về mặt chính trị, sự đầu phục của Mạc Cửu đối với chúa Nguyễn thực ra chỉ là một cách thế nhờ cậy một thế lực đang lên trong vùng biển Đông chứ ông Tổng trấn này vẫn là chúa một cõi. Họ Nguyễn sử dụng họ Mạc làm thế lực mở rộng biên cương và để trấn giữ ải địa đầu phía nam chứ không ràng buộc nhiều -- chứng cớ rõ rệt ở việc họ Mạc cha truyền con nối không biết đến bao giờ nếu không có biến động Tây Sơn. Sự phồn thịnh của Hà Tiên không phải như của một thị trấn, một huyện nhỏ bây giờ mà là lan tràn trên cả bờ đồng vịnh Thái Lan, thao túng việc mua bán ngà voi, các hương liệu trong vùng -- nhất là các loại sa nhân, đậu khấu trên vòng núi sau lưng. Khi Hà Tiên đã suy sụp, đoàn 14 thuyền 150 người chở sa nhân,

đâu khấu đi trên sông Hậu năm 1791 làm Nguyễn Ánh giật mình (33)! Ai đến thăm Hà Tiên thấy chùa Tam Bảo thờ mẹ Mạc Cửu bây giờ nhỏ bé, nhưng nhìn vào vách tường chùa cũ bề thế còn lại, nhìn các cột chân tảng của am Phù Dung, nơi tu của một bà vợ Mạc Cửu, tất suy ra thời thịnh vượng của Hà Tiên. Mạc Cửu còn lao đao lận đận với quân Xiêm, làm giàu còn giả tiếng bắt được vàng chôn... Nhưng đến đời Mạc Thiên Tứ thì thế lực của chúa Nguyễn đã kề cận, nên từ cơ sở vững vàng mà bắt đầu có sinh hoạt ổn định, việc cần phải đúc tiền là điều dễ hiểu.

Như đã nói, Lê Quí Đôn nói Mạc Thiên Tứ đúc Thái bình, An pháp (34). Ta hãy xem đồng An pháp có phải là riêng biệt của Mạc hay không.

D. L. (73) cho là tiền đúc vào thời thuộc Minh mà chẳng cho biết là căn cứ vào đâu. M. T. (XL) cũng cho là vào thời điểm ấy. Chỉ danh chủ nhân: "An Nam bạn phỉ" khiến ta nghĩ rằng ông đã dùng một tài liệu Trung Quốc -- hay ít ra là từ tài liệu chữ Hán, nhưng nhìn kỹ các nơi khác, ta thấy ông dùng chữ cũng rất tùy tiện: nhưng người ta suy nghĩ nhận ra các chúa Trịnh được gọi là rebelles, bạn phỉ, người có "niên hiệu" Thái pháp (chắc từ tiền Thái bình pháp bảo) 1417 là dân "cách mạng" (révolutionnaire) còn Chính pháp, Thánh quan 1417 lại là bạn phỉ, ngụy, tuy cũng là chỉ cùng một người: Lê Lợi. Bởi vì, đối chiếu lại, M. T. đã theo D. L. và mặt khác tưởng danh hiệu tiền là niên hiệu vua !

Trong "nhóm hiện vật ở núi Lạch Lăng", nhà khảo cổ học kể 12 danh hiệu tiền trong đó có đồng An pháp *thông* bảo, khiến ta tưởng rằng có một loại An pháp khác. Nhưng như đã nói, ta ngờ rằng vì các đồng tiền khác đều dùng chữ thông bảo nên nhà học giả đã theo đà mà ghi tên thông bảo cho đồng An pháp này.

Vì xét trên các sách của thế kỷ XVIII, nửa đầu thế kỷ XIX, ta thấy các tác giả muốn nói đến đồng này để làm chuẩn gán ghép cho một đồng tiền "an nam"nào đó thì đều gọi theo lối dọc thẳng là An nguyên (pháp bảo). Và cũng chính vì đọc như vậy, người ta cho là tiền của một Thiên hoàng Nhật có niên hiệu như thế (1175-1177), rồi giật mình rằng sao nó không giống tiền Nhật! Tất cả các sưu tập chúng tôi biết (ĐPB, DL, AS) *đều chỉ có An pháp nguyên bảo, cùng một nét chữ, rõ ràng của cùng một mẫu.* Có 2 cỡ lớn, nhỏ đo lường được như sau :

Kính	*Chiều rộng lỗ*	*Nặng*
21 mm	4 mm	1,917g
20 mm	4 mm	1,557g.

Nhắc lại tiền An pháp được các nhà khảo cổ tiền học viện dẫn tiêu biểu thứ "an nam đúc" chứng tỏ số lượng tiền đúc ra rất lớn.

Nói cách khác, sự phồn thịnh, tầm mức giao thương rộng rãi của Hà Tiên chứng tỏ nơi đồng An pháp. Chỉ gần 40 năm sau khi đúc, Lê Quí Đôn đã chứng kiến việc tiền An pháp theo thuyền buôn "chạy cả vào Thuận Hóa". Tiền An pháp thấy rộng rãi ở Miền Bắc hẳn cũng có lý do vì lượng số lớn. *An pháp nguyên bảo là tiền của Hà Tiên* (Hình 11).

Ta cũng có thể ghép đồng An phó nguyên bảo rất tương tự An pháp là của lò này, tuy Lê Quí Đôn không nói, có lẽ vì tiền đúc ít hơn, không hiểu tại sao. Hay Mạc Thiên Tứ nho sĩ, thi gia đã lấn áp Mạc Thiên Tứ con tay chủ chứa, thương buôn nên bỏ tên An phó có thêm một nghĩa tầm thường, "tiền bạc" để chọn tên An pháp thuần nhã, văn minh hơn? Đồng An phó chắc đã được đúc trước.

Đến đồng Thái bình thông bảo (Hình 11). Tiền Thái bình của chúa Nguyễn sẽ được bàn sau, kỹ hơn. Nhưng làm sao phân biệt 2 loại? Ở đây, công việc đối chiếu vật thực xuất hiện trong vùng mang lại sác xuất tín lý cao để nhận diện. A. Schreiner nói tiền Thái bình của Mạc Cửu (35) rất mỏng, nhỏ, đường kính khoảng 2cm, lỗ vuông ở giữa rộng 7 mm (35). Không biết ông đã thu được vào thời điểm nào, nhưng giới hạn địa vực (Nam kỳ) cho ta một căn cứ sơ sài để xác nhận. A. S. (70) lấy được nhiều đồng Thái bình ở Hà Tiên năm 1874, không thấy tả rõ để phân biệt, nhưng trên mẫu hình in, ta thấy có hai đồng như A. Schreiner nói. Riêng phần chúng tôi cũng lấy được mẫu này ở Miền Tây và được thông báo là thường thấy ở Hòn Chông, Thạch Động (Hà Tiên). Lỗ vuông 7 mm là rộng hơn các đồng tiền khác, kể cả các đồng lớn. Cho nên phần chữa cho chữ bị vành lỗ, vành ngoài ép lại chỉ còn rất hẹp, phần chữ bị bẹp lại, những nét ngoài biên phải mượn vành để tì vào như nét đầu của chữ bình chẳng hạn. Đồng tiền có dáng như một loại ngũ thù xấu ngoài dấu vết các vành phân minh chưa rõ rệt ở ngũ thù.

Một đặc điểm của Thái bình Hà Tiên là mặt sau hai bên lỗ có dấu □ . Dấu hiệu này cổ tiền gia Trung Quốc gọi là *tinh* (sao, nếu lớn là *nhật), nguyệt* có nguồn gốc theo nhiều lý giải.

Đối với một số người Trung Quốc thì nó có duyên cớ "chính trị". Đó là dấu hiệu của bầy tôi nhà Minh: chữ "nhật"ghép với chữ "nguyệt" sẽ thành chữ "minh". chúng tôi có một chứng dẫn về điều này ở một nơi khác: Năm 1853, khi nhóm Lưu Ly Xuyên của Tiểu Đao Hội (một hội kín phản Thanh phục Minh) chiếm Thượng Hải, họ đúc tiền Thái bình thông bảo mặt sau có 2 chữ nhật, nguyệt hai bên lỗ. Tiền Thái bình Hà Tiên do đó cũng mang ý nghĩa truyền thống hội kín phục Minh mà ảnh hưởng về khía cạnh khác là sự thành lập các giáo phái ở Miền Tây: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Hòa Hảo.

b. *Các tiền khác của Hà Tiên.*

Họ Mạc cũng là Minh thần lưu vong. Việc đúc lại tiền cũ Trung Quốc đã được thực hiện ở Huế trước, nhưng ở đây tập trung vào việc đúc tiền Tống theo dạng đang lưu hành rộng rãi, còn ở Hà Tiên, người ta đúc tiền đời Minh. Đã nói đến việc D. L. lượm được trong đất quanh Sàigòn một đồng Hồng Vũ xấu; ông cũng lấy ở đây đồng Vĩnh Lạc xấu (trang 76). Không thấy ông khảo tả đặc điểm về các loại này, trừ chi tiết trên. Nhưng chúng tôi có đồng Hoằng Trị chi bảo thật như anh em với đồng Thái bình Hà Tiên: tiền nhỏ, lỗ lớn, chữ bị ép dẹp. Đồng Hồng Vũ của A. S. (số 548) cũng giống như vậy, giống như các chú thích và hình tiền ở ĐPB: Kiến Văn, Hồng Hi, Tuyên Đức, Thiên Thuận (36), Thành Hóa "ngoại quốc đúc, lỗ to, vành lớn, chữ nhỏ".

Tiền Minh tương đối không nhiều. Cổ tiền gia Trung Quốc phân vân về việc sử ghi năm 1527, Minh Thế tông cho đúc lại 9 niên hiệu tiền từ Hồng Vũ đến Chính Đức, thế mà nếu tính đúng ra tất cả phải có đến 10 niên hiệu, không biết cái nào bị loại, lại còn phân vân về việc hiện tiền vẫn đủ loại và vẫn hiếm. Đối với chúng ta, các niên hiệu đó đương thời không có dấu vết đúc tiền (nên Minh Thế tông thấy có bổn phận đúc lại cho đủ mặt), thế mà ngày nay vẫn có mặt các loại ta ghép vào tiền Hà Tiên, điều đó chứng tỏ tinh thần hoài cố chủ của các Minh thần lưu vong.

Điều nên nói thêm ở đây là cái lỗ vuông quá rộng của các loại tiền này. Về điểm này ta đã chú ý đến cái lỗ rộng có trước của đồng ngũ thù (đúc và tiêu dùng 7 thế kỷ từ Hán đến Tùy).

Nhưng lỗ vuông có lẽ có nguyên nhân khác thực tế hơn là vì níu kéo một truyền thống như thế chắc đã phai lạt ở thế kỷ XVII rồi. D. L. (44) khi nói về tiền giả đã nhận xét về tính kiên nhẫn của người Á Đông có thể dù có lợi rất ít cũng làm theo lối "tích thiểu thành đại", chứng dẫn là người Trung Quốc (cuối thế kỷ XIX) chọc lỗ đồng bạc, lấy chì thay vào để rút ra một chút chất bạc. Điều này chắc ông thấy tận mắt và phù hợp với của tác giả "Tân cựu ngân luận phát bí chỉ minh kháng pháp chú giải" nói về bí pháp phân biệt tiền kim cổ giả thiệt, có phát giác việc móc bạc từ đồng Mexique (A. B. Coole, 39-40).

Xứ Đàng Trong đúc tiền nhỏ mỏng hơn loại tiền nhỏ căn bản vì họ không có đồng. Ở Hà Tiên, trừ tiền An pháp như chứng tích riêng biệt của dòng họ Mạc, người ta phải theo qui cũ bình thường, nhưng với các loại khác rõ ràng người ta không nề nang gì mà không mở rộng tối đa lỗ tiền để hà tiện đồng, đúc được thêm nhiều đơn vị. Nhận xét trên của D. L. đượm chút mỉa mai, nhưng lại có kẻ thêm một bằng cớ chứng thực ở tiền của người Trung Quốc xa xứ mà không rời bỏ tâm tính truyền thống.

Tạ Chí Đại Trường
(Xem tiếp trên Văn Học số 33: Tiền Thuận Hoá

Chú thích:

(33) Thực lục chính biên, *q 5, 17 b*
(34) Bản dịch Hà nội đã dẫn, 241, dịch Thái bình An pháp là sai
(35) A. Schreiner. *Les institutions annamites de la Basse Cochinchine avant la conquête française II,* Paris, 1901, 228-229.

Tài liệu xưa hơn, là của *Nam phiêu ký* (in lần đầu 1789) thuật chuyện các thủy thủ Nhật mùa đông 1794 bị bão dạt vào Gia định, được đưa vào Thành (2.1795) bệ kiến Nguyễn Ánh, về Nhật tháng 1.1796. Người Nhật nhận thấy ở đây có tiền Thuận Thiên/ Minh?/, Cảnh Hưng và một loại Thái Bình "lỗ lớn hơn thường lệ", chất đồng tốt, nét chữ sắc, tiền mỏng. (Nam Pÿo ki', traduit avec une introduction et des notes par Mme Muramatsu Gaspardone, BUFFEO 1933/1, 73).
(36) Không phải tiền niên hiệu Thiên Thuận (1128-1132) của Lý Thần Tông.

ĐÃ PHÁT HÀNH

TIỂU THUYẾT II

của Võ Phiến
400 trang. Giá $15.00

VÕ PHIẾN TOÀN TẬP (14 cuốn) đã xuất bản 6 cuốn; trong đó hai cuốn vừa bán hết. Vì nhà xuất bản chú trọng việc in các cuốn mới, cho nên không phải cuốn nào bán hết cũng được tái bản. Chúng tôi thành thật xin lỗi không thỏa mãn được một số bạn đọc đã gởi thư mua quá muộn.

Để tránh sự phiền hà của những vị muốn có trọn bộ, từ nay khi nào một cuốn sách sắp bán hết thì chúng tôi xin dành ưu tiên cho những lá thư đặt mua toàn tập.

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301 – Westminster, CA 92683 (USA)
Điện thoại (714) 832-8445
Chi phiếu xin đề: VĂN NGHỆ
Thư từ gởi Ông Võ Thắng Tiết

Bùi Bảo Trúc

Đọc "Tiểu Thuyết" Võ Phiến.

"Thời đại của chúng ta căn bản là một thời đại bi thảm, bởi thế, chúng ta từ chối chấp nhận thời đại đó một cách bi thảm. Trận đại hồng thủy đã qua đây, chúng ta đứng giữa cảnh hoang tàn, và bắt đầu xây dựng lại thế giới, bắt đầu những hy vọng mới. Công việc ấy chẳng dễ gì: không có một con đường phẳng phiu nào dẫn đến tương lai: nhưng chúng ta đi vòng, hay trèo qua những chướng ngại. Chúng ta phải sống, bất kể đã bao lần bầu trời đổ xụp xuống chúng ta."

D.H. Lawrence đã viết những dòng trên đây ở đầu cuốn *Người Tình Của Phu Nhân Bá Tước Chatterley*. Đó là tình cảnh của Constance Chatterley. Cuộc chiến tranh đã làm bầu trời đó sụp xuống đầu nàng. Nhưng rồi Constance hiểu rằng người ta vẫn phải sống và học hỏi mà sống. D.H. Lawrence đã mở đầu cuốn tiểu thuyết của ông như thế, và Võ Phiến, trong truyện dài *Nguyên Vẹn* đã kết thúc bằng những dòng làm người đọc nhớ nhiều đến thân phận của người phụ nữ 23 tuổi của D.H. Lawrence. Dung trong *Nguyên Vẹn* của Võ Phiến cũng ở khoảng tuổi của Constance khi Constance trở về Wragby Hall với thảm kịch của Clifford và nàng. Còn Dung thì cũng khởi đầu xây dựng lại tương lai sau khi bầu trời đổ ụp xuống đầu nàng, khi Triệu, người tình mà Dung vĩnh không gặp lại.

"Nàng sẽ nhớ Triệu mãi mãi, chắc thế. Nhưng đời nàng như một cái nhụy hoa, một cái nhụy cái lơ phơ trong gió... Rồi ngày kia... một con ong... biết đâu... sẽ gây cơ hội kết trái. Con ong nào? Nàng rùng mình nhắm mắt. Nàng có cảm tưởng mình phồng lên, nhè nhẹ phồng lên, căng lên như một cánh buồm trong nắng gió, nàng choáng ngợp... "Chao ôi, anh Triệu: em nhớ, em nhớ anh, nhớ con ong bập vụng về làm rụng những cánh hoa móng bò. Chao ôi, em nhớ con ong..."

Câu chuyện bắt đầu trong những ngày đầu năm 1975. Dung, một

nữ sinh viên trường đại học Văn Khoa Sài Gòn có người yêu tên là Triệu đang học những tháng cuối của khóa cao học hành chánh. Dung còn có một người anh tên là Thu sĩ quan hải quân trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Người sĩ quan hải quân này có người yêu là Nguyện, bạn học ở Văn Khoa với Dung. Cuộc chiến tranh đang đi vào những ngày cuối cùng. Những thành phố ở miền Trung, ở cao nguyên lần lượt thất thủ, một số người chạy vào Sài Gòn lánh nạn. Triệu ra trường được bổ ra Vũng Tầu thì sau đó không lâu, giao tranh lan xuống Xuân Lộc. Đường đi Vũng Tầu bị đe dọa, liên lạc giữa Dung và Triệu bắt đầu trở nên quá mong manh. Liên lạc ấy bỗng trở nên tùy thuộc vào con đường hơn 100 cây số chạy qua Long Thành, Bà Rịa. Triệu và Dung gặp lại nhau ở Sài Gòn giữa lúc thành phố bắt đầu sống những ngày hoảng hốt và người ta nói tới việc bỏ chạy ra ngoại quốc. Triệu có một lựa chọn dứt khoát về việc đi hay ở, nhưng vẫn chưa tìm ra được một lối giải quyết nào để mọi người liên hệ cùng ra đi trong nguyên vẹn. Thu lênh đênh trên song rạch ở Cà Mau. Mẹ của Dung chắc sẽ không đi nếu không có Thu đi cùng. Triệu thì muốn đưa Dung và mẹ ra Vũng Tầu để ra đi khi có dịp. Nguyện trốn gia đình ở lại để chờ Thu. Mọi người cũng chờ Thu. Rốt cuộc rồi Dung lên đường theo gia đình một người bạn. Còn Nguyện, Thu và mẹ nàng cũng đi thoát trong một chuyến tầu khác. Họ bắt liên lạc lại được với nhau ở trại tị nạn. Trong khi đó, thì Dung vẫn bám vào một hy vọng cuối cùng rất mong manh là Triệu sẽ đi thoát. Nhưng rồi nỗi lo sợ cùng cực của Dung đã thành sự thật: Triệu không đi được.

"Dù ở đâu em vẫn mãi mãi là của anh, lúc nào em cũng là của anh. Em sẽ không thuộc về ai, về một ai khác cả. Em chỉ thuộc về... bơ vơ, buồn thảm. Em sẽ thuộc về quá khứ. Ở nơi xa, sau này mỗi lúc nghĩ đến em, anh sẽ như một người lâu lâu ngoái nhìn về cái quá khứ mốc meo của mình. Vậy thôi. Đủ rồi."

Nấn ná ở lại trại để chờ tin của Triệu mãi rồi Dung cũng phải rời trại đi một tiểu bang miền Trung Tây nước Mỹ, nơi mẹ nàng, Thu và Nguyện nay đã thành vợ chồng đã ra định cư trước. Dung cố hoà nhập vào đời sống mới mà lòng vẫn chưa rời khỏi những con đường ở một thành phố cũ:

"Dung vừa đọc thấy tờ báo địa phương cho hay buổi sáng, lúc 8 giờ hôm nay ở Sài Gòn cũng 82 độ F. Thật là một ngày lý tưởng, một ngày mà ở Minneapolis người ta có thể sống cùng cái độ ấm ở Sài Gòn, cái ngày mà da thịt máu huyết trong người kẻ ly hương cảm thấy sự thoải mái hoàn toàn như được trở về lại xứ sở. Thể chất được hưởng một cuộc hoàn hương, cuộc hoàn hương... tại chỗ".

Câu chuyện, do đó, khởi đi từ những căn nhà nhỏ, những con đường mưa ướt ở Sài Gòn, bên mái hiên hai người đứng trú mưa, buổi trưa trong bếp hai bàn tay chới với tìm nhau, những tiếng chuông, tiếng tụng kinh từ căn nhà bên cạnh, chuyến phà đi qua sông

về miền Tây, những cuộc gặp gỡ ở một thành phố, chuyển đi rời khỏi Việt Nam, những ngày chờ đợi trong những trại tạm cư rồi chuyển đi về một thành phố ở Bắc Mỹ. Những nơi chốn đó vẫn nối kết nhau lại thành những chuỗi hình ảnh không rời nhau, và gắn liền vào đó là những nhân vật. Tất cả những thứ đó nối lại với nhau, dồn dập xô đẩy nhau và kéo theo sự chú ý của độc giả. Bởi thế nên với một cốt chuyện không có những khúc quanh bất ngờ của một dòng sông hung dữ, nhưng độc giả vẫn bị Võ Phiến giữ lại cho đến trang cuối của cuốn sách ông mới buông tay.

Võ Phiến, trong truyện dài *Nguyên Vẹn*, đã sử dụng tuyệt vời kỹ thuật viết tiểu thuyết của ông. Ông xếp một số những hình ảnh tưởng như không liên quan với nhau để tạo một tình cảm bâng khuâng, mệt mỏi, lạc lõng, bơ vơ:

"... Chỉ có trời bát ngát, nước mênh mông, với gió lồng lộng. Và dăm ba con hải Âu bay ngược chiều gió, dật dờ, như mấy ý tưởng rời rạc, khi dứt khi nối, loáng thoáng trong cơn thảng thốt loạn ly."

Trong *Nguyên Vẹn*, người ta đọc được những đoạn tả tình hết sức gợi cảm. Đọc những đoạn đó, người ta không thể không nhớ tới Yasunari Kawabata ở những đoạn nhà văn Nhật Bản này tả mầu da, những cánh tay, những tay khép hờ hững của những thiếu nữ nằm ngủ trong cuốn *Người Đẹp Trong Khuê Phòng*. Võ Phiến đã viết những trang rất gợi dục, nhưng lại rất kín đáo, đồng thời cũng lại rất mạnh như những trang ông viết cảnh Triệu và Dung nắm tay nhau trong gian bếp vào một buổi trưa. Ông tả những ngón tay, mầu cánh tay của Dung, tiếng ậm ừ trong miệng lúc hai người gọi nhau. Nguyên Vẹn là một câu chuyện bi thảm. Tất cả mọi nhân vật trong cuốn tiểu thuyết này đều là những thảm kịch nhỏ. Dung, Triệu, Nguyện, Thu, Lan, Triêm, Trung tá Du thân sinh ra Dung tất cả đều mang trên vai những thảm kịch. Nhưng dưới ngòi bút của Võ Phiến, độc giả vẫn thấy được nét giễu cợt cố hữu của ông. Vẫn thấy cái cười đôi khi độc ác của ông như trong một số tùy bút mà ông đã rất thành công trong thể văn này. Một nhà phê bình đã gọi Võ Phiến là một nhà văn bi quan. Theo nhà phê bình này, thái độ bi quan đã khiến ông cười cợt với cả những cái trớ trêu, tàn nhẫn của số mệnh. Sự đau đớn đã bị vượt qua. Thái độ cười cợt đó của Võ Phiến là dấu hiệu của sự đau khổ cùng cực. Đó là dấu hiệu của cái đắng mà ông ngậm và cái cay mà ông phải cố nuốt cho xuống.

Võ Phiến khởi viết cuốn *Nguyên Vẹn* năm 1976 tại Minneapolis và hoàn tất tháng 9 năm 1977 tại Santa Monica, tiểu bang California, Cuốn truyện này được in chung với một tiểu thuyết khác của Võ Phiến, cuốn *Đàn Ông* viết năm 1968 vào thành một tập nhan đề *Tiểu Thuyết Tập 2*.

BÙI BẢO TRÚC

(Phát thanh trên đài VOA ngày 17-7-88)

Làm đẹp chữ Việt

"Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời..." Tình ca - Phạm Duy

Ngô Ngọc Mỹ và Nguyễn Đạt (Canada)

B ài này chúng tôi muốn góp ý với tác giả Nguyễn Tấn Hưng về kỹ thuật làm đẹp chữ Việt qua máy điện toán cá nhân (Bài tựa đề Muà Xuân Này Ta Nên Làm Đẹp, Văn Học số 26, 1988). Chúng tôi cố gắng xử dụng tiếng Việt càng nhiều càng tốt những danh từ kỹ thuật điện toán. Trước khi vô đề tài làm mẫu chữ Việt qua máy điện toán, chúng tôi xin trình bày sơ lược về máy điện toán cá nhân (personal computer).

Đại cương các hệ thống điện toán cá nhân chính hiện nay

Hiện nay trên thị trường có hai hệ thống máy điện toán cá nhân phổ biến nhất:

1) Hệ thống IBM (hay loại IBM tương đồng-compatible) dùng cục chân rết (chip) căn bản của hãng Intel (8086,8088 80286 hay 80386). Hệ thống hoạt động(Operating System) phổ thông là IBM-DOS hay MS-DOS (IBM hoặc Microsoft Operating System). Khi dùng IBM và MS-DOS , chúng ta phải nhớ các hiệu lệnh thật chính xác, và ra lệnh cho máy bằng chữ hay số trên bàn chữ (keyboard). Loại hệ thống mới OS-2 hay PS-2 (Operation /2 hay Personal /2) chưa được phổ biến mấy nhưng theo các nhà chuyên môn thì hệ thống này sẽ là tiêu chuẩn cho thập niên sắp

tới, vì đặc tính đa nhiệm (multi-tasking) có thể làm nhiều công việc một lúc, trong môi trường sử dụng đồng thời nhiều máy điện toán cá nhân tương lai gần đây.

2) Hệ thống Apple dùng cục chân rết căn bản hiệu Motorola 68000 hay 68020 và gần đây là loại 68030 . Hệ thống hoạt động dùng Macintosh System Finder do công ty Apple sáng chế bằng bản quyền của Xerox. Hệ thống này khác hẳn IBM và dùng phương pháp nhận diện (interface) trên màn ảnh bằng một con chuột (mouse) di chuyển với mũi tên trên màn ảnh tới những biểu tượng (icons) mà mình muốn.

Chọn loại máy nào thích hợp cho chữ Việt ?

Như trên đã thấy, hai loại máy khác nhau căn bản ở phương pháp chế tạo (design) cục chân rết. Cục chân rết Intel của IBM có khả năng nhớ cao nhưng khả năng trao đổi tin tức thấp và chậm. Ngược lại cục chân rết Motorola của máy MacIntosh có khả năng nhớ thấp nhưng khả năng trao đổi tin tức cực nhanh.

Hệ thống hoạt động của IBM đã được phổ thông hóa và cấu trúc máy được công bố nên rất thông dụng trong giới thương mại và kỹ nghệ. MacIntosh thì giữ bí mật kỹ thuật chế tạo và kiểm soát chặt chẽ vấn đề bản quyền nên ít ai chế giả được và không phổ thông lắm trên thị trường.

Lý do chọn máy Macintosh cho việc làm bộ chữ Việt

1) Lý do kỹ thuật tạo hình (graphic): Hệ thống hoạt động Macintosh rất tiện lợi về phương diện hình vẽ .Cấu trúc đèn hình (CRT) đặc biệt của Macintosh khiến cho chữ hiện ra đẹp và y như khi in ra (gọi là WYSIWYG - What You See Is What You Get), trong khi IBM phải dùng các bộ phận đặc biệt (boards) và các đèn hình cấp cao đắt tiền mới đạt được trình độ này (tối thiểu là EGA hay VGA). Có một điều là Macintosh trước đây không có mầu. Gần đây, Apple mới mang ra thị trường loại máy mới nhất Macintosh II có mầu và rất mạnh, có thể dùng cả trong lãnh vực kỹ nghệ hoạ và kiến trúc (CAD). Với kỹ thuật graphics thật cao, chúng ta có thể dùng nhiều chương trình ứng dụng để họa ra các dấu tiếng Việt một cách khá dễ dàng. Về cấu trúc máy, lý do quan trọng nhất là Macintosh sử dụng cục chân rết Motorola loại 68000 có ưu thế về trao đổi tin tức nội bộ nhanh gấp 5 lần các loại tương đương là Intel 8088. Trong khi làm chữ và đổi kiểu chữ, chúng

ta cần loại máy chạy càng nhanh càng tốt.

Trong phạm vi bài này, chúng tôi xin mạn phép đi sâu một chút vào chi tiết kỹ thuật cho việc ấn hành một tờ báo qua kỹ thuật DTP(desktop publishing).

2) Lý do kỹ thuật nghề nghiệp: Nếu bạn đã từng làm báo tài tử thì bạn sẽ thấy được nỗi khổ của việc dán và làm trang báo (layout và paste up). Và nếu bạn đã biết nỗi khổ đó thì chắc bạn sẽ yêu nghề làm báo trở lại khi biết về cách làm một tờ báo bằng máy điện toán cá nhân. Với máy điện toán, bạn có thể làm nguyên tờ báo từ giai đoạn viết bài đến khi ra bản" master": "lay out" bài vở trong máy cũng như sắp xếp các mẫu quảng cáo một cách thật tiện lợi và nhanh chóng hoàn toàn trong bộ nhớ của máy.Ngoài ra, bạn có thể làm thử nguyên tờ báo hay cuốn sách trước rồi khi nào vừa ý sẽ in ra bản vỗ (tiếng trong nghề gọi khả năng này là khả năng "what if". Ví dụ như tờ Văn Học mà bạn đang đọc, người phụ trách làm trang sau khi sắp xếp cho thành nguyên tờ báo trên máy. Nhân viên phụ trách về nghệ thuật (art director) sẽ kiểm soát lại mọi khía cạnh về nghệ thuật trên màn ảnh máy của mình từ màu sắc cho đến bố cục. Sau khi tất cả đều đồng ý, ta sẽ dùng một chương trình ứng dụng tự động phân màu thành bốn màu căn bản. Trường hợp" art director" không đồng ý về màu sắc, ta có thể hoà màu lại bằng kỹ thuật" blending" chẳng hạn, cũng hoàn toàn tự động trên màn ảnh.

Trường hợp một tác giả muốn in ra bản nhạc của mình thì tác giả đó chỉ việc đánh bài đàn trên key board MIDI, bài đánh sẽ được ghi âm tự động trên màn ảnh và cũng tự động in ra bài nhạc bằng một chương trình ứng dụng cho việc này. Trước đây, muốn viết một bản nhạc thường phải viết bằng tay và rất công phu.

Trong những ngày đầu của máy điện toán cá nhân (vào cuối thập niên 70), tốc độ máy rất chậm. Bạn có thể đi ăn cơm sau khi đã bấm một hiệu lệnh vì máy chạy rất lâu. Gần đây, với nền kỹ thuật điện tử tiến bộ nhanh chóng, việc chờ đợi này đã giảm bớt rất nhiều. Riêng Macintosh, hệ thống sử dụng con chuột đã làm mọi việc nhanh gấp bội. (IBM cũng có con chuột, nhưng không nhanh bằng MacIntosh). Khi làm trang , bạn cần một tốc độ rất nhanh để chuyển tin và tồn trữ dữ kiện trong máy. Khi dùng cho việc vẽ hình, bạn phải cần tốc độ nhanh thì mới đỡ thì giờ.

Trên đây là những ưu và khuyết điểm của hệ thống

Macintosh và IBM trong việc làm chữ Việt và làm báo, qua sách vở cũng như qua kinh nghiệm làm tờ Thời Báo ở vùng Toronto, Canada. Bộ chữ này cũng được dùng cho việc trình bầy tạp chí Phổ Thông (Canada).

Phần dưới đây chúng tôi sẽ trình bầy cách làm bộ chữ Việt trên máy Macintosh. Riêng về phần chữ Việt trên máy IBM, bạn có thể theo dõi bài của tác giả Nguyễn Tiến Hưng thuộc phòng nghiên cứu Bell đăng trên Văn Học số 26 hoặc theo cẩm nang của VNI hay VN WORD.

Tạo chữ như thế nào?

Khi làm chữ (font) có hai vấn đề cần đặt ra : Thứ nhất là loại chữ (font family), thứ hai là việc sắp đặt lại và chỉ định vị trí chữ trên bàn chữ (allocation).

1) Tạo loại chữ (design): Việc tạo loại chữ là giai đoạn phức tạp nhất đối với các loại chữ không thuộc hệ thống mẫu tự la tinh (a,b,c..) như chữ tầu, chữ ả rập. Hiện nay, Macintosh đã có nhiều bộ chữ như Tầu, Nhật, Ấn, Ả rập, Tây Tạng, Thái Lan, Do thái (Hebrew) và cả chữ Lào. Chữ Việt có lẽ tại vì đa số người tự nạn mình "thông minh vốn sẵn tư trời" ai muốn làm đều tự làm lấy cả nên không ai bán. Trong danh mục của Linguistics Softwares có đến 75 bộ chữ các nước , nhưng chữ Việt thì ta phải kiếm ở trong hệ thống tiệm cung cấp shareware hay freeware miễn phí hoặc qua các trung tâm tồn trữ dữ kiện (database) có thể thuê bao qua đường điện thoại. Riêng bộ tiếng Việt ngoài nhóm Thời Báo thực hiện, còn có nhiều bộ khác do các tờ báo khác, các chuyên viên điện toán Việt nam làm ra . Chẳng hạn tại Canada chúng ta thấy có bộ chữ do nhóm Liên Hội Việt Kiều tại Ottawa thực hiện . Tại Mỹ có bộ chữ của tạp chí Quân Đội, Hướng Mới.v.v.. Việc này cho thấy tài năng của chuyên gia điện toán Việt Nam cũng không thua kém ai trong việc chế tạo chữ với cố gắng phổ thông hoá việc làm đẹp chữ Việt.

Khi tạo chữ Việt, chúng ta không phải cực nhọc như các ngôn ngữ khác, vì bộ chữ Việt đã có hầu hết các mẫu tự la tinh. Chỉ phải vẽ thêm các loại dấu kép và thêm các chữ đ,ư,ơ. Có nhiều chương trình ứng dụng dùng cho việc làm bộ chữ như Fontastic, Fontographer, Mac Transliterator hay Font Editor...chẳng hạn

Khi họa kiểu dấu, ta có thể làm to, nhỏ, và xê dịch cao thấp, phải trái tùy ý. Khi nào ưng ý, ta có thể chỉ định cho nó một

ô trong bộ nhớ tương ứng với một nút đánh trên bàn chữ . Ta có tổng cộng 256 ô trong bộ nhớ theo tiêu chuẩn căn bản ASCII (American Standard Code for Information Interchange). Phần họa kiểu tốn thì giờ nhất. Các chuyên gia đã tính toán là với một bộ chữ một kiểu mà thôi bạn phải tốn cỡ 59 phút cho 24 chữ cái. Nhưng khi làm chữ Việt, con số mẫu tự phải làm là 134 chữ (xin đọc bài của Nguyễn Tấn Hưng đã dẫn). Con số 59 phút là cho các chuyên viên lành nghề. Đối với những người không kinh nghiệm, chắc chắn phải tốn nhiều thì giờ hơn nữa.

Trường hợp ta muốn họa một loại chữ đặc biệt như kiểu chữ viết tay Việt Nam chẳng hạn, bạn phải vẽ lớn ở ngoài rồi dùng một máy chụp (scanner) để chuyển hình thành những tín hiệu điện chạy vào máy. Sau đó ta dùng các chữ đã chụp này như là một bản vẽ mẫu (template) để vẽ lại và giữ trong máy.

Về cách họa kiểu chữ, cả hai IBM và Macintosh đều giống nhau, chỉ khác là nhanh chậm mà thôi. Và dĩ nhiên là cho loại IBM, bạn phải dùng đèn hình cấp cao như EGA hay VGA thì mới thấy rõ.

2)Chỉ định vị trí cho chữ: Việc chỉ định vị trí cho chữ do phần nhớ có sẵn (ROM-Read Only Memory) ấn định. Vì vậy khi mua bộ chữ Việt dùng cho máy IBM, thường các nhà viết chương trình bắt bạn thay bộ ROM của máy bằng bộ ROM của họ (nếu bạn không có EGA hay loại bộ nhớ tương đương 80286)Trong máy điện toán của bạn, các nhà chế tạo đã viết sẵn vào những hiệu lệnh chỉ định vị trí của chữ và dấu trên bàn chữ. Vì vậy nhà viết chương trình phải viết một ROM khác có những hiệu lệnh cho bộ chữ Việt. Bộ nhớ của máy điện toán, nói một cách giản dị, như là một cái tủ có nhiều ngăn vậy, mỗi ngăn chứa một dữ kiện. Việc mang hồ sơ vào tủ cất quy định bằng tín hiệu điện toán gọi là tín hiệu hệ thống lưỡng số (binary), chỉ dùng số 1 và 0.

Với máy Macintosh, có chương trình ứng dụng vừa có phần mẫu chữ (fonts) và phần chỉ định chữ. Những loại thông dụng là Fonstatic, Fontography hay Font Editor, hoặc giá vừa phải là Mackeymeleon của Avenue Software Inc.

3) Sử dụng phần mềm ứng dụng làm trang: Sau khi làm ra bộ chữ và ta đã có bài viết tiếng Việt (text file). Lúc này bạn phải dùng một chương trình ứng dụng để làm trang bài (lay out). Phần mềm ứng dụng thường có hai loại, nếu làm sách nhiều và ít trang, bạn nên dùng Ventura,nhưng hiện nay Ventura chỉ viết

cho IBM, còn với Macintosh bạn có thể dùng Ready, Set, Go 4.0. Nếu làm nhiều trang thì nên dùng Pagemaker, Scoop, Ready Set Go... Hiện thị trường nới có ấn bản mới của Ready Set Go rất khá cho việc làm trang.

Trong tương lai gần đây, với IBM-OS/2 và MacII có khả năng nhớ của RAM (Random Access Memory) từ 2 MB đến 16 MBcó thể tăng lên đến 2GB (2 ngàn MB) sẽ có những chương trình ứng dụng tổng hợp (integrated softwares) dùng làm mọi việc trong một chương trình ứng dụng duy nhất. Vừa viết chữ, vừa làm trang, vừa vẽ hình...

Vì lý do những chương trình trong tương lai gần sẽ phải cần bộ nhớ có khả năng cao cho nên khi mua máy để dùng đánh chữ Việt, bạn nên xem coi loại máy đó có khả năng nhớ tăng thêm được nữa không?- tối thiểu là 1MB trở lên. Người ta dự trù các chương trình tương lai cần có khi đến 16MB, nhất là về graphics hay engineering. Ngay hiện nay, loại chương trình dùng vẽ ảnh Image Studio của Lettraset cho biết cần tối thiểu là 1MB cho RAM và 1 đĩa cứng (hard disk). Ngoài ra, chỉ 1 trang graphics thôi có khi bạn cần tới 2 MB rồi, nhất là nếu hình vẽ bằng màu.

Trên đây là vài kinh nghiệm làm đẹp chữ Việt mà chúng tôi đã thâu thập được vì cái duyên văn nghệ và báo chí. Quí vị cao minh có ý kiến thêm xin chỉ giáo, để chữ Việt được viết ra trong mọi gia đình Việt nam tỵ nạn sẽ đẹp và trường tồn nơi xứ lạ quê người.

Ngô Ngọc Mỹ
Nguyễn Đạt
Canada Tháng 4-88

Bùi Ngọc Đường

Nhật Tiến: Một khuynh hướng sáng tác mới trong Văn học Việt Nam hải ngoại

Lời Toà soạn: Trong một số truyện ngắn nhà văn Nhật Tiến viết gần đây, ông thường chú ý đến tâm trạng của giới trẻ sống và trưởng thành trong 13 năm dưới chế độ cộng sản sau ngày VNCH sụp đổ, cũng như tâm trạng của một số đồng bào Miền Bắc hiện sống tại Việt Nam hay đã tị nạn và định cư tại hải ngoại. Các truyện ngắn ấy lấy nguồn từ thực tế đang xảy ra tại Việt Nam, và kinh nghiệm bản thân của tác giả trong thời gian tiếp xúc với những đồng bào Miền Bắc khi ông còn kẹt lại Việt Nam trước ngày vượt biển tị nạn.

Một số bạn đọc có sẵn mô thức sẵn có về những người sống dưới chế độ cộng sản từ thời trước đã lên tiếng phê phán nhà văn Nhật Tiến, cho rằng những nhân vật ông mô tả không thể "người" như vậy. Cũng có nhiều người từng sống ở Việt Nam sau 1975 đồng ý với lối nhìn của nhà văn Nhật Tiến.

Văn Học xin đăng tải bài nhận định công phu dưới đây của anh Bùi Ngọc Đường, để bạn đọc tiện nhận định theo sự khách quan của mình.

TỪ TINH THẦN NHÂN BẢN ĐẾN Ý THỨC DÂN TỘC

Nhà văn Nhật Tiến không xa lạ gì với quần chúng độc giả Việt Nam cũng như với sinh hoạt văn học Việt Nam từ thập niên '60 trở về sau. Ông có nhiều tác phẩm rất được mến chuộng mà trong đó, *Thềm Hoang* đã được giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc năm 1961. Ông cũng đã từng là Phó Chủ Tịch Văn Bút Việt Nam từ 1968 đến tháng 4 - 1975.

Tuy vậy, những suy nghĩ và nhận thức được lồng vào trong những truyện ngắn của ông trong những năm gần đây quả thật rất lạ nếu so với những suy nghĩ và nhận thức bình thường rất phổ biến hiện nay trong quần chúng cũng như ngay cả trong giới cầm bút.

Trước tiên, những tác phẩm gần đây của Ông đã phá vỡ sự im lặng và quên lãng của văn học miền Nam trong suốt 20 năm chia cắt đối với xã hội miền Bắc khi ngòi bút của ông hướng về những cảnh đời tối tăm, những tâm lý phản kháng, những mơ ước tự do và nhân bản của đồng bào miền Bắc trước đây và tại miền Nam sau này, bao gồm cả tầng lớp cán bộ và bộ đội trong một chế độ tàn bạo, phi nhân của Cộng sản;

Tiếp đến, như Thi Vũ Võ Văn Ái của tạp chí Quê Mẹ ở Paris đã nhận định một cách sâu sắc về giá trị truyện ngắn *Cánh Cửa* của Nhật Tiến như là một *"ý thức vượt Cộng... hé một lối ra, làm bước ngoặt cho thế chủ bại chuyển sang thế công hảm"* khi một nhân vật chính của truyện ngắn này - Trường - một người tù cải tạo đã cải tạo lại được tên Cộng sản công an đang có trách nhiệm cải tạo Trường bằng chính những suy nghĩ, nhận thức mới của chàng.

Nhưng đặc biệt nhất chính là Nhật Tiến đã ý thức và có dụng tâm thể hiện qua các truyện ngắn của Ông sự thất bại chủ yếu của Cộng sản trong việc tiêu diệt nhân tính của con người. Gần ba phần tư thế kỷ sau khi thiết lập được chế độ Cộng sản đầu tiên tại Nga, hơn nửa thế kỷ thiết lập chế độ Cộng sản tại miền Bắc và tiếp đến tại miền Nam ở Việt Nam, với tất cả những thủ đoạn, phương pháp tinh vi, khoa học và tàn bạo, Cộng sản tuy đã thành công trên mặt quân sự nhưng đã hoàn toàn thất bại trong việc hủy triệt nhân tính và những ước mơ nhân bản của con người trong chế độ Cộng sản kể cả những cán bộ và bộ đội. Đây chính là nguồn gốc sẽ đưa đến sự thất bại tất yếu của chủ nghĩa và chế độ Cộng sản. Càng lúc chính trường trên thế giới càng cho thấy rằng Cộng sản đã không bị áp đảo bởi sức mạnh quân sự mà lại bị khuất phục trước những đòi hỏi và ước mơ nhân bản chính đáng của con người ngay chính trong lòng xã hội của họ.

Các truyện ngắn của nhà văn Nhật Tiến, đặc biệt là những truyện : *Những Vết Chân Trâu, Người Tù Cuối Năm, Chiếc Áo Tay Vàng, Cánh Cửa, Những Sự Thực Cần Được Nói Ra*...đã cho thấy những ước mơ hòa bình, tự do, công bằng, nhân đạo, nhân quyền và no ấm ... như là những chất cường toan đang xoi mòn, phá hủy nền tảng của chủ nghĩa và chế độ Cộng sản vốn được xây dựng trên chiến tranh và bạo lực, trên độc tài và trấn áp, trên căm thù và nghèo đói... nói chung, trên sự tiêu diệt nhân tính và những giá trị nhân bản.

Từ tinh thần nhân bản, nội dung các truyện ngắn và những bài viết kêu gọi gần đây của nhà văn Nhật Tiến đã gợi ý cho những

độc giả của ông nghĩ đến một thế chống Cộng mới, không còn là cái thế **đương đầu bình đẳng** giữa một bạo lực này với một bạo lực khác, giữa một thế lực phi dân tộc này với một thế lực phi dân tộc khác. Thế chống Cộng mới thể hiện đúng tinh thần, truyền thống và sách lược chống ngoại xâm rất hữu hiệu của tiền nhân chúng ta, đó là: *"Lấy chính nghĩa thắng hung tàn, đem chí nhân thay cường bạo"*. (Nguyễn Trãi: Bình Ngô Đại Cáo). Từ đó, cuộc chiến chống Cộng phải là một cuộc chiến giữa nhân bản và phi nhân, giữa dân tộc và phi dân tộc, giữa chính nghĩa và gian tà.

Nhưng nội dung nhân bản trong văn chương Nhật Tiến phát xuất từ đâu? Đó là bản chất của con người và văn chương của ông hay chỉ là một sự thay đổi lập trường để thích nghi với thời cuộc ?

Trong cuốn *Chân dung mười lăm nhà văn nhà thơ Việt Nam* nhà văn Mai Thảo đã dùng hình ảnh *"Nhật Tiến vẫn đứng ở ngoài nắng"* để nói lên con người, cá tánh và sinh hoạt của nhà văn Nhật Tiến. Mai Thảo đã giải thích bức *chân dung* đó như sau :

"...Sống và viết. Đi và thuyết trình. Đến và hội nghị. Trở lại và lên tiếng. Hai trăm trang bạch thư. Một trăm trang cáo trạng. Thơ nói sẽ trở về giòng sông xưa. Truyện kể những khốn cùng xã hội... Trước cái khuynh hướng muôn thuở của con người là sự kiếm tìm những tàn cây đầy bóng mát cho tâm hồn và đời sống, văn chương bây giờ của Nhật Tiến, những vận động, những lên tiếng không ngừng của Nhật Tiến cho thấy ông vẫn lựa chọn đứng ở đó. Ngoài nắng. Dưới nắng...

Hình ảnh *"Nhật Tiến vẫn còn đứng ngoài nắng"* tuy chỉ là một sự ví von của nhà văn Mai Thảo, nhưng đã tạo được một ấn tượng đặc thù, rõ nét về một con người không chấp nhận thái độ an phận, hưởng thụ trong đời sống cũng như không chấp nhận thái độ buông xuôi, ngoảnh mặt trước xã hội bất công, chiến tranh thảm khốc, tệ nạn hải tặc còn tiếp diễn.

Hiểu *"vẫn còn đứng ngoài nắng"* như thế sẽ thấy Nhật Tiến - ngay từ buổi đầu của văn nghiệp ông cho đến mãi sau này - đã liên tục lao mình vào những "cõi nắng" để lên tiếng, để chia xẻ

hoặc để phản đối: từ "cõi nắng" khốn cùng của những trẻ em bất hạnh (như trong *Những Người Áo Trắng, Chuyện Bé Phượng, Những Vì Sao Lạc...)* đến "cõi nắng" nghiệt ngã của những người dân vô tội sống trong một xã hội bất công, bị kẹt giữa một cuộc chiến triền miên, khốc liệt (như trong *Thềm Hoang, Giấc Ngủ Chập Chờn, Quê Nhà Yêu Dấu...);* Từ "cõi nắng" tang tóc của cuộc đổi đời bi thảm, dưới sự khống chế, kềm kẹp của một xã hội tàn bạo, phi nhân sau 30-4-1975 ở quê nhà (như trong *Tiếng Kèn, Một Thời Đang Qua)* đến "cõi nắng" dã man, tủi nhục trên biển Đông, tại những hòn đảo hẻo lánh, trong các trại tỵ nạn (như trong *Hải Tặc Trong Vịnh Thái Lan,* viết chung với Dương Phục và Vũ Thanh Thủy).

"Nhật Tiến vẫn còn đứng ngoài nắng" là một cách nói của một nhà văn giàu hình ảnh như Mai Thảo. Nói giản dị hơn, hầu hết văn nghiệp của Nhật Tiến - từ truyện ngắn đến truyện dài, từ thơ đến kịch - đều nhằm trình bày để tố cáo một tình trạng xã hội, đều mang một nội dung nhân bản khởi đi từ lòng xót xa của ông trước những cảnh khốn cùng của xã hội với ước mơ chuyển hóa nó. Ngòi bút của ông, do đó, đã trở thành một thứ vũ khí. Văn nghiệp của ông, do đó, đã là một thiên chức. Sáng tác, do đó, là một nỗ lực trường kỳ của người cầm bút nhằm chuyển hóa xã hội tốt đẹp hơn chứ không phải chỉ là một thứ " nghệ thuật vị nghệ thuật". Trong toàn bộ văn chương của Nhật Tiến đã không có chỗ cho thứ văn chương ủy mị, viễn vông, thù tạc, giải trí.

Trong phần giới thiệu nhân dịp phát hành tác phẩm *Một Thời Đang Qua* của Nhật Tiến do tạp chí Xác Định, Hội Văn Hóa Việt Nam tại Bắc Mỹ và Tủ sách Cành Nam xuất bản, Ông Nguyễn Ngọc Bích đã nhận định: *"Ở anh nổi bật lên những đức tính như một lòng thương xót bao la dành cho những kẻ xấu số trong xã hội, một con mắt thật tinh đời nhưng không ác ý, một trái tim ôn hòa nhưng không phải không biết phẫn nộ, một con người thuần túy dành cho giáo dục (kể cả giáo dục có bề ngoài hình thức như ở trong học đường lẫn giáo dục tưởng như không có hình thức như báo chí, tiểu thuyết, truyền thanh, truyền hình...)* (Một

Thời Đang Qua, trang II)

Hai trong những điều kiện căn bản để có thể trở thành một nhà văn là khả năng nhận xét và khả năng diễn đạt bằng ngòi bút. Nhưng ở nhà văn Nhật Tiến, người đọc còn tìm thấy nơi ông sự xúc động chân thành trước những cảnh khốn cùng, tăm tối của xã hội và sự sôi nổi nhiệt tình để cảm thấy có trách nhiệm tố cáo và chuyển hóa nó. Nói cách khác, tinh thần nhân bản đã là một đặc tính nổi bật trong văn chương Nhật Tiến từ trước đến sau, dù có lúc được gọi là *"lòng thương xót bao la dành cho những kẻ xấu số trong xã hội"* hoặc có khi được ví von qua hình ảnh *"vẫn còn đứng ngoài nắng"* để tố giác chống lại sự bất công (trước 1975) và tội ác (sau 1975) hoặc được nhận định như là một *"ý thức vượt Cộng..."* hoặc, một cách tổng quát, như nhà văn Võ Phiến đã nhận định những tác phẩm của Nhật Tiến là *"những cuốn truyện đầy lòng nhân ái"*

Với tinh thần nhân bản: yêu chuộng công bằng và tự do, yêu chuộng độc lập và hòa bình, rất nhạy cảm và xúc động trước những khốn cùng của xã hội, nhà văn Nhật Tiến hướng ngòi bút của ông đến những cảnh đời lầm than, đen tối của con người ở xã hội miền Bắc cũng tự nhiên như ông đã hướng cái nhìn đến những em bé bụi đời, những người dân bất hạnh trong cuộc chiến trước đây ở miền Nam. Tuy nhiên, cái nhìn và sự nhận thức của ông không những chỉ phát xuất từ tinh thần nhân bản trong con người và văn chương của ông mà còn bắt nguồn từ **ý thức dân tộc.** Chính điều này đã khiến cho tinh thần nhân bản không còn là lòng thương người chung chung, không còn là lòng yêu chuộng công bằng, tự do, độc lập, hòa bình vô ý thức.

Ông hướng về miền Bắc không phải chỉ vì đó là miền đất của ngục tù, của bất công và áp bức mà trước hết, vì đó là một nửa của Tổ quốc; Ông viết về những người dân miền Bắc không phải chỉ vì cảnh đời lam lũ, nhục nhằn, tăm tối của họ mà trước hết, vì đó là đồng bào. Niềm thao thức của Trường trong truyện ngắn *Cánh Cửa* đã biểu lộ sự chuyển mình thức tỉnh của ý thức dân tộc vốn đã chìm khuất từ lâu trong đời sống ngoài xã hội cũng như

trong văn chương miền Nam: *"Bao nhiêu ngày bị giam hảm ở đây, chưa bao giờ Trường nhớ lại được ra rằng quê hương Việt Nam từ ngàn xưa vẫn trải dài từ Nam Quan cho đến Cà Mâu. Cơn sụp đổ phủ phàng của đất nước đóng khung sự suy nghĩ của chàng vẫn ở cái thời điểm mà đất nước bị chia cắt. Bên này và bên kia. Bên này sụp đổ. Bên kia xâm lược, chiến thắng. Ước mơ của chàng về sự giải phóng đất nước, nếu có thì chỉ là sự giải phóng một miền Nam, khôi phục lại vùng đất cũ chứ chưa bao giờ chàng nghĩ đến một dải giang sơn trải dài từ Bắc xuống Nam cùng chung sống trong một vận hội mới..."*

Trong một truyện ngắn khác, Nhật Tiến phơi bày thảm cảnh tang tóc, chia lìa của chiến tranh đã phủ lên đầu người dân miền Bắc suốt ba thế hệ. Bà Cụ Tám đã ba lần quàng cái túi bùa lên cổ chồng, con và cháu nội mỗi khi tiễn họ ra chiến trường. Chồng và đứa con trai của bà đã ra đi vĩnh viễn. Riêng đứa cháu nội, sau khi cúi thấp đầu xuống - như ông nội và bố của nó đã từng cúi xuống - để cho bà quàng vào cái túi bùa chứa đựng cả tấm lòng yêu thương, lo lắng và cầu nguyện của bà, nó đã thầm thì qua tai bà: *"Cháu không biết đến bao giờ mới trở lại được với bà. Nhưng cháu tin chắc rằng đến đời của cháu sẽ là đời cuối cùng mà bà phải trông cậy vào cái túi bùa của Ba Cô. Phải như thế không bà ?"* Phải hay không phải thì bà cũng không cần đến cái túi bùa nữa vì đứa cháu nội này là mối liên hệ huyết thống, giòng tộc duy nhất còn lại của bà trên cõi đời. Nó ra đi là hết. Bà Cụ Tám, quả thật tiêu biểu cho một thế hệ đàn bà một đời khốn khổ, bất hạnh, sống trong tang tóc, chia lìa. Mà không riêng gì một thế hệ đàn bà, cả cái xã hội miền Bắc Cộng sản đều chịu chung thảm cảnh đó. Nhưng nhà văn Nhật Tiến đã không phải chỉ muốn nêu lên thảm cảnh đó; Cũng không phải chỉ muốn nhân đó để tố cáo chủ trương chiến tranh xâm lăng của Cộng sản. Điều ông muốn lồng vào câu chuyện này là tâm lý phản kháng của một thế hệ mới đã thành hình ngay trong lòng xã hội miền Bắc. Bà Cụ Tám, vì quá đau khổ và xúc động nên không thể nào hiểu ý nghĩa lời thầm thì của Hải, cháu bà, khi nó nói rằng đời của nó sẽ là đời cuối cùng

mà bà phải trông cậy đến cái túi bùa. Hải đang nói lên tiếng nói của thế hệ nó, một thế hệ đã có ý thức phản kháng. Chính cái hôm nghe danh sách có tên đi nghĩa vụ quân sự qua Kampuchia, Hải và lũ bạn đã tụ tập bàn tán. Một đứa nói: *"Kampuchia là cái xứ chó chết nào ? Tại sao mình lại phải đi đánh nhau ở đó ?"* Một đứa khác mỉa mai : *"Xứ nào thì xứ, vấn đề ở chỗ là chiến tranh đã trở thành nghề của các cấp lãnh đạo ta. Tao tự hỏi nếu không tiến hành chiến tranh thì các ông ấy chẳng biết sẽ phải làm gì."* Và Hải đã tự nhiên nổi giận. Nó văng tục và nói : *"...Tuổi trẻ của tao phải khác với tuổi trẻ của ông nội tao, của bố tao. Tao không muốn tiếp tục trở thành những quân cờ, những quân chốt thí muôn năm hết đời này qua đời khác..."*. Sau đó, Hải cũng lên đường. Nhưng trong tim nó đã sáng lên một lối thoát phát xuất từ lời nói của một đứa bạn : *"Từ Kampuchia vượt qua Thái Lan không xa lắm đâu. Nhiều lắm là hai ngày băng rừng..."* (Truyện ngắn *Cái Túi Bùa* trong tác phẩm *Một Thời Đang Qua* tr. 110)

Thế hệ mới với những tâm lý và ý thức phản kháng như Hải cũng bao gồm một số khá lớn trong thành phần sinh viên, học sinh đang đi học bị Đảng và nhà nước đưa vào chiến trường miền Nam và sau đó sang chiến trường Kampuchia. Sau tháng 4 - 1975, họ đã có dịp chứng kiến, tìm hiểu sự thực trong đời sống và xã hội miền Nam để thấy rằng hoàn toàn khác với những gì họ được tuyên truyền khi còn ở ngoài Bắc. Miền Nam tàn tạ, sụp đổ vẫn còn là một thiên đường mơ ước của họ. Không phải chỉ vì đời sống của người dân trong Nam và cơ sở vật chất của xã hội miền Nam cao và phồn thịnh hơn miền Bắc. Mà chính vì không khí tự do, đời sống tự do của miền Nam cũng như tâm tình phóng khoáng cởi mở của người miền Nam, dù đang trong cơn hấp hối và sắp bị hủy diệt, vẫn còn sức thu hút và đánh thức những ước vọng nhân bản trong con người họ. Ước vọng của họ thật giản dị và rất-là-người : thôi chém giết, được tiếp tục học hành và nhất là được trở về gần gủi với mẹ già và mấy đứa em nhỏ, với những mái tranh nghèo nàn nhưng thanh bình và ấm cúng. Ước vọng giản dị như thế vẫn không thành, họ còn bị bắt

buộc phải chiến đấu trên một chiến trường xa lạ như Kampuchia. Họ *"không thấy mảy may liên hệ gì đến phần đất này. Không hiểu biết. Không gắn bó. Không ràng buộc. Không thấy cả cái lý do mà mình phải đổ mồ hôi và xương máu xuống đó."* Họ chỉ thấy một điều duy nhất là rõ ràng tương lai và cuộc đời của họ sẽ bị hủy diệt tại đó. Không còn sự lựa chọn nào khác, họ phải đào ngũ. Như Hùng và một người bạn chưa kịp biết tên của Hùng và ít ra là hơn mười trường hợp khác trong đơn vị của Hùng. Lựa chọn đào ngũ dưới chế độ Cộng sản là chấp nhận một cuộc sống mới cũng nguy hiểm và đen tối không kém : tù đày, bất hợp pháp, sống chui rúc và ngay cả chết chóc. Nhưng có điều khác là cuộc sống nguy hiểm và đen tối đó có lý do chính đáng và cao quý của nó. Chết ở một góc rừng hay một xó xỉnh vô danh nào đó ở Kampuchia không thể nào so sánh được với cái chết trên con đường chiến đấu cho những ước vọng nhân bản của chính mình. (Nhật Tiến : *Tiếng Kèn : Chuyến tầu ngày cuối năm,* trang 99).

Một cách tích cực và căn bản hơn, đó là ý thức phản tỉnh của những người đã từng đứng trong hàng ngũ Cộng sản nay đã nhận diện rõ bản chất sắc máu, tàn bạo và láo khoét của chế độ và chính quyền Cộng sản. Như Định trong *Nhóm Lửa : " Còn đâu là những kỷ niệm, những tâm tình, những giây phút hào hùng của cả hai người quyết tâm cùng lăn xả vào cuộc đấu tranh với muôn ngàn hình ảnh rực rỡ hướng về tương lai. Nào đất nước độc lập. Nào quê hương thanh bình. Nào mọi người ấm no, hạnh phúc. Hơn ai hết, là người đã từng chứng kiến mọi diễn biến, mọi đổi thay trên quê hương từ ngày im tiếng súng, Định đã thấy rõ sự suy tàn của xã hội, của từng gia đình, của từng con người. Những ngày theo đuổi cách mạng, Định đâu có nghĩ rằng sự hy sinh xương máu của cả một thế hệ như chàng đâu chỉ cốt thực hiện một xã hội tồi tệ và khốn cùng như xã hội đang dãy dụa, thoi thóp hiện nay. Chàng đã bị phản bội. Tất cả những người nằm xuống đã bị phản bội. Những bà mẹ nuôi, những thanh niên, thiếu nữ, những đoàn viên, những hội viên, những chiến sĩ và những người dân lành đều đã bị phản bội....Định đã lẳng lặng xé toạc gói mo cau*

bên trong chứa đầy những trang bản thảo cũ kỷ của mình. Định lựa chọn những tài liệu học tập, những bằng khen, những giấy tuyên dương công trạng đưa tất cả vào bếp lò. Ngọn lửa được nhóm bùng lên. Đôi mắt của Định đột nhiên sáng rực. Chàng nghe lòng khoái trá như cảm nhận được cơn rẫy rụa, rên la của những sự dối trá đang bị thiêu đốt quằn quại trên ngọn lửa..." (Nhật Tiến: *Nhóm Lửa* Chấn Hưng, số 8 - tháng 3, 1987 - trang 14)

Hoặc như Hoan trong *Những Sự Thực Cần Được Nói Ra.* Hoan là bí thư chi đoàn thanh niên của một trường ở miền Nam và là con của một cán bộ Cộng sản cao cấp. Hoan đã tâm sự với Vân, người yêu của anh: *" Bố anh là một thành phần cao cấp trong giới lãnh đạo ở miền Bắc. Ông ấy đã được nuôi dưỡng, tôi luyện trong bầu không khí của căm thù và bạo lực. Đối với ông, căm thù và bạo lực là hai phương tiện mà ông cho rằng duy nhất có thể giải quyết mọi vấn đề trong xã hội. Từ đó, ông không thấy giá trị nhân bản của một con người. Ông chỉ tay và ra lệnh trên sinh mạng của những con người,như thể ngoài ông ra, mọi người khác chỉ là những con sâu, cái kiến. Anh lấy làm tiếc rằng mình đã được sinh ra trong một hoàn cảnh gia đình như thế. Nhưng không phải vì thế mà anh chịu đứng chung trong một lò như người ta vẫn nói cha nào, con ấy. Và có lần anh đã nói (chỉ tiếc rằng đã nói một cách vô cùng hốn xược) rằng sau chiến tranh, càng sử dụng bạo lực, càng đưa đất nước đến chỗ điêu tàn. Ông ấy đã đuổi cổ anh ra khỏi nhà và công khai từ bỏ một đứa con có tư tưởng phản động...*

... Anh tin chắc rằng có rất đông người trẻ đang chia sẻ những điều ước mơ của mình, dù họ là những người ở ngoài nước hay trong nước, dù họ đang cặm cụi ở học đường hay đang làm than ở những công trường, nông trường hay trong các xí nghiệp. Đã qua rồi cái thời gian họ tự chấp nhận thân phận của những nạn nhân trong một guồng máy. Riêng ở trong nước, qua những cuộc tiếp xúc, trao đổi, anh biết rõ một điều là những nạn nhân ấy đã biết nhìn thẳng vào những đau thương, đổ vỡ, thiệt thòi, không phải để

than van, khóc lóc như trước nhưng là để nung nấu cho những hành động chín mùi.. Như em đã biết, trời đất bỗng dưng êm ả, yên tịnh một cách dị thường, đó là dấu hiệu của những cơn bão lớn... " (Nhật Tiến: *Những Sự Thực Cần Được Nói Ra,* Văn Học số 24, 25 trang 45)

"Cơn bão lớn" ở đây mới chính là một cuộc cách mạng thực sự không phân biệt người bên này hay bên kia, trong nước hay ngoài nước, nhằm giải phóng Việt Nam ra khỏi chế độ tàn bạo, phi nhân Cộng sản để xây dựng một quê hương độc lập, tự do, thanh bình và nhân bản.

Tóm lại, nếu trước đây, với cái nhìn cũ và sự nhận thức cũ, với tư thế của một người ở một chiến tuyến đối nghịch, Nhật Tiến nhắm lột trần để tố giác những gian trá, tàn bạo, phi nhân của chủ nghĩa và chế độ Cộng sản thì bây giờ, với cái nhìn mới và sự nhận thức mới, nội dung các truyện ngắn của ông như là tiếng nói của lương tâm, của những ước mơ nhân bản sau nhiều năm bị trấn áp đã cất lên từ trong lòng của chế độ cộng sản. Nó không còn là một sự tố giác vì đối nghịch từ bên ngoài. Nó chính là ý thức phản tỉnh chính đáng từ bên trong. Nó không còn là thứ văn chương chống Cộng dù với kỷ thuật tinh vi, già dặn. Nó chính là sự chuyển mình quật khởi của ý thức dân tộc sau mỗi chu kỳ đen tối của vận mệnh dân tộc mà văn chương chỉ là phương tiện truyền đạt. Nó không còn là kiểu chống Cộng vì mình là người quốc gia, đặc biệt với cái ý niệm người quốc gia miền Nam chống lại người Cộng sản miền Bắc. Chính cái quan niệm chống Cộng này đã tạo ra cái ý niệm mơ hồ, sai lạc và phản tác dụng trong suốt 30 năm chống Cộng. Chính cái quan niệm này đã tạo ra sự chia cắt tổ quốc thành hai miền thù nghịch ngay từ trong tâm thức của mỗi người dân Việt nam trước khi nó là hậu quả của hiệp định Genève 1954. Chính cái quan niệm chống Cộng này đã đẻ ra tại miền Nam những chính quyền chống Cộng trên nền tảng sách lược và quyền lợi của những thế lực ngoại quốc khác (Những chính quyền quốc gia trước 1954 đã chống Cộng trong chính sách, quyền lợi và dưới sự điều động của thực dân Pháp.

Những chính quyền quốc gia sau 1954 đã chống Cộng trong sách lược toàn cầu và với sự chỉ đạo của Mỹ mà miền Nam giữ vị trí của một thứ tiền đồn. Khi Mỹ thay đổi sách lược, chính quyền chống Cộng tại miền Nam sụp đổ trong khi quyết tâm chống Cộng của dân tộc tại miền Nam vẫn còn). Chính quan niệm chống Cộng này đã tạo ra tâm lý và sự đánh giá sai lầm về cuộc chiến Việt Nam như là một cuộc nội chiến, một cuộc tranh giành quyền lực giữa hai miền Nam Bắc kiểu như Đàng Trong và Đàng Ngoài thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Và cũng chính quan niệm chống Cộng này đã ngăn lối cản đường những người nhiệt tình yêu nước, không chấp nhận chủ nghĩa và chế độ Cộng sản nhưng cũng không tìm thấy chính nghĩa dân tộc trong *"những người quốc gia"* xuất thân từ những lò đào tạo của thực dân Pháp. Hậu quả của sự độc quyền, mơ hồ và sai lầm trong ý thức chống Cộng là : không những không vận dụng được tiềm lực dân tộc ở cả hai miền Nam Bắc mà ngược lại, tạo cơ hội cho Cộng sản khai thác và xử dụng tiềm lực ấy; Không những không làm nổi bật được bản chất chỉ là công cụ và tay sai của Hồ Chí Minh và tập đoàn Cộng sản Việt nam cuả ông đối với Cộng sản Quốc Tế mà ngược lại, để lộ sự nhu nhược, lệ thuộc của *những người quốc gia* đối với ngoại bang mà cuộc thảm sát ở Mỹ Lai là một điển hình . Và dĩ nhiên, ai cũng đã thấy, không những không có giấc mơ giải phóng miền Bắc mà còn để mất luôn miền Nam vào tay Cộng sản.

Ý thức chống Cộng được thể hiện qua nội dung những tác phẩm và những lời phát biểu sau này của nhà văn Nhật Tiến là **dân tộc chống ngoại xâm.** Dân tộc ở cả hai miền. Dân tộc vượt lên trên thành kiến và quá khứ chính trị. Dân tộc có một mẫu số chung là chống bất cứ thế lực ngoại bang nào, dù trắng hay đỏ, xâm phạm và làm nguy hại đến những giá trị truyền thống và nhân bản của dân tộc mà trước mắt và nguy hiểm nhất là Cộng sản Quốc Tế bao gồm cả công cụ của chúng là tập đoàn Cộng sản Việt Nam. Dân tộc có một lý tưởng chung là giải phóng đồng bào ra khỏi chế độ Cộng sản tàn bạo, phi nhân bản, phi dân tộc để xây

dựng một tổ quốc Việt nam độc lập, tự do, thanh bình và nhân bản. Trong bài nói chuyện tại Vietnamese Center, Wichita ngày 20 - 7 - 86 do tạp chí Ngày Nay tổ chức với nội dung là : **"Một Vài Nhận Thức Về Những Vấn Đề Của Quê Hương"**, Nhật Tiến đã nói : *"Lịch sử đã đưa dân tộc sang qua một trang mới, ở đó bao gồm đủ mọi loại thành phần, dù bên này hay bên kia, đã từng chiến đấu dưới màu cờ này hay màu cờ khác, nhưng trong thực tế đã có ít nhất là một điểm đồng dạng: Đó là sự hiểu biết sâu xa về bản chất phi nhân của chế độ Cộng sản, đó là sự nhận định về khẩu hiệu "yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội" chỉ là một sự áp đặt tư tưởng con người, cưỡng ép con người từ bỏ bản chất dân tộc để đi vào con đường ngoại lai, vong bản. Trên cơ sở của những nhận thức căn bản đó, mọi người Việt nam đều khao khát một ước vọng chung đó là xóa bỏ chế độ Cộng sản để xây dựng một quê hương mới. Trong cuộc hành trình tiến về tương lai, nếu đã gọi là cùng chung một lý tưởng mới, thì không ai có thể độc quyền, độc tôn, độc diễn. Hãy mở rộng tấm lòng với trái tim biết cảm thông, biết thổn thức, biết thương yêu, biết xót xa trên những đổ vỡ đau thương của dân tộc, bởi chỉ có như thế, ta mới có thể tạo điều kiện cho sự kết hợp rộng lớn của toàn thể dân tộc, một điều kiện tất yếu để chiến thắng chủ nghĩa Cộng sản..."* (Chấn Hưng số 8 trang 21, tháng 12, 1986).

Với ý thức chống Cộng như thế thì rõ ràng mục tiêu chống Cộng là sự giải phóng toàn vẹn đất nước ở hai miền, là sự tự do, độc lập và hạnh phúc của toàn dân ở hai miền. Không thể có một thứ thiên đường chỉ dành riêng cho một nửa dân tộc bên này, còn một nửa dân tộc bên kia lam lũ, tăm tối; Lại càng không thể có một thứ thiên đường chỉ dành riêng cho một thiểu số phè phởn trên mồ hôi, nước mắt và xương máu của đại đa số dân nghèo, binh sĩ và vợ con nheo nhóc của họ. Nhưng trên thực tế, đã có một thứ thiên đường như thế tại miền Nam trong suốt cuộc chiến chống Cộng 30 năm vừa qua. Đó là thiên đường của *"những kẻ đầu cơ, tích trữ, những đứa sống nhởn nhơ, phe phởn trên cơn thiếu thuốc men, bệnh tật của dân nghèo khó, những đứa buôn*

súng đạn, bán dứng sinh mạng của chính anh em đồng ngũ của mình..." Đó là thiên đường của *những kẻ bất tài nhưng có quyền thế thao túng chính trị, thao túng thị trường, thao túng trên cả sinh mạng của binh sĩ..."* bên cạnh đời sống cơ cực, lầm than của những người dân lương thiện,, những người lính trực diện chiến đấu cho sự sống còn của quốc gia. Sự bất công đó của xã hội đã là một trong những nguyên do đưa đẩy miền Nam vào tay Cộng sản. *"Một xã hội như thế, nghĩ cho cùng, tuy cũng còn hơn là xã hội Cộng sản, nhưng nhất định không phải vì thế mà trở thành một niềm mơ ước cho tất cả mọi người".*

(còn tiếp một kỳ)

*

ĐÍNH CHÍNH

* Trong bài "Phong trào Nhân văn Giai phẩm, VănHọc số 27 trang 29, chúng tôi có chép việc bà Thụy An tự chọc mù mắt khi bị bắt, dựa theo những tài liệu cũ và vài nhân chứng là bạn của bà hiện sống ở Pháp. Sau này, trong cuốn "Thép đen", Đặng Chí Bình khi bị giam ở Hoả Lò Hà nội cũng nhắc lại việc đó.

Hoạ sĩ Võ Đình là bạn thâncủa người con trai bà (hiện sống ở Mỹ) cho biết: Việc này không hề có. Chúng tôi xin thành thực cảm ơn hoạ sĩ Võ Đình và xin trân trọng đính chính cùng bạn đọc.

* Văn Học số 29, trong bài "Lại làm đẹp" của Nguyễn Tấn Hưng trang 111 có câu :"Văn chương lai căng? Đại khái nói đó là lời phê bình cảnh giác của nhà điểm sách Thụy Khuê dành cho ông Võ Đình khi đọc "Xứ Sấm Sét" nói riêng và cho tất cả các ông nhà văn bên Mỹ nói chung."

Chúng tôi xin ghi lại nguyên ý của bài điểm sách "Xứ Sấm Sét":

"Ông (Võ Đình) có công dịch những lời đối thoại từ Anh ngữ sang tiếng Việt. Đấy là một mẫu mực nên theo. Đọc những tác phẩm của một số nhà văn ở Mỹ hiện thời nhiều khi thấy xổ một tràng đối thoại tiếng Anh mà chẳng dịch gì cả"

Như vậy tác gia bài "Lại làm đẹp" đã thuật sai ý kiến của tôi về nhà văn Võ Đình. Xin trân trọng đính chính cùng độc giả.

Thụy Khuê

BÀI NHẬN ĐƯỢC TRONG THÁNG

Một đêm thứ bảy, tác động và cảm nhận (của TV, Pháp), Bé Lan (của Q.Đ), Lịch sử thành phố Bạc Hà Tây (của LGT), Hai thế hệ, một con đường (thơ LD Đức), Dọn sang nhà bên cạnh, Ở một nơi toàn là đàn ông (truyện NHT), Hoàng tử và Kẻ Khờ (truyện TTKL), Gửi người phù vân (thơ NTN), Thế giới âm nhạc VN: Thiên nhiên và Con người qua sáng tạo thẩm mỹ (của G.s NTP), Máu se tàn lạnh (truyện NTHB), Một mối tình già (truyện NTH), Người con gái tập hát (truyện NKP), Ý nghĩa một lời giới thiệu (của VĐ), Người khách lạ (truyện của NTTB), Đùa bỡn (truyện dịch của LDL), Trưa Bolsa, Mưa (thơ LTCN), Ba bài khảo cứu sử học (bản đã nhuận chính của NĐT), Thơ và truyện của KK Canada, Tiếng núi (truyện của NND), Mưa đêm (truyện của PTN).

Văn Học trân trọng cảm tạ sự cộng tác của quí bạn. Sau các số báo chủ đề, bài bị dồn lại hơi nhiều nên bài của quí bạn không thể đăng ngay số tới được. Chúng tôi sẽ liên lạc với quí bạn về những bài Văn Học sẽ đăng để quí bạn khỏi gửi trùng cho báo khác.

SÁCH MỚI NHẬN ĐƯỢC

Như Cánh Chim Bay

Tiểu thuyết của Võ Hồng, Văn Nghệ xuất bản tháng 8.1988. Sách dày 320 trang. Giá 13 MK.

Lỡ Một Chuyến Đi

Tiểu thuyết của Trần Kim Vy, do tác giả tự xuất bản tại Houston Hoa Kỳ tháng 8.1988. Sách dày 400 trang. Giá 14 MK. Địa chỉ liên lạc mua sách:

Trần Kim Vy Interprises PO Box 720772, Houston TX 77072-0772

Con đường âm phủ

Tập truyện của Trần Trúc Giang, Thế Giới Lưu Vong Hôm Nay xuất bản tháng 6.1988. Sách dày 240 trang. Giá 10 MK

Viễn Phố

Tập thơ của Hoàng Xuân Sơn, Việt Chiến xuất bản tháng 7.1988. Sach dày 140 trang. Giá 6 MK.

Địa chỉ liên lạc mua sách: Hoàng Xuân Sơn
2914 Coolbrook, Montreal PA H3X 2M4 Canada

Đêm Việt Nam, tập 1 và 2

Tập thơ của Minh Viên, Việt Nam Mới xuất bản mùa hè 1988 . Sách tặng không đề giá bán.

Triết lý chấp sinh Nguyễn Công Trứ

của LM Vũ Đình Trác, Hội Hữu xuất bản tháng 7.1988. Sách dày 276 trang. Giá 10 MK.

CÁO LỖI

* Trên Văn Học số 31 chủ đề "Doãn Quốc Sỹ", bài "Nhớ về một trường hợp" của nhà văn Phạm Quốc Bảo, do lỗi của kỹ thuật Văn Học đã sơ sót layout thiếu một đoạn chót như sau :

"Nếu liên tưởng rộng ra đến lãnh vực khác và sâu trong quá khứ lịch sử dân tộc, tôi thấy hành động tuẫn tiết trên đã bắt nguồn từ các phong trào Cần vương, Văn thân xuống đến Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học. Hành động này còn nối dài ra hải ngoại đến những Võ Đại Tôn, Trần văn Bá...

Dường như nữ nhân vật Yến đã nói với nam nhân vật Thiệu trong Dòng Sông Định Mệnh của Doãn Quốc Sỹ rằng :"Kiếp sau em làm vợ anh. Tình chúng ta chân thành, nhất định kiếp sau em làm vợ anh"

Phải chăng chính ông cũng muốn nói như thế với đất nước khi ông thấy lý tưởng của ông bị phụ rẫy đến độ tuyệt vọng trong thực tế đời sống ? Và lãng mạn nẩy sinh. Và bi thảm ở chỗ đó !"

Văn Học xin cáo lỗi cùng nhà văn Phạm Quốc Bảo và quí bạn đọc.

* Hồi ký "Cửa Việt" của nhà văn Cao Xuân Huy đã bắt đầu đăng từng kỳ trên Văn Học từ số trước, do tác giả viết từng kỳ cho mỗi số báo.

Nhưng sau khi đăng kỳ 1, tác giả lại quá bận nhiều việc nên đến hạn nộp bài mà vẫn chưa viết xong, ảnh hưởng đến việc phát hành đúng hạn của tờ tạp chí.

Vì vậy, Văn Học xin ngưng loạt hồi ký này, để nhà văn Cao Xuân Huy có thì giờ hoàn tất toàn tập hồi ký để xuất bản.

Trân trọng cáo lỗi cùng bàn đọc.

QUÍ ĐỘC GIẢ DÀI HẠN LƯU Ý

*Trên bì gửi báo, Văn Học có đóng dấu đỏ nhắc nhở quí vị khi đã tới gần hết hạn mua báo hoặc đã quá hạn. Trên nhãn địa chỉ, dòng số đầu tiên (ví dụ 967-13-24) thì số đầu tiên là số thứ tự của quí vị trên danh sách độc giả dài hạn, hai số sau có nghĩa là hạn báo từ số 13 đến số 24. Quí vị có thể xem vào đó để biết lúc nào hạn hết báo để gia hạn cho kịp thời. Sau khi nhắc 2 lần mà chưa nhận được tiền gia hạn, tòa soạn xin mạn phép ngưng gửi báo.

*Trong phiếu gia hạn, xin quí vị đề thêm hai chữ "gia hạn" để ban trị sự khỏi lầm với độc giả mới.

*Quí vị đổi địa chỉ, xin ghi luôn vào thư thông báo số thứ tự và địa chỉ cũ để tòa soạn dễ tra cứu.

* Các bạn muốn mua Văn Học từ số đầu : Hiện nay tại Toà soạn các số 1, 3, 5, 6, 7, 21, 24 & 25 đã hết. Chúng tôi chỉ còn các số còn lại mà thôi.

* Vì thủ tục thuế khoá phiền phức, xin quí vị trả tiền cho Văn Học đừng gửi chung chi phiếu với nhà xuất bản Văn Nghệ, và ngược lại.

NHA Y SĨ

DƯ THỊ MỸ LAN

GENERAL DENTISTRY

Chữa bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave., Suite 302
Westminster, CA 92683
(714) 898-6449

Giờ làm việc:
Ngày thường: từ 10Am đến 7PM
Thứ Bảy: từ 9AM đến 6PM
Chủ Nhật: từ 10AM đến 2PM

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN MAGNOLIA

14571 MAGNOLIA STE: 101-102-103 WESTMINSTER, CALIFORNIA 92683

(714) 893-1915

- **BẮT ĐẦU PHỤC VỤ QUÍ VỊ**
- **TRANG BỊ ĐẦY ĐỦ MÁY MÓC MỚI VÀ TỐI TÂN**

VỚI SỰ ĐIỀU KHIỂN CỦA BÁC SĨ PHÙNG G. THANH

American Board of Radiology (Chuyên môn về Computerized tomography & Ultrasound)

VÀ NHIỀU BÁC SĨ QUANG TUYẾN KHÁC CỘNG TÁC

MODEL 1988

MÁY ĐẶC BIỆT DÀNH RIÊNG CHO CHỤP VÚ:
- Tối tân, tự động, ít phóng xạ.
- Do nữ chuyên viên Quang tuyến tốt nghiệp tại Hoa Kỳ phụ trách.
- Không cần hẹn trước và không cần bác sĩ giới thiệu.

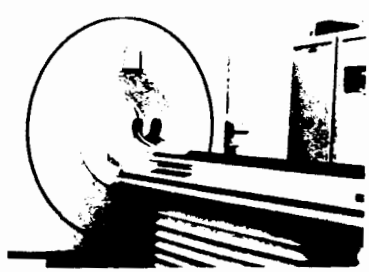

MODEL 1988

CAT SCAN: Một phát minh tuyệt diệu do sự phối hợp của Quang tuyến và Computer sẽ giúp quí vị bác sĩ định bệnh nội-ngoại thương và thần kinh một cách chính xác hơn.

- GIỜ MỞ CỬA:
  - Thứ Hai-Thứ Sáu: 10AM—6PM
  - Thứ Bảy: 10AM—4PM và theo hẹn

CÔNG TY CỬA SẮT

MARSHALL

IRON WORKS & BLOCK WALLS
SECURITY PRODUCTS

3721 W. McFADDEN AVE., SUITE #G
SANTA ANA, CALIFORNIA 92704

(714) 775-3469

OPEN MON – SAT 8:00 – 6:00PM

FREE ESTIMATES

CHUYÊN MÔN CÁC LOẠI:

— Cổng sắt cánh đẩy và 2 cánh mở
— Cửa sắt an toàn có lưới
— Cửa sổ sắt an toàn
— Hành lang và lan can
— Xây tường và hàng rào sắt

STAIR WAY

WINDOW GUARD

ĐẶC BIỆT:

— Xây cất thêm phòng, ngăn phòng, làm phòng tắm, làm patio.
— Thiết kế và trang trí cho các cơ sở thương mại.
— Tráng xi măng và drive-way.

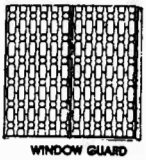

WINDOW GUARD

CHO CÁC CƠ SỞ THƯƠNG MẠI VÀ TƯ GIA VÙNG ORANGE COUNTY VÀ LA

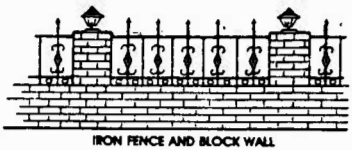

IRON FENCE AND BLOCK WALL

CÔNG TY CỬA SẮT
CẦN TUYỂN:
THỢ HÀN CỬA SẮT
Liên lạc: (714) 775-3469
(714) 530-9703

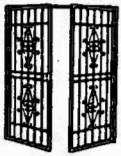

SECURITY GATE

GIÁ RẺ – NHANH CHÓNG – THÀNH PHẨM TẬN TÂM

MAGNOLIA MEDICAL CLINIC

* Personal Injuries (Tai nạn xe cộ và nghề nghiệp)
* Industrial Medicine
* Physical Occupational Therapy

TRUNG THANH NGÔ MD

PAIN RELIEF CENTER

Với sự cộng tác của các Bác sĩ chuyên môn điều trị đau nhức tại Đại học UCLA, PAIN MANAGEMENT CENTER

* **CỐN PHẠM GIA M.D.**
* **GEORGE E. KHOURY M.D.**
* **OANH TRẦN CA (Certified Acupuncturist).**

14571 Magnolia Ave. Suite # 110
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 895-1133

CENTRAL VALLEY MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA BLVD., RESEDA,CA 91335
Tel. (818) 708-7227

B.S NGUYỄN VĂN HUNG M.D.
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu Cấp cứu và Quang tuyến)

B.S. TRƯƠNG NGỌC THẠCH M.D.
Bác sĩ Điều trị OLive View Medical Center
(Khu theo dõi Nội khoa và Chương trình Săn sóc Toàn diện)

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai-Thứ sáu 9 AM đến 8 PM
Thứ bảy-Chủ nhật 9 AM đến 3 PM

NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI VÀ MIỄN PHÍ

BÁC SĨ
VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD
OF INTERNAL MEDICINE
AND PULMONARY DISEASES
CHUYÊN TRỊ : BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

* *Bệnh nội khoa ; Tiểu đường, Máu cao..v.v..*
Bệnh phổi : Ho, Suyễn, Đau ngực, Lao, Khó thở...

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ làm việc : (Gọi giấy hẹn)
Ngày thường : 9-12 AM và 1-6 PM
Thứ bảy : 9 AM - 1 PM

2720 S. Bristol St. Suite 210 Santa Ana, CA. 92704

Tel : (714) 641. 0263

PHƯỢNG 's
GENERAL MERCHANDISE
TRUNG TÂM MUA BÁN:
QUÀ TẶNG, MỸ PHẨM
QUẦN ÁO TRẺ EM. XÁCH TAY.

ĐẶC BIỆT : Bán sỉ và lẻ tranh sơn mài, giá hạ.
Nhận VISA- MASTER CARD.
LAYAWAY-U.P.S.
9681 Bolsa Ave. # 11 & 12
Westminster, CA. 92683

(714) 839. 1066

(Trong khu Crystal Palace trước chợ Man Wah)

Mở cửa 7 ngày từ 10:00 AM - 8:00 PM
* *Cần đại lý ở các tiểu bang* ***Kính mời***

REX
INSURANCE AGENCY

VĂN PHÒNG BẢO HIỂM CHUYÊN NGHIỆP

TRẦN CÔNG TIẾN, Ph.D.

SANTA ANA OFFICE
2709 8. 17 th St. Suite C
Santa Ana, CA. 92703
(714) 554. 4742

WESTMINSTER OFFICE
10451 Bolsa Ave. Suite 207
Westminster, CA. 92683
(714) 531. 1341

BẢO HIỂM XE

Giá hạ cho quí vị mới có bằng lái, quí vị có quá trình lái xe không tốt , các em sinh viên học sinh.

NHÂN THỌ, SỨC KHOẺ, NHÀ, BONDS, THƯƠNG MẠI

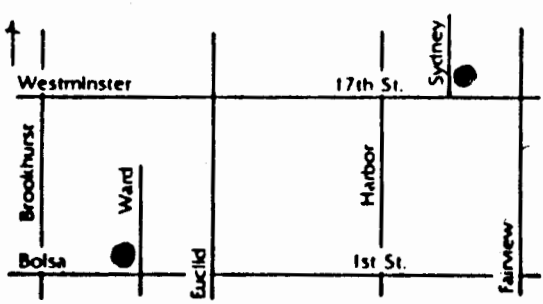

Văn phòng Santa Ana rất tiện lợi cho quí vị ở Orange, Tustin, Santa Ana, Garden Grove. Shopping Center chỉ có tầng trệt và chỗ đậu xe rộng rãi.

Kính chúc quí thân chủ một năm Mậu Thìn như ý.

BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN

M.D., F.A.C.S.

* Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát (American Board of Surgery).
* Tốt nghiệp Siêu chuyên khoa Giải phẫu đường ruột và hậu môn.(American Board Qualified of Colon and Rectal Surgery).
* Hội viên Hội Bác sĩ Giải phẫu Hoa Kỳ (Fellow, American College of Surgeons).
* Hội viên Hiệp hội Bác sĩ Giải phẫu đường ruột và hậu môn (American Society of Colon and Rectal Surgeons).

CHUYÊN TRỊ VÀ GIẢI PHẪU

* *Các bệnh trĩ và mạch lương bằng tia laser ít đau, mau bình phục*
* *Bệnh đường ruột, ung thư ruột, táo bón kinh niên, ruột dư, sa ruột*
* *Sạn túi mật, vàng da, đau bụng*
* *Tầm ung thư ở vú và ngực*
* *Các loại bướu ở đầu và cổ*
* *Giải phẫu sửa cơ vòng âm đạo suy yếu do sinh đẻ hoặc tuổi tác*
* *Tiểu giải phẫu : Cắt qui đầu, cắt bướu ở da, các loại nốt ruồi,*
* *Suy tầm ung thư ruột và bộ tiêu hoá*
* *Soi đường ruột.*

MAGNOLIA CLINIC

14571 Magnolia St, Suite 207, Westminster CA 92683
By Appointment Only : (714) 898.1177

TAM AUTO CENTER

1610 N. Fairview St. Santa Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554-2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc biệt làm máy xăng, dầu. Tune-up
Làm thắng - Rebuild hộp số - Carburator

Mở cửa từ 8 AM đến 5 PM
Chủ nhật từ 8 AM đến 12 giờ trưa.

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

STUART BARASCH

Luật sư cho cộng đồng người Việt tại
California và Florida
Với sự phụ tá pháp lý của Bà
THƯƠNG NGUYỄN BARASCH

*** Văn phòng tại Orange County**
9191 Bolsa Avenue, Suite 228 Westminster CA 92683
Phone: (714) 897-7878

Văn phòng Los Angeles
767 North Hill Street, Suite 203 Los Angeles CA 90012
Phone: (213) 621-7622

Văn phòng San Jose
586 North First Street,Suite 101 San Jose, CA 95112
Phone: (408) 292-7993

CHUYÊN MÔN VỀ TAI NẠN XE CỘ

Quí vị ở xa xin gọi TOLL FREE:
1 (800) 445-2930

Ngoài tai nạn xe cộ, văn phòng còn phụ trách :
* Tai nạn lao động, máy bay, trượt té.
* Ly dị
* Say rượu lái xe, trộm cắp, đánh lộn, đả thương.
* Di trú và Nhập tịch.
* Công việc chúng tôi là bảo vệ quyền lợi của quí vị.
* Xin gọi cho tôi, tôi sẽ giải quyết vấn đề của Quí vị một cách :

NHANH CHÓNG-THÀNH TÂM-CHÍNH XÁC
* Tham khảo miễn phí

* Chỉ nhận thù lao sau khi được bồi thường.

VĂN PHÒNG MỞ CỬA CẢ NGÀY THỨ BẢY

Phiếu mua báo dài hạn

(giá biểu mới kể từ tháng 5.1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ : .....
.....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số:.....**đến**..... .....

Mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng tư)
Sáu tháng..... **15 MK**
Một năm..... **30 MK**

mua dài hạn tại Hoa Kỳ và Canada (gửi hạng nhất)
Sáu tháng..... **21 MK**
Một năm ..... **42 MK**

Giá biểu mua dài hạn cho bạn đọc ở Âu châu
Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... **21 MK**
Một năm, gửi tàu thủy ..... **42 Mk**
Sáu tháng, gửi máy bay..... **33 Mk**
Một năm, gửi máy bay ..... **66 MK**

Giá biểu dài hạn cho bạn đọc ở Á và Úc châu
Sáu tháng, gửi tàu thủy ..... **21 Mk**
Một năm gửi tàu thủy ..... **42 MK**
Sáu tháng, gửi máy bay ..... **40 MK**
Một năm, gửi máy bay..... **80 MK**

Đính kèm số tiền .....
(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên VAN HOC)

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua : * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học.....
Để tặng cho: .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu : ..... **Mỹ kim**

XIN TÌM MUA NGAY NHỮNG TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN MỘNG GIÁC

NGỰA NẢN CHÂN BON

Tập truyện ngắn vừa do Nhà Xuất bản Văn Nghệ tái bản lần thứ 3. Giá tại Hoa Kỳ 9 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí

XUÔI DÒNG

Tập truyện ngắn do Nhà Xuất bản Văn Nghệ in và phát hành. Giá tại Hoa Kỳ 7 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

NHỮNG ĐỢT SÓNG NGẦM

Tức Tập 1 bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, do Nhà Xuất bản Văn Nghệ vừa tái bản lần thứ 2. Giá tại Hoa Kỳ 8 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

BÃO NỔI

Tức Tập 2 bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, do Nhà Xuất bản Văn Nghệ vừa tái bản lần thứ 2. Giá tại Hoa Kỳ 9 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

MÙA BIỂN ĐỘNG

Tập 3 bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, do Nhà Xuất bản Văn Nghệ vừa tái bản lần thứ 1. Giá tại Hoa Kỳ 12 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 MK bưu phí.

BÈO GIẠT

Nguyên là tập hạ cuốn 3 Mùa Biển Động, nhưng vì dày tới 450 trang nên tách thành tập 4 của bộ trường thiên, do Nhà xuất bản Văn Nghệ xuất bản lần đầu vào cuối tháng 7.1988. Giá tại Hoa Kỳ 15 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 2 MK bưu phí.

THA HƯƠNG

Tập cuối của bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động*, có phụ đính bản gia phổ tất cả nhân vật trong truyện, bản tóm lược nội dung các chương, và ý kiến phê bình. Sách sẽ do Nhà Xuất bản Văn Nghệ in và phát hành Mùa Hè năm 1989, hoàn tất bộ trường thiên dày 1500 trang.

ĐƯỜNG MỘT CHIỀU

Truyện dài của Nguyễn Mộng Giác được giải PEN Club Việt Nam năm 1974. Nam Giao xuất bản lần đầu năm 1974. Văn Nghệ tái bản lần thứ nhất năm 1988.

Số đăng ký tại Thư viện Quốc hội Hoa kỳ : ISSN : 0885-128X

in tại NVPRINTING (714) 897-3628

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 832-8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết.

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI:

MÙA BIỂN ĐỘNG TẬP HẠ CUỐN 3

của NGUYỄN MỘNG GIÁC

Vì dày 450 trang nên tác giả tách riêng thành Tập 4

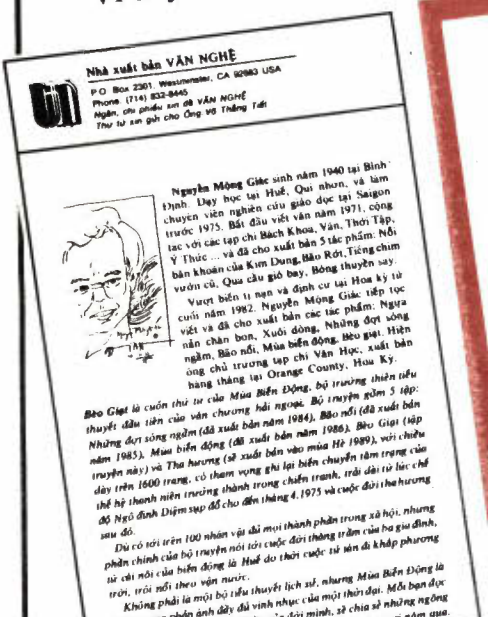

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 USA
Phone (714) 832-8445
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ
Thư từ xin gửi cho Ông Võ Thắng Tiết

Nguyễn Mộng Giác sinh năm 1940 tại Bình Định. Dạy học tại Huế, Qui nhơn, và làm chuyên viên nghiên cứu giáo dục tại Saigon trước 1975. Bắt đầu viết văn năm 1971, cộng tác với các tạp chí Bách Khoa, Văn, Thời Tập, Ý Thức ... và đã cho xuất bản 5 tác phẩm: Nỗi vườn cũ, Qua cầu gió bay, Bông thuyền say.

Vượt biển tị nạn và định cư tại Hoa kỳ từ cuối năm 1982. Nguyễn Mộng Giác tiếp tục viết và đã cho xuất bản các tác phẩm: Ngựa nắn chân bon, Xuôi đông, Những đợt sóng ngầm, Bão nổi, Mùa biển động, Bèo giạt. Hiện ông chủ trương tạp chí Văn Học, xuất bản hàng tháng tại Orange County, Hoa Kỳ.

Bèo Giạt là cuốn thứ tư của *Mùa Biển Động*, bộ trường thiên tiểu thuyết đầu tiên của văn chương hải ngoại. Bộ truyện gồm 5 tập: *Những đợt sóng ngầm* (đã xuất bản năm 1984), *Bão nổi* (đã xuất bản năm 1985), *Mùa biển động* (đã xuất bản vào mùa Hè 1989), với chiều dày trên 1600 trang, có tham vọng ghi lại biến chuyển tâm trạng của thế hệ thanh niên trưởng thành trong chiến tranh, trải dài từ lực chế độ Ngô đình Diệm sụp đổ cho đến tháng 4.1975 và cuộc đời tha hương sau đó.

Dù có tới trên 100 nhân vật tải mọi thành phần trong xã hội, nhưng phần chính của bộ truyện nói tới cuộc đời thăng trầm của ba gia đình, từ cải nói của biến động là Huế do thời cuộc tử tán đi khắp phương trời, trôi nổi theo vận nước.

Không phải là một bộ tiểu thuyết lịch sử, nhưng *Mùa Biển Động* là tấm gương phản ánh đầy đủ vinh nhục của một thời đại. Mỗi bạn đọc sẽ tìm thấy trong đó một phần của đời mình, sẽ chia sẻ những ngông cuồng, những thất vọng, những bi đát của hơn hai mươi năm qua.

NGUYỄN MỘNG GIÁC

BÈO GIẠT

TẬP 4 TRƯỜNG THIÊN TIỂU THUYẾT
MÙA BIỂN ĐỘNG

văn nghệ

Bạn đọc tìm hỏi mua ở các hiệu sách , hoặc liên lạc về địa chỉ và số điện thoại nhà xuất bản Văn Nghệ. Giá mỗi cuốn *15 MK. Ngoài Hoa Kỳ thêm 2 MK bưu phí.*

Giá tại Hoa Kỳ : 3 Mỹ kim